

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

Thu Nhâm Dần 2022 • 3



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

• Ngẫm nghĩ

Tĩnh tâm tuệ trí

Văn Tư Tu

Bốn mươi một năm trước, Ngài Quảng Đức Chơn Tiên có lời ưu tư với Hội Thánh: “*Từ tể huynh qui Tiên, nội bộ có phần dao động, nổi lo người kế vị, nổi mong cải tiến tinh thần mới, sinh khí mới cho nội bộ...*”. Thời ấy còn 11 vị chức sắc vào hàng lương đồng. Ngày nay, khi Anh Lớn Phối sư Thượng Hậu Thanh về Thầy chức sắc đương nhiệm công việc Hội Thánh còn vừa đủ số ngón một bàn tay.

Tình trạng ấy, sự dao động hẳn khó tránh. Rất may nhờ tâm thành cầu nguyện cho cơ Đạo hanh thông, nhờ khéo tùy duyên thuận pháp mà Hội Thánh qua được bước đầu khó khăn. Đó là đã chọn ra vị Giáo sư nhận sự ủy thác của Hội Thánh đương vi gánh đạo.

Dầu vậy, mới chỉ là một bước, còn bao nhiêu bước tiếp theo phức tạp, khó khăn có thể bất ngờ xảy đến lúc này hay lúc khác, nơi gần hoặc nơi xa.

Trải nghiệm một đời hành đạo, Đạo trưởng Phối sư nhận xét: “Việc đạo không bao giờ yên đâu”.

Lẽ thường là vậy.

Và sở trường giúp môn sinh nhà đạo chúng ta chiến thắng mọi chương ma, thử thách là Tĩnh Tâm Tuệ Trí, duy nhất và thường trực sống đức tin theo lời Thầy dạy:

“Con tin tưởng có Trời hằng ngự,

Con tin con để giữ thân danh;

Ngày mai Đại Đạo hoàn thành,

TRUNG HƯNG Tông Đạo cửa lành rộng khai”.

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

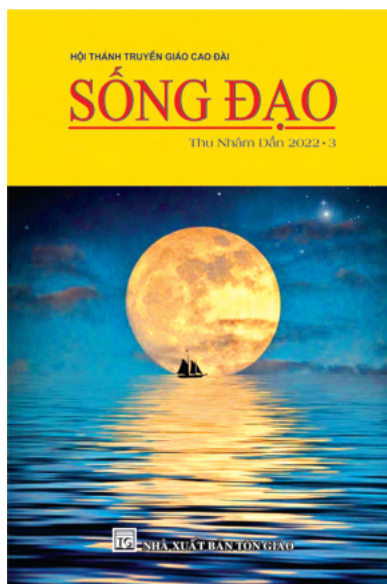
THU NHÂM DẦN 2022 • 3

*“Tu sĩ vì thiếu tâm tu học mà bị khảo
Chức sắc thiếu lòng tu học mà bị khảo
Hội Thánh thiếu sự an bài mà Hội Thánh bị khảo”*

Tiếp Văn Pháp Quân-THBT-10.5.Canh Tý.1960

Mục lục

- Thánh giáo.
- 3 Bài thơ cho mọi người con (thay thư Sống Đạo kỳ này).
Huy Phương phỏng dịch
- 5 Lời Thánh 3: Thủy chương cuồng phong anh em
vững lòng. *Từ Nguyên Phúc*
- 10 Tri ân báo hiếu. *Ngọc Anh*
- 17 Thánh giáo: Ta thương ta, Ta phải cứu ta.
Huệ Khải hiệu đính và chú thích
- 25 Thánh truyền Trung Hưng dạy về sám hối.
Phạm Sĩ Dũng st
- 26 Con đường dẫn đến Trí Huệ. *Bửu Phiệt*
- 37 Đức Mẹ và các gương Thánh nữ. *Trăng Thiên*
- 45 Hòa vui tin cậy. *GS Thượng Văn Thanh*
- 49 Tâm và Tánh. *Giáo sĩ Diệu Như*
- 56 Đức "Dung" trong Tứ Đức. *Hương Hồng*
- 68 Lễ độ. *Võ Tiến Triều*
- 76 Đạo hiếu trong kinh Tận Độ. *Tùng Nguyễn*
- 79 Tim hiếu: bốn khối tu ở Bắc Nhã Tịnh Đường.
Đại Cơ Hòa
- 87 Pháp môn lạy trong Đạo Cao Đài.
Lê Hoàng Nguyên
- 105 Tùy duyên mà bất biến - Bất biến mà tùy duyên.
Hùng Vạn
- 108 Học thuyết Maslow và hành trình đời người:
Từ nhu cầu vật chất, tinh thần đến nhu cầu tâm linh.
Trần Quốc Huân
- 117 Suy niệm về Thánh Thất Trung Hòa Mộ Đức.
Vô Nhai Tử
- Sáng tác:**
- 121 Câu chuyện mùa báo hiếu: "Để đó mẹ lo"
Thế Tuấn st
Truyện ngắn: Quay đầu. Trương Duy
Thơ: Mai Hậu • Nguyễn Quốc Huân •
Đỗ Thị Kết • Trần Dã Sơn • Võ Thị Tổng
- 139 **Thông tin – Tư liệu:**
- 146 Danh sách công quả ấn tống Sống đạo kỳ 3/2022.



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc
ThS. NGUYỄN HỮU CỎ

Q. Tổng Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Biên tập
VŨ VĂN HIẾU

Trình bày
KIM TRÚC

Sửa bản in
TIẾN TRIỀU

Đơn vị liên kết: Ông NGUYỄN HỒNG VĂN

Địa chỉ: Cơ quan Phổ tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
63 Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

In 2.050 bản, khổ 15,8 x 24 cm,
tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
số: 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián,
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
ĐT: 0236. 3823371

Email: daprico@gmail.com
Số ĐKXB: 3316-2022/CXBIPH/05-129/TG
Mã ISBN: 978-604-61-8853-7
QĐXB: 562/QĐ-NXBTG ngày 22/9/2022
In xong và nộp lưu chiểu quý 4/2022.

Bài thơ cho mọi người con

(Thay thư Sông Đạo kỳ này)

Bài thơ tiếng Anh khuyết danh
Huy Phương phỏng dịch

Nếu một mai thấy cha mẹ già yếu,
Hãy thương yêu và thấu hiểu song thân.
Những lúc ăn, mẹ thường hay vung vãi
Hay tự cha không mặc được áo quần.
Hãy nhẫn nại nhớ lại thời thơ ấu
Mẹ đã chăm lo tã, áo, bế bồng.
Bón cho con từng miếng ăn, hóp sữa
Cho con nằm trong nệm ấm chăn bông.
Cũng có lúc con thường hay trách móc
Chuyện nhỏ thôi mà mẹ nói trăm lần.
Xưa kia bên nôi, giờ con sắp ngủ
Chuyện thần tiên mẹ kể mãi không ngừng.
Có những lúc cha già không muốn tắm
Đừng giận cha và la mắng nặng lời
Ngày còn nhỏ, con vẫn thường hay sợ nước
Từng van xin “đừng bắt tắm, mẹ ơi !”





Những lúc cha không quen xài máy móc,
Chỉ cho cha những hướng dẫn ban đầu.
Cha đã dạy cho con trăm nghìn thứ
Có khi nào cha trách móc con đâu?
Một ngày nọ khi cha mẹ lú lẫn
Khiến cho con mất hứng thú chuyện trò
Nếu không phải là niềm vui đối thoại
Xin đến gần và hãy lắng nghe cha.
Có những lúc mẹ không buồn cầm đũa
Đừng ép thêm, già có lúc biếng ăn
Con cần biết lúc nào cha thấy đói
Lúc nào cha thấy mệt, muốn đi nằm.
Khi già yếu phải nương nhờ gây chống
Xin nhờ con đỡ cha lấy một tay
Hãy nhớ lại ngày con đi chập chững
Mẹ dìu con đi những bước đầu ngày.
Một ngày kia, cha mẹ già chán sống
Thì con ơi, đừng giận dữ làm chi!
Rồi mai này đến phiên, con sẽ hiểu
Ở tuổi này, sống nữa để làm chi?
Dù mẹ cha cũng có khi làm lỗi
Nhưng suốt đời đã làm tốt cho con
Muốn cho con được nên người xứng đáng
Thì giờ đây con cũng chẳng nên buồn.
Con tức giận có khi còn xấu hổ
Vì mẹ cha giờ ăn đậu ở nhờ
Xin hãy hiểu và mong con nhớ lại
Những ngày xưa khi con còn tuổi ấu thơ.
Hãy giúp mẹ những bước dài mệt mỏi
Để người vui đi hết chặng đường đời.
Với tình yêu và cuộc đời phẩm giá
Vẫn yêu con như biển rộng sông dài.
Luôn có con trong cuộc đời,
Yêu con, cha có mấy lời cho con.

Lời Thánh 3

THỦY CHƯỞNG CUỒNG PHONG, ANH EM VỮNG LÒNG⁽¹⁾

TỪ PHÚC NGUYỄN

Có người từng bảo rằng, nhân sinh phải lên xuống chìm nổi mới có thể bình an, quá thông thuận trái lại sẽ không được dài lâu. Tin vào câu nói đó, đối mặt với những sự cố bất ngờ sẽ thấy ung dung trấn tĩnh hơn rất nhiều. Những ngày mưa chưa chắc đều là buồn bã, có thể pha một bình trà nhàn nhã, thưởng thức nhân sinh. Lúc trăng khuyết cũng chưa hẳn chỉ toàn sầu thảm, cũng có thể tựa cửa sổ ngồi lặng yên, tích mịch hoài niệm cố nhân ở phương xa.

Lòng người đa đoan lại quá nhiều mong cầu. Có người phải chèo qua bao sông núi, dong duỗi vượt qua muôn ngàn cánh buồm mới chịu nhận ra bến đỗ của riêng mình. Có người lại chỉ nghĩ đến thác suối gập ghềnh, gió mây vùn vù là buông tay, gác chèo, chẳng chịu giong buồm ra khơi, cứ quần quanh an phận, ngại va chạm, chấp nhận an ủi vũng nước ao nhà là nơi bến đỗ của đời mình.

Thế gian được gọi là cõi hồng trần, là nơi gió bụi cuồn cuộn. Chỗ tôi ở vốn được xem là nơi ít người qua lại, cửa đóng then cài cả ngày, lau chùi thường xuyên mà lúc nào cũng có bụi khắp nơi. Dầu vậy, đưa

⁽¹⁾ Ngọc Quế Chi Lan, tiền hành Tứ Linh Đồng Tử:

"Thủy chương cuồn phong

Anh em vững lòng

Vững lòng xốc gánh hơn sanh

Các em vững chí có anh giúp cùng"

Đàn Thánh Tịnh Đại Thanh, 4-8-Giáp Tuất - 1934

mắt nhìn ra xa cửa sổ, bầu trời luôn một màu xanh trong trẻo, chưa từng thấy qua cảnh bụi bay đầy trời bao giờ. Vậy mà chỉ cần một điểm tựa giữa thinh không, bụi sẽ xuất hiện bao phủ tự bao giờ. Sống giữa trần thế, làm sao thân không lấm bụi? Như đời người tu đạo, vốn là kẻ chèo thuyền ngược dòng nơi biển khổ sông mê, làm sao tránh những việc phiền não “thủy chướng, cuồng phong”?

Thủy chướng cuồng phong là thử thách khảo đảo cần có của người tu hành. Nếu không có thử thách, khảo đảo, làm sao biết người hành giả có tinh tấn, có thành tựu mà cố gắng? Người xưa cầu đạo rất chí thành, tha thiết, không ngại gian khổ, trèo đèo lội suối nơi núi thẳm rừng sâu mà tầm minh sư học đạo. Đức Thích Ca phải trải qua bao gian nan khổ hạnh, đói khổ, trải qua nhiều khổ nạn mới giác ngộ chánh pháp. Ngài Thần Quang⁽²⁾ vượt núi băng rừng mong gặp chân sư, phải phơi mình trong tuyết lạnh, dầm chặt lia cánh tay, chứng tỏ lòng chí thành cầu đạo. Trong thời gian trải qua gian nan thử thách đó, dù chưa học được đạo, chưa tu được đạo, nhưng ý chí, tâm tánh đã được hun đúc, mài dũa. Đến khi được truyền dạy giáo pháp thì tâm đã an định, vững chãi, ý chí tu tập đã kiên cố cho nên sự thành tựu trong tu học rất mau chóng. Người tu hành vốn phải bình thản và hoan hỷ khi gặp cảnh thử thách, cảm dỗ để soi rọi lòng mình, để hiểu rõ rằng lòng mình liệu có an định, vững chãi giữa giông bão của đất trời, của cõi hồng trần?

Sóng dữ gió mạnh của cảnh thế tục dẫu muôn hình vạn tượng vẫn có thể dễ dàng nhận biết rõ ràng, nặng nhẹ mà tiến lui hợp lý, nhưng sóng gió cuồn cuộn trong lòng ta lại chẳng dễ gì biệt phân đối đãi bởi chỉ có một mình mình biết, một mình mình hay. Tưởng rằng chỉ cần an phận nơi cảnh tịch mịch, né tránh thủy chướng cuồng phong mà không chịu bồn ba nơi cảnh phù hoa huyên náo thì đạo hạnh sẽ vững chãi, an định! Tưởng rằng chỉ cần giữ mình tránh xa cảnh thị phi, không xôn xao với nhân sinh nơi hồng trần gió bụi thì tâm tánh sẽ vô vi thanh tịnh! Có biết đâu rằng những hạt giống phiền não, sân si, vẫn bám chặt như mầm cỏ nơi cõi lòng, chỉ liu riu ấp ủ như than hồng dưới lớp tro tàn nén chặt, chỉ cần một làn gió nhẹ, một tiếng thổi khê khàng là bùng nổ thiêu rụi tất cả. Chỉ có những trò đời phù hoa cảm dỗ mới làm lộ rõ, làm bật rễ cỏ mầm, mới chôn vùi những than hồng đượm lửa dưới đất sâu!

⁽²⁾ Thần Quang tức Nhị tổ Huệ Khả đến cầu pháp với sơ tổ Đông độ là Bồ đề Đạt Ma

Thời đại thông tin bộc lộ nhiều tâm can của người của ta trên cõi mạng internet. Trên facebook, có người phía trên vừa nói chuyện đạo hạnh cao thâm, đáng vẻ tiên phong đạo cốt, am hiểu lòng người thì phi nơi cõi thế, nhưng phía dưới phần bình luận thì lại sẵn sàng cay nghiệt, sân si, đáp trả hơn thua nếu có ai nói ngược lại ý mình. Chuyện kể rằng thi sĩ Tô Đông Pha, nhà thơ nổi tiếng đời Tống của Trung Quốc, vốn có mối giao hảo với Thiền sư Phật Ấn, một thiền sư nổi tiếng đạo hạnh thời ấy. Một hôm, họ Tô sáng tác được một bài thơ lấy làm đắc ý lắm, bèn cho người mang tặng Thiền sư Phật Ấn đang tu ở chùa Kim Sơn. Nguyên văn bài thơ như sau:

*“Khể thủ thiên trung thiên
Hào quang chiếu đại thiên
Bát phong³ xuy bất động
Doan tọa tử kim liên”.*

*“Đánh lễ bậc Giác Ngộ
Hào quang chiếu vũ trụ
Tám gió thổi chẳng động
Ngồi vững tòa sen vàng”.*

Thiền sư Phật Ấn xem xong bài thơ, chẳng nói gì, chỉ cầm bút phê vào đó hai chữ “phóng thí” (trung tiện) và cho người đem về trình lại Tô Đông Pha. Đúng như Phật Ấn dự đoán, Tô Đông Pha xem xong lời phê, dùng dưng nổi giận, không nhin được nên lập tức vượt sông để sang hỏi Phật Ấn cho ra lẽ.

Gặp nhau ở bến sông, Đông Pha liền lớn tiếng trách: “Bài thơ của tôi sai sót chỗ nào mà ngài lại phê vào hai chữ ‘trung tiện’ kia?”. Thiền sư Phật Ấn cười khà khà: “Ông nói ‘tám gió thổi không động’ mà chỉ một cái ‘trung tiện’ đã phải bay sang sông rồi”. Tô Đông Pha chợt ngẩn ra, hiểu thâm ý của Thiền sư Phật Ấn nói rằng tâm mình chưa bất động.

Có người vỗ ngực tự xưng chịu được thử thách lòng người, thời gian giãy vò, có thể không màng miệng lưỡi thế gian, vậy mà, chỉ một lần vấp ngã, một chút bạc bẽo tình đời, đã khiến người không kíp trở tay. Giữa cơn hoảng loạn, chỉ biết chọn trốn chạy, tìm kiếm trốn mình trong

⁽³⁾ Bát phong là tám ngọn gió đời theo Phật Giáo, chúng bao gồm: (1) Lợi (lợi lộc), 2. Suy (hao tổn), 3. Hủy (chê bai chỉ trích), 4. Dự (gián tiếp khen ngợi người), 5. Xung (trực tiếp ca tụng người), 6. Cơ (dụng việc giả để nói xấu người), 7. Khổ (gặp chướng duyên nghịch cảnh, thân tâm bị bức bách, khổ não), 8. Lạc (gặp được duyên tốt, thuận cảnh, thân tâm vui vẻ, hân hoan).

một góc nào đó, im hơi lặng tiếng mà gặm nhấm nỗi lòng mình, than trách cảnh đời mạt pháp nên không gặp thời mà thỏa chí tang bồng.

*Cuộc đời,
Như một đạo tràng.
Và sống,
Là một kiểu tu hành.*

Đó là một câu nói tôi tình cờ đọc được, chợt hiểu rằng tu hành chẳng phải chỉ là lúc quỳ hương cúng nước, cũng chẳng phải thời công phu luyện châu. Cõi hồng trần ngựa xe huyên náo, núi cao sông dài, thế thái nhân tình ấm lạnh thị phi, mới là nơi tu hành, là chốn lặn lội để mài giũa, gột rửa tâm hạnh của người hành giả của thời mạt pháp. Chỉ ẩn mình nơi đạo viện chiều hôm, lánh thân mình nơi cảnh thâm u cô sát, nếu không tỉnh sát thì cũng chỉ là lớp tro tàn mỏng phủ vùi trên đám than hồng của thất tình lục dục trong lòng mình, chẳng phải là kẻ lâu dài bền vững của những kẻ “*hậu thiên hữu dư, tiên thiên bất túc*” như ta. Có xông pha nơi cảnh đời thế tục, có lặn lội phổ độ nơi hồng trần gió bụi, đâu có phải bộc lộ những thói hư tật xấu của chính mình thì cũng chẳng lấy đó làm xấu hổ, e ngại... bởi có vậy mới thấy tâm mình còn phải rèn luyện, để ngày dài tháng rộng mà có đủ thời gian để tu thân sửa tánh.

Chẳng phải Thượng Đế bảo rằng “*cõi trần là trường thi tiến hóa của các con*” sao? Thầy vốn dạy: “*Bởi vậy cho nên Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyên dụ; cũng chẳng vì thương mà không sai quỵ đổ dành. Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình, chung quanh các con, dầu xa, dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp; chúng nó chẳng hề thấy đáng, là đạo đức của các con*”.

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Thế nên tu hành mà chưa thấy “*lũ hổ lang*” ở ngoại cảnh và trong lòng mình kéo đến thì người hành giả phải tự nhìn lại mình! Đến Phật Thích Ca và các đấng trọn lành khác còn phải chịu khổ đau, thử thách nơi cõi thế tục, sai lầm trắc trở, đau thương thống khổ trên bước đường

học đạo, có gì ta lại tránh khỏi? Thế nên thà gặp cảnh thủy chương cuồng phong trong ngày nắng đẹp tuổi trẻ hơn phải chịu giày vò lúc xế chiều sức yếu!

Điểm cuối của đời người chẳng phải là lúc lìa xa thế gian này, cũng chẳng phải khi đi đến tận cùng non nước, mà là lúc nhận thấy mình đã bình thản đón nhận mọi việc vui buồn, hạnh phúc đau khổ, được mất hơn thua, là buông bỏ hành trang hồng trần khỏi lửa đeo nặng trên người. Khi đã thực sự trút bỏ rồi, cho dù một đời lên đèo phiêu bạt mưu sinh, bôn ba vất vả sinh nhai, lăn lộn thương tích đầy mình nơi chốn gió bụi, cũng có thể an tịnh như gió lành, tự tại yên ổn. Nếu như trong tim có trắng sáng, há gì phải sợ ảo ảnh của thế gian, thủy chương cuồng phong của chốn giang hồ?

Một ngày kia, nếu thế giới bên ngoài mệt mỏi quá, lòng người mờ ảo quá, hãy nhóm lửa châm một bình trà thô mà ngồi tĩnh lặng ngắm nhân sinh, tẩy rửa phong trần, làm êm ấm tinh thần. Mọi ồn ả của thế thái nhân tình, mọi thủy chương cuồng phong của nhân gian khỏi lửa sẽ trầm tĩnh trở lại trong một chén trà. Đời người tu học như chiếc lá trà trong chén, chìm nổi phong trần trong nước sôi lửa bỏng, bị nước trong gột rửa năm lần bảy lượt, từ đậm đến nhạt, từ nóng đến lạnh, mà trở thành một chiếc lá trà giản dị, thanh bạch, nằm bình yên dưới đáy chén. Uống một chén trà này, thế sự bình đạm, sóng gợn gió động chẳng kinh hoàng!



Lời Thánh là những bài tản văn ghi nhận cảm xúc bắt nguồn từ một số câu Thánh giáo trong Thánh Truyền Trung Hưng. Bài viết không có mục đích giải thích câu Thánh giáo, chỉ mượn câu Thánh giáo như là một “duyên khởi” để viết về những xúc cảm cá nhân trong cuộc sống.

TRI ÂN BÁO HIẾU

NGỌC ANH

Báo ân là một đạo lý tốt đẹp của ông cha ta truyền từ ngàn xưa cho đến bây giờ mà mọi người đều gìn giữ. Người tín đồ Cao Đài có những ân lớn nào cần ghi nhớ để thực hiện việc báo ân?

Có bốn ân lớn (tứ ân): Ân Tạo hóa, Thượng Đế - Ân phụ mẫu, tổ tiên dòng họ - Ân Tổ quốc dân tộc đồng bào - Ân nhân loại.

1. Ân Tạo hóa - Thượng đế:

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy dạy: “Ai đã mang mảnh hình hài thì phải biết ơn hai đấng:

- Một là Trời, vì Đấng thanh cao phú cho người một bản tánh thiện lương, tức là phần hồn.
- Hai là Cha Mẹ, vì người thọ bẩm tinh cha huyết mẹ mà tạo ra cái hình hài xác thịt, tức là phần xác.

Điểm linh tánh Trời ban cho mọi người là cái lý tuyệt diệu cao siêu, nhập vào mảnh thân phàm là “hồn hiệp xác”. Người nhờ cái bản tánh ấy mà biết khôn ngoan, phân biệt điều lành, lẽ ác, biết phải biết quấy, biết lo buồn. Tóm lại là mọi sự thế gian đều rõ biết”.

(ĐTCG, đàn ngày 4- 9 Bính Tý 1936)

“Thầy là toàn tri toàn năng, toàn thiện, toàn mỹ, con Thầy phải được toàn linh toàn diệu, toàn huệ, toàn lương”.

(Hưng Đạo Tổng Lý, TTTH, đàn 24-8-ĐĐ 33,6-10-1958)

Như vậy, Đấng Tạo Hóa đã cho mỗi con người chúng ta nơi thế gian này một phần trí tuệ của Ngài, nhờ đó con người có một bộ óc thông minh, một khả năng to lớn làm chủ được thế giới hữu hình. Từ đó con

người có thể nghiên cứu, phát minh các sản phẩm phục vụ cuộc sống của mình, tạo thành nền văn minh hiện đại ngày nay, nhưng cũng buồn thay lại có những phát minh gây hại như các loại vũ khí huỷ diệt nhau!

Thầy còn ban cho chúng ta một khả năng tuyệt vời hơn là có thể tu hành đoạt cơ siêu xuất thế gian, thoát khỏi bể trầm luân, có thể nâng lên làm Tiên Phật Thánh Thần.

“Có Thầy mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên, Phật, Thánh, Thần, thì người là “tiểu Thiên Địa”. Điểm linh quang nào muốn tạo Phật tác Tiên cũng phải đầu thai vào thế giới hữu hình vật chất. Dầu cho một vị Đại La Thiên Đế giáng trần đây không tu luyện cũng khó mong trở lại”.

(NHTĐ, ĐTCG dân 3-8 Bính Tý 1936)

Như vậy, để báo đáp ân thiêng đó người Cao Đài cần phải:

- Kính thờ Trời là đấng Cha chung của muôn loài vật. Tại sao phải tin thờ Thượng Đế? Thánh giáo đã dạy: “Đức Chí Tôn là Đấng tạo thành càn khôn vạn loại, sự sống bởi Ngài, vạn vật do đó mà còn, do đó mà nên. Vì vậy, Ngài là Cha yêu thương của vạn vật, nên ta phải hiếu kính Ngài để hướng về lẽ sống hằng còn. Ngài đã dựng nên trời đất, nắm cơ mầu nhiệm nơi tay, đủ quyền năng thống trị trong muôn loài, điều hòa vũ trụ vững an, thì Ngài là Chúa tể càn khôn, ta phải trọng kính Ngài để gọi ơn Thánh đức, hướng về lẽ phải là cơ mầu nhiệm”.

- Phải giữ giới qui tinh tiến. Giữ giới qui giúp ta ngăn chặn tánh tham, sân, si. Nhờ giới qui mà ta chế ngự được vọng tâm, trau dồi chơn tánh, bồi dưỡng thiện lương tránh khỏi đắm chìm trong bể khổ trầm luân, phiền não. Tinh tiến là đem tâm trong sáng tự tại hướng tiến mọi công việc dựa trên sự thật để đạt đến chỗ chân thật, hạnh tinh tiến rất cần cho đời sống con người nhất là người tu hành.

Đức Phật dạy: “Ta hãy tinh tiến nỗ lực thêm lên để đạt mục đích cao thượng nào mà ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào mà ta chưa có, để thực hành các đức tính nào mà ta chưa thành tựu. Siêng năng tinh tiến thì không việc gì khó. Giọt nước thường chảy có thể xuyên thủng đá”.

Chúng ta thừa hưởng được gia tài trân quý từ Đấng Tạo Hóa là nhờ đức háo sanh vô lượng với tình thương vô biên của Đấng Đại Từ Phụ. Đền đáp ân Tạo Hóa chính là phải thực hiện sự thương yêu nơi mỗi con người để chung tay xây dựng một đời sống đại đồng nhân loại:

“Sự thương yêu là giếng bảo sanh của càn khôn thế giới. Có thương yêu nhưn loại mới hòa bình, càn khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa”.

(NHTĐ, TNHT, đàn 11-1-1930)

“Thầy là sự thương yêu, các con lấy thương yêu mà thờ kính Thầy”

(NHTĐ, đàn 25-3 ĐĐ 32)

2. Ân phụ mẫu, tổ tiên dòng họ:

Mỗi người đều có 1 nguồn gốc thể xác đó là cha mẹ và xa hơn là do ông bà. Công ơn sinh thành, dưỡng dục, dạy dỗ của tổ tiên, ông bà, cha mẹ là vô cùng lớn lao.

*Đi khắp thế gian không ai thương con bằng mẹ,
Gian khổ cả đời không ai nặng gánh bằng cha.*

Hai câu ca dao ấy đã nói lên phần nào sự thương yêu, lo lắng của cha mẹ đối với con cái.

Dân tộc ta luôn luôn coi trọng chữ hiếu, nhân gian có câu: “Nhân sinh bách hạnh, hiếu vi tiên” (người ta có trăm đức hạnh, chữ hiếu đứng đầu).

Kinh Thánh Giáo Bửu Cáo cũng có câu nghĩa tương tự: “Khai nhưn tâm tất bồn ư độc thân chi hiếu” (phàm làm người, hễ phận làm con thì trước phải hết lòng hiếu thảo với cha mẹ).

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Chữ hiếu đã được dân tộc ta tôn lên thành đạo hiếu. Thông thường, nhân ngày rằm tháng bảy, mùa Vu Lan con cháu bày tỏ lòng biết ơn công sinh thành dưỡng dục của cha mẹ và nguyện cầu cho cha mẹ an vui, khỏe mạnh và hết lòng kính yêu phụng dưỡng cha mẹ, ông bà. Tại sao lại chọn ngày Vu Lan?

Vu Lan còn gọi là Vu Lan bồn là âm Hán Việt của chữ Phạn Ullambana có nghĩa là cứu đảo huyền, cứu khổ nạn địa ngục lấy sự tích từ ngài Mục Kiền Liên, một trong 10 vị đại đệ tử của Đức Phật. Sau khi đắc Ala hán quả, đạt lục thông, ngài dùng thiên nhãn nhìn khắp cõi, thấy mẹ ngài là bà Thanh Đề do ác nghiệp đang bị đọa làm quỷ đói. Ngài đem dâng mẹ bình bát đựng cơm, mẹ ngài dùng tay bốc cơm đưa vào miệng, cơm chưa vào miệng đã thành than đỏ nên không ăn được. Ngài Mục Kiền Liên quá thương mẹ nên về bạch với Đức Phật mọi sự tình. Phật dạy: thân mẫu ngài tội chướng quá sâu nặng nên năng lực một mình ngài không thể giải cứu. Phật chỉ dạy muốn cứu mẹ thì phải nhờ vào uy lực của chư tăng vào ngày Rằm tháng bảy, tức là ngày tứ kết thúc ba tháng an cư, giới đức đạo hạnh của chư tăng tăng trưởng tròn đầy. Ngày ấy nếu ngài Mục Kiền Liên và các tín chúng muốn cứu vớt khổ nạn của cha mẹ hiện tại và cha mẹ bảy đời thì dùng vật phẩm trang trọng cúng dường chư tăng và chư tăng thành tâm chú nguyện thì cha mẹ hiện tại và cha mẹ bảy đời đều được siêu thoát. Ngài Mục Kiền Liên thành tâm thực hiện như lời dạy, và mẹ của ngài được thoát thân quỷ đói mà sinh lên cõi trời.

Với tín hữu Cao Đài đó là ngày Địa quan xá tội là vậy!

Nếu cha mẹ còn sống, thì phải kính yêu phụng dưỡng. Nếu cha mẹ đã quá vãng thì dâng lễ cho cha mẹ hiện tại cũng như cha mẹ nhiều đời được vãng sanh Lạc quốc. Trải qua nhiều kiếp luân hồi sanh tử, có những người quá vãng cũng như các linh hồn uổng tử đã là ông bà, cha mẹ, anh em nhiều kiếp nên chúng ta cầu siêu cho cửu huyền thất tổ, chẵn tể âm hồn cô hồn mong tất cả đều được siêu sinh tịnh độ.

Với người tín đồ Cao Đài báo ân tổ tiên, ông bà, cha mẹ cần thực hiện cả hai mặt: Thế đạo và Thiên đạo. Đó mới là cách báo hiếu tốt nhất

● Về mặt Thế đạo:

- Tôn kính và thương yêu cha mẹ. Làm cho cha mẹ vui lòng bằng cách chăm lo học tập trở thành người có ích cho xã hội, giáo hội.
- Phụng dưỡng, chăm sóc ông bà cha mẹ khi đau ốm, già yếu.
- Trong gia đình khi còn nhỏ phải biết giúp đỡ cha mẹ những việc nhà, với anh chị em phải thương yêu, hòa thuận, giúp đỡ lẫn nhau.

Khi trưởng thành cần giáo dục con cái thành người có đạo đức, có nghề nghiệp, hữu ích cho đạo cũng như đời.

- Về mặt Thiên đạo:

- Khi ông bà cha mẹ còn sống phải khuyến khích việc phát triển tâm linh (nếu ông bà cha mẹ chưa theo đạo) như ăn chay, đọc kinh sách hiền truyện...

- Muốn thực hiện được điều đó thì bản thân chúng ta phải tinh tấn tu hành, lập công bồi đức bằng cách tu học theo lời dạy của đức Cao Đài Thượng Đế và các đấng Thiêng liêng qua Thánh ngôn, Thánh giáo, cố gắng thực hành tam công theo nguyên lực.

- Khi ông bà cha mẹ qui liễu phải chí thành tiếp qui, tổ chức tang lễ đúng theo pháp đạo; cúng cửu, tiểu tường, đại tường, kỵ cơm hàng năm với sự thành kính và nhớ ơn. Phải cúng chay và ăn chay trong những ngày đó dù đó không phải là ngày ăn chay đối với đạo hữu còn ăn chay kỳ. Tránh cúng chay dùng mặn.

Được như vậy chúng ta mới có thể trợ duyên cho cha mẹ được siêu sinh tịnh độ.

Trong kinh Văn tế cha mẹ qui liễu, có câu:

Thong dong cõi thọ nương hồn,

Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.

3. Ân Tổ quốc dân tộc đồng bào:

Mỗi dân tộc có một truyền thống văn hóa, tín ngưỡng, nghệ thuật, phong tục, kiến trúc... riêng, được hình thành trong một quá trình lịch sử lâu dài. Tiền nhân của chúng ta đã bỏ biết bao công sức, mồ hôi, xương máu trong quá trình dựng nước và giữ nước.

“Uống nước nhớ nguồn” là đạo lý tốt đẹp xưa nay của người Việt. Để thể hiện lòng biết ơn đối với dân tộc, đồng bào, chúng ta cần:

- Luôn ghi nhớ công ơn của các bậc anh hùng đã không tiếc hy sinh thân mình để bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ những giá trị tinh thần thiêng liêng của dân tộc.

- Trân quý, bảo tồn văn hóa dân tộc, bảo vệ và phát huy những truyền thống tốt đẹp của tiền nhân. Tiếp thu những nền văn hóa mới một cách có chọn lọc để không làm mất đi bản sắc dân tộc.

● Là người tín đồ Cao Đài: người Việt Nam trong kỷ nguyên Tam Kỳ Phổ Độ, chúng ta không chỉ góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, mà còn phải góp phần phát huy đạo đức, hoàn thành sứ mạng Thiên Nhân Hiệp Nhất.

Để làm được điều đó, mỗi tín hữu chúng ta phải tu thân để tự hoàn thiện mình, phải có ước mơ, hoài bão sống để xây dựng đất nước và nhất là “phụng sự giáo hội, phụng sự nhân sanh”.

*Bốn phận con bên đời bên đạo,
Xử sao xong hoài bão thân danh;
Người con phải chính phải lành,
Phải là gương mẫu nhơn sanh soi vào.*

(DTKM, TTTH, đàn 15-8 ĐĐ 36)

4. Ân nhân loại chúng sanh.

Trong cuộc sống hàng ngày: Nhà chúng ta ở, cơm chúng ta ăn, quần áo ta mặc là công sức của biết bao nhiêu người công nhân, nông dân “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời” làm nên. Khi chúng ta bệnh, các bác sĩ tận tình chăm sóc. Thuốc ta uống là thành quả của bao nhà khoa học ngày đêm nghiên cứu, chưa kể đến các nhà bác học đang còn vui đầu ngày đêm trong phòng thí nghiệm để có thể tìm được các loại thuốc chữa bệnh nan y. Các kiến thức khoa học, kỹ thuật được truyền thừa qua bao thế hệ là nhờ các nhà giáo vững vàng đứng trên bục giảng. Còn nhiều và nhiều lắm những hy sinh thầm lặng của nhiều người trên nhiều lãnh vực khác nhau: thiên văn, điện tử, môi trường... để cho chúng ta một cuộc sống đầy đủ tiện nghi.

Cao cả hơn là những vị Giáo chủ từ bỏ cuộc sống giàu sang nhưng lựa như Đức Phật, hay cả mạng sống như Đức Chúa Kitô... để tìm ra chân lý dịu dặt chúng sanh thoát khỏi bể khổ, sông mê!

“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Quả ngọt mà chúng ta đang hưởng là công sức của những người trồng cây mà ta phải luôn nhớ đến, tri ân họ. Bản thân mỗi chúng ta cũng phải trở thành người trồng cây để lại cho đời sau. Hãy đóng góp công sức của mình trong những ngành nghề phù hợp, mang lại lợi ích cho xã hội, cho nhân loại. Là một tín đồ Cao Đài, chúng ta đừng quên rèn luyện thân tâm, tu đức sống đạo, chung

tay xây dựng một xã hội đại đồng, trong đó mọi người thương yêu nhau, loại bỏ những tham vọng cá nhân đưa đến sự hủy diệt lẫn nhau.

*Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương,
Căn bản làm đầu một chữ “thương”;
Thương chúng, thương mình, thương tất cả,
Thì đem chơn Đạo sớm hồng dương.*

(Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, TGST)

Kết luận: Người tín hữu Cao Đài có 4 ân lớn phải báo đáp mà quan trọng nhất là ân của Trời và của Cha Mẹ. Tháng 7 năm nay, chúng ta thành tâm khấn nguyện Thầy Mẹ ban ơn cho các Cha Mẹ còn sống của chúng ta được an vui - khỏe mạnh, tinh tấn tu hành; các Cha Mẹ quá vãng được siêu thoát, tiêu diêu nơi miền Cực Lạc. ☯



Tài liệu tham khảo:

- Cao Đài Giáo Lý xuân Kỷ Hợi 2019
- Sống Đạo số 14 năm Nhâm Thìn 2012

Thánh Giáo

TA THƯƠNG TA, TA PHẢI CỨU TA

Thánh thất Hưng Đông, ngày 23-6 Đinh Dậu (Thứ Bảy 20-7-1957)

THI

Võ thị kỳ duyên tiếp Thánh ân ⁽¹⁾

THANH cao đạo đức thoát mê trần ⁽²⁾

Bị đời ma luyện nên Tiên Phật ⁽³⁾

Giáng giáng thẳng thẳng để mấy lần. ⁽⁴⁾

Chào chư Thiên ân, chư đạo huynh, đạo tử, đạo muội, đạo hữu toàn đạo.

Giờ này Tệ Thần được Tam Giáo Tòa cho về đây để chào mừng toàn đạo và để lời cảm ơn vị cựu Đầu Họ nơi đây và Ban Cai Quản, quý Ban Trị Sự.

⁽¹⁾ **Võ thị** 武氏 (Võ, family name): Họ Võ. – **kỳ duyên** 奇緣 (extraordinary cause): Cơ duyên khác thường. – **Câu 1 ý nói:** Họ Võ nhờ cơ duyên khác thường mà tiếp nhận được ơn Trời (**Thánh ân** 聖恩: God's favour).

⁽²⁾ **mê trần** 迷塵 (the unenlightened world): Cõi trần mê muội, không tỉnh thức. – **Câu 2 ý nói:** Lòng thanh cao, đạo đức thì thoát khỏi cõi trần mê muội (vì không bị cõi trần cám dỗ sa vào vòng tham dục, tội lỗi).

⁽³⁾ **ma luyện** 磨練 (tempering sb): Mài giũa và rèn luyện; hun đúc, un đúc. **Câu 3 ý nói:** Có bị cuộc đời rèn giũa, tôi luyện thì người phàm mới được tinh luyện (purified) để trở nên Thần Thánh, Tiên Phật.

⁽⁴⁾ Bài tứ tuyệt xưng danh *quán thủ* 觀首 (khán thủ 看首) là *Võ Thanh Bị giáng*. Ngài Võ Thanh Bị sanh tiền là một nông dân không biết chữ; và là một tín đồ Cao Đài bình thường thuộc họ đạo Hưng Đông (thành lập năm 1945 tại thôn Đông Tác, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam). Thứ Năm 01-5-1952 (08-4 Nhâm Thìn) giặc Pháp theo đường biển đổ bộ lên thôn Đông Tác; chúng buộc ông Võ phải đốt nhà đồng bào trong xóm, bằng không chúng bắn chết. Ông cương quyết cãi lệnh giặc, khảng khái nói: “Tôi là người tin Đạo. Chẳng tha chết về Thầy còn hơn đốt nhà đồng bào.” Ông đã nêu cao lòng sắt đá với đức tin Cao Đài và thần nhiên chấp nhận cái chết. Năm năm sau ngày bị giặc Pháp sát hại, thứ Bảy 20-7-1957 (23-6 Đinh Dậu), ông đặc quả Thần và được ơn Tam Giáo Tòa cho giáng cơ tại thánh thất Hưng Đông; nhờ thế, ngày nay chúng ta có bài thánh giáo trên đây. (Đặc san *Tin Đạo số 1*, Cơ Quan Phổ Tế Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, ngày 11-7-1972, tr. 6-7. Đặc san này ghi ngày giáng cơ là 20-6 Bính Thân [1956]).

Cuộc đời là trường học kinh nghiệm, nên sống ở đời cũng phải cần cù, cam khổ⁽⁵⁾ mà theo kịp với thời gian để mạnh đức tin trên đường đạo. Dễ chi sanh được ở nơi quả địa cầu 68 này, mà lại còn khó khăn hơn là sanh gặp buổi Tam Kỳ hồng ân tận độ.

Nếu kẻ sống trong cõi giả tạm này mà không có chút thiện duyên⁽⁶⁾ thì khác chi hãm mình trong ngục tối, quần quanh trong bốn vách tường,⁽⁷⁾ lo ăn lo mặc là hung,⁽⁸⁾ còn nghĩ gì sự vật chung quanh bao la thiên địa,⁽⁹⁾ mà trí khôn bị một khối xác thể bao bọc trong rọ tứ tường.⁽¹⁰⁾ Lòng người mù mịt, mờ mờ bơi lội trong biển trần, còn mất với bao lượn sóng xác xao và bao vụn kiếp⁽¹¹⁾ trầm luân⁽¹²⁾ nơi vực thẳm. Bởi vậy, người ta hằng cho đời là sông mê bể khổ là thế. Nếu Tam Kỳ, Chí Tôn không đến kịp thì hằng hà sa số,⁽¹³⁾ vô lượng⁽¹⁴⁾ chìm đắm nơi biển khổ vô minh.

Hôm nay, chúng ta đều được hưởng duyên mà được thuyền bát nhã từ bi tận độ đưa sang bờ ngạn, một nấc thang trời cũng hy hữu.⁽¹⁵⁾ Mà còn hy hữu hơn, thánh thể Trung Hưng đã hoàn thành, một ngôi thánh

⁽⁵⁾ **cam khổ** 甘苦: (*sweet and bitter; fig., good times and hardships, joys and tribulations*): Ngọt và đắng, lúc sướng lúc cực, nỗi vui nỗi khổ.

⁽⁶⁾ **thiện duyên** 善緣 (*good karmic bond*): Duyên lành.

⁽⁷⁾ **bốn vách tường**: Xem *tứ tường* [chú thích (10)].

⁽⁸⁾ **hung** (*so much*): Rất nhiều, nhiều lắm.

⁽⁹⁾ **bao la thiên địa** 包羅天地: 1/ Bao gồm mọi thứ trong đời (*including everything in the world*). – 2/ (Nghĩa trong bài thánh giáo) trời đất bao la, rộng lớn (*immense heaven and earth*).

⁽¹⁰⁾ **rọ** (*bamboo cage*): Lồng tre (để nhốt thú vật). – **tứ tường**: *Tứ đố* 四堵, *tứ đố tường* 四堵牆(牆), là bốn vách, bốn thứ giam hãm con người trong ham muốn và nghiện ngập, khiến con người mất tự do, giống như bị nhốt trong bốn vách (*đố* và *tường* đều có nghĩa là vách tường). Đó là *tửu, sắc, tài, khí* 酒色財氣: *alcohol, sex, money, and drugs*), tức là rượu, sắc dục, tiền bạc, và ma túy. – **rọ tứ tường**: Bốn thứ *tửu, sắc, tài, khí* giống như cái lồng tre (cái rọ) nhốt con người (đã mất nhân cách, ví như con vật).

⁽¹¹⁾ **vạn kiếp** 萬劫 (*myriads of kalpas*): Muôn kiếp.

⁽¹²⁾ **trầm luân** 沉淪 (*sinking*): Chìm đắm. *Trầm* và *luân* đồng nghĩa.

⁽¹³⁾ **hằng hà sa số** 恆河沙數 (*countless as the grains of sand in the Ganges; fig., countless, innumerable*): Nhiều như số cát sông Hằng (*the Ganges*) ở Ấn Độ; nghĩa bóng là vô số.

⁽¹⁴⁾ **vô lượng** 無量 (*immeasurable, measureless*): Không thể đo lường được; *vô biên* 無邊 (*boundless*).

⁽¹⁵⁾ **hy hữu** 希有 (*rare*): Hiếm có.

đức nơi cõi Trung Việt, ngay tại tỉnh nhà. Chư đạo hữu có dịp tranh công lập đức vào nơi trường công quả để thi thố tác thành.⁽¹⁶⁾ Thật là hân hạnh vô song.⁽¹⁷⁾

Vả lại,⁽¹⁸⁾ thiên hạ ngay lúc bấy giờ họ còn say sưa với giấc mộng huỳnh lương,⁽¹⁹⁾ đang ngon giấc ngủ, mà ta tỉnh táo đi đứng trong buổi

⁽¹⁶⁾ **tác thành** (*sincerity*): Lòng chân thành, tấm lòng thành. (Do chữ Nho là *thốn tâm* 寸心. Thốn là tác. Tâm là tấm lòng. Người Việt nói *tác lòng*.)

⁽¹⁷⁾ **vô song** 無雙 (*matchless, peerless, one and only, unique*): Không ai bằng, không có gì so sánh được; có một không hai, *vô địch* 無敵, *vô đối* 無對.

⁽¹⁸⁾ **vả lại** (*besides, furthermore, in addition*): Ngoài ra, hơn nữa.

⁽¹⁹⁾ **mộng huỳnh lương** (*huỳnh lương mộng* 黃梁夢: *dream of golden millet; fig., illusions of wealth and glory*): Giấc mộng kê vàng. Theo Chấm Trung Ký 枕中記 của Thẩm Ký Tế 沈既濟 (đời Đường, Trung Hoa), vào năm 719 có anh học trò họ Lô (hay Lư) 盧 thi rớt. Từ kinh đô trở về quê, khi ghé quán trọ ở Hàm Đan (nay là một thị trấn thuộc tỉnh Hà Bắc), tình cờ anh gặp đạo sĩ họ Lữ (hay Lã) 呂. Nghe Lô than thở về cảnh nghèo, đạo sĩ lấy một cái gối (*chấm* 枕: *pillow*), bảo anh kê đầu lên ngủ, mọi việc sẽ như ý. Bấy giờ chủ quán đang nấu cháo kê. (*Hoàng lương* 黃梁 là hạt kê màu vàng; *golden millet*.) Lô ngủ say, nằm mơ thấy cưới vợ xinh đẹp, nết na. Lô đậu tiến sĩ, làm quan to, thăng tới chức ngự sử, rồi quốc công... Năm người con trai đều làm quan lớn, lấy vợ danh giá. Năm Lô tám mươi tuổi, bệnh rồi chết. Tới đó thì anh chàng tỉnh mộng, thấy đạo sĩ ngồi bên cạnh, nồi cháo kê vẫn chưa chín. Do tích này, văn học nói giấc mộng huỳnh, mộng hoàng lương (*hoàng lương mộng*), giấc kê vàng có nghĩa là ảo mộng giàu sang và quyền lực.

Dị bản: Sang đời Minh, nhà soạn kịch Thang Hiến Tổ 湯顯祖 (1550-1616) khi sáng tác *Hàm Đan Ký* 邯鄲記, đã đổi đạo sĩ họ Lữ thành Lữ (Lã) Động Tân 呂洞賓, một vị trong Bát Tiên. Cũng vào đời Minh, khi viết tiểu thuyết *Đông Du Ký Thượng Đổng Bát Tiên Truyện* 東遊記上洞八仙傳 (người Việt quen nói tắt là *Đông Du Bát Tiên*) Ngô Nguyên Thái 吳元泰 đã đổi học trò họ Lô ra Lữ (Lã) Nham 呂嵒 (巖), đổi đạo sĩ Lã ra ngài Chung Tổ (Chung Ly Quyền 鍾離權, một vị trong Bát Tiên). Theo *Đông Du Bát Tiên*, năm sáu mươi bốn tuổi ngài Lữ gặp Đức Chung Tổ ở Trường An. Trong lúc Tổ nấu nồi kê vàng, ngài Lữ nằm ngủ trên gối phép của Tổ, mơ thấy mình thi đậu, làm quan tới chức thừa tướng, cưới vợ, có con cháu, rồi phạm lỗi nên bị triều đình trị tội, bắt lưu đầy, gia sản bị tịch biên... Ngài Lữ giật mình tỉnh dậy thấy nồi kê nấu vẫn chưa chín. Ngẫm lại, thấy rằng bao nhiêu vinh hoa phú quý, thăng trầm kiếp người, tất cả chỉ thoáng qua như một giấc mộng, còn ngắn ngủi hơn cả thời gian nấu chín một nồi kê, ngài Lữ giác ngộ lẽ vô thường, chán chường tưởng ảo hóa, liền xin theo Đức Chung Tổ học đạo Tiên.

rạng đông,⁽²⁰⁾ xốc gánh trên vai với nhiệm vụ làm người, tuân thủ với bao nhiêu thể lệ,⁽²¹⁾ phải lên tiếng đánh thức người người mà họ còn ngây ngủ,⁽²²⁾ ư hử⁽²³⁾ dòm chừng, đôi hồi⁽²⁴⁾ còn nổi hung hăng, sân giận với mình là vì hồn chưa phụ thể,⁽²⁵⁾ (...).⁽²⁶⁾

Ôi, nhân loại bị thiêu đốt trong lò lửa chiến tranh! Kẻ dữ tan xác tiêu hồn; người còn⁽²⁷⁾ vầy vùng lẫn lộn. Lò lửa mỗi ngày mỗi phùng phục hung hăng, lan cháy khắp Á Âu, không chỉ thành thị đô trường⁽²⁸⁾ mà khắp chỗ dân dã thôn quê, tận chỗ khi ho cò gáy⁽²⁹⁾ cũng chẳng từ, đốt tắt cả những cái gì còn lem lấm với lợi danh, có thân giao⁽³⁰⁾ cùng tài sắc.⁽³¹⁾ Khói lửa chiến tranh đã gây nên tiêu ma⁽³²⁾ cho đời, gieo rắc thảm khổ mười phương.⁽³³⁾ Kẻ còn bú, người chưa sanh cũng vắn chặt⁽³⁴⁾ trong trường gươm đao tàn phá.

⁽²⁰⁾ **đi đứng trong buổi rạng đông:** Ý nói siêng năng, lo dầy sớm để cáng đáng công việc.

⁽²¹⁾ **thể lệ** 體例 (*guiding principle and detail rules*): Những quy định hướng dẫn cách thức làm một công việc.

⁽²²⁾ **ngây ngủ** (*terribly sleepy*): [Từ Việt cổ] Buồn ngủ mê mệt, mơ mơ màng màng, không chút tỉnh táo, dân gian nói là hồn chưa nhập xác (*hồn bất phụ thể* 魂不負體).

⁽²³⁾ **ư hử:** Tiếng trả lời nhừa nhựa vì còn say ngủ, chưa tỉnh ngủ.

⁽²⁴⁾ **đôi hồi** (*sometimes*): Đôi khi, đôi phen, đôi lần.

⁽²⁵⁾ **hồn chưa phụ thể** (*hồn bất phụ thể* 魂不負體: *soul and body being separated*): Hồn chưa nhập xác; ý nói tình trạng đờ đẫn, mơ mơ màng, mê mệt, không chút tỉnh táo.

⁽²⁶⁾ Tạm lược bớt bốn chữ “cũng chả than phiền”.

⁽²⁷⁾ **người còn** (*those alive*): Người còn sống sót, chưa chết.

⁽²⁸⁾ **đô trường** 都場 (*public square*): Quảng trường, nơi đông người tụ tập vui chơi (*Chúng nhân tụ hội ngu lạc đích quảng trường* 眾人聚會娛樂的廣場).

⁽²⁹⁾ **khỉ ho cò gáy** (*the middle of nowhere*): (Nơi, chốn) xa xôi heo hút, hoang vu vắng vẻ, ít người qua lại.

⁽³⁰⁾ **thân giao** 親交 (*closely associated with*): Gần gũi tiếp xúc, thân mật kết giao.

⁽³¹⁾ **tài sắc:** Xem sắc tài ở chú thích bên dưới.

⁽³²⁾ **tiêu ma** (*becoming zero*): Tan nát chẳng còn gì, mất hết tất cả.

⁽³³⁾ **mười phương** (thập phương 十方: *ten directions; fig., everywhere*): Gồm bốn hướng chính (Đông, Tây, Nam, Bắc), bốn hướng phụ (Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam), hướng trên (thượng phương: *zenith*), và hướng dưới (hạ phương: *nadir*); nghĩa bóng là khắp nơi khắp xứ.

⁽³⁴⁾ **vắn chặt** (*tightly wrapped*): Quấn chặt, bó chặt.

Ôi, chiến tranh đã làm cho nhân loại khôn đốn vô cùng! Người được chột tỉnh giấc đời ám ảnh, ai không chán ghét ghê sợ. Nhưng chiến tranh cấu kết bởi lý tưởng hám lợi cầu danh.⁽³⁵⁾ Ai cũng tham muốn. Tham cho được, muốn cho thành thì ai chết mặc ai. Chết mãi, chết nhiều lại còn khoái chá.⁽³⁶⁾ Lòng tham vô để.⁽³⁷⁾ Cái tham dục như lượn sóng nhô mãi nơi lòng, liên tiếp nối theo. Vì lẽ đó, trong thế giới, trong quốc gia không giờ yên tĩnh. Nhà này nhà nọ xô xát âm ỉ. Người này người nọ hung hăng, táo tợn.⁽³⁸⁾ Sóng tham dục đã hoành hành, đưa đẩy nhơn gian vào một lối, [con người] cũng phải giơ tay đầu hàng với con ma danh lợi.

Ngọn triều còn mạnh chảy, nước lũ đã ủa lên. Một sớm một chiều sức gió chồm mưa đã trợ lực rất nhiều, nên còn bãi [bị] san bằng mà đồi núi cũng phủ vây nhơn loại trong vòng bể khổ. Binh hùng tướng mạnh là sóng to gió dữ góm ghê. Tiếng sét tiếng dông làm cho cây cỏ khiếp kinh mà xủ lá cúi cành, tỏ ý đầu hàng trước con ma tham dục.

Ôi, tai hại thay cái phường nô lệ cho đám sắc tài!⁽³⁹⁾ Khốn nạn thật, cái lợi danh! Không biết phải biết trái, chẳng nơi thân thiết ruột rà, kiếm cho mau đầy miệng. Nhưng than ôi, làm mấy thuở cho đầy, vì túi tham không đáy! Bởi không đáy mà chứa mãi chưa vừa, ngó lúc nào cũng lưng,⁽⁴⁰⁾ bụng còn teo tóp. Vì teo tóp mà mong sự xới bới, hút máu bu xương⁽⁴¹⁾ cũng không thỏa thích. Ôi, như đĩa là giống thấy máu không tha nhưng no rồi cũng nhả; chớ lòng tham dục chẳng biết đâu vừa! Cũng bởi cái tham đã làm tai hại cho đời không xiết nói.⁽⁴²⁾

⁽³⁵⁾ **cầu danh** 求名: 1/ *Truy cầu mỹ danh* 追求美名: *pursuing or seeking fame* (đeo đuổi, tìm kiếm danh tiếng). – 2/ *Mưu cầu công danh* 謀求功名: *seeking a rank in the government* (tìm kiếm quyền chức).

⁽³⁶⁾ **khoái chá** 膾炙 (*enjoying oneself so much*): Rất thích thú.

⁽³⁷⁾ **vô để** 無底 (*bottomless*): Không đáy; sâu vô cùng. – **lòng tham vô để** (*bottomless greed*): Lòng tham không đáy, vor vét bao nhiêu cũng không thỏa mãn.

⁽³⁸⁾ **táo tợn** (*venturesome*): Liều lĩnh, bất chấp nguy hiểm hoặc hậu quả tai hại.

⁽³⁹⁾ **sắc tài** 色財 (*sex and riches*): Sắc dục và tiền của.

⁽⁴⁰⁾ **lưng** (*not full*): Vơi, không đầy.

⁽⁴¹⁾ **bu xương** (*swarming over bones*): Bâu vào xương (để rút rửa máu thịt sót lại).

⁽⁴²⁾ **không xiết nói** (*bất khả tận ngôn* 不可盡言: *beyond words, indescribable, inexpressible*): Nói không xiết; quá nhiều, quá mức và không thể nói cho hết.

Người người khôn khổ. Nhà nhà đau xót. Nước nước phân ly. Thế giới không tự do. (...) Chừng nào nhân loại mới thấy mặt trời để sưởi lấy làn [ánh] sáng của thái dương trong đêm giá tuyết? Ngày nào ta hưởng chút hạnh phúc nơi cõi trần hoàn? [Quả] thật, từ cổ chí kim, trừ những bậc thánh đức, những vị xuất gia, thì hầu hết là quay cuồng trong bánh xe tham dục.

Cái cảnh thế gian còn đen tối; ngày hòa bình thật sự đương lồm đồm rời rạc như các ngôi sao giữa lúc ban chiều. Sao ấy, nó hiện ra vũ trụ, nó thành công trong giờ phút mát mẻ. Nên cái đời là thế; lòng người còn nguy hiểm khôn cùng. Gặp cuộc khói lửa bắn cháy mặt mày họ mới thất kinh, vì phỏng trán cháy da mới tìm nơi trốn tránh.

Nơi nào không có khói lửa? Chỉ có nơi mà đạo đức được thực hiện, tôn giáo được thuần chơn. Nơi được che chở hơn hết là dưới lằn quang điện của Thượng Đế Chí Tôn. Nơi ấy không còn đau khổ, là cõi an lạc đời đời, không còn có sóng dữ gió to nhận hụp người người chìm đắm. Nơi ấy không phải biển khổ mà là cảnh thánh đức Cao Đài. Vì vậy mà thánh địa là nơi để chờ bao nhiêu người hồi đầu hướng thiện, không danh chẳng lợi giựt giành, không sắc không tài xô xát. Thánh địa là nơi được hồng từ bao phủ, làm gì lọt được hơi khói lửa vào trong. (...)

Vì vậy mà đạo đức có thể đem lại hòa bình. Nơi hòa bình là nơi có cả tự do, hạnh phúc. (...) Sở dĩ hiện nay người thiếu mất tự do là vì người không trọng nhân bản, tư cách của mình. Muốn ăn trộm để thỏa thích tánh tham lam thì ngồi tù. Vì thế cái tự do mất là tự người bỏ nó. Mà bỏ tự do đi rồi là suốt đời phải làm nô lệ cho người khác. Nô lệ cho con, cho vợ cho chồng, cho tấm mặc miếng ăn, cho lòng tham ý dục. Nô lệ mãi, bị tình ý khiến sai, người chủ u mê phải làm tội cho đám tở. Đạo đức là chân hạnh phúc mà mấy ai hướng về. Danh sắc⁽⁴³⁾ là ngục đau thương mà lắm người tìm tới.

(...) Than ôi! Anh chị em ta còn lương vương ái ân, còn thẳng dùn tình ý. Bước đi một bước, ngó lại đôi lần. Chạy tới một hơi cũng ưng dừng bước. Bữa cày cũng muốn, bữa giỗ cũng ưng. Danh lợi cũng tham, Phật Tiên cũng thích, thì sao chẳng mãi dùng dằng.

⁽⁴³⁾ **danh sắc** 名色: Có nhiều nghĩa. Ở đây tạm hiểu là *danh lợi* 名利 (*fame and profit*) và *sắc tài* 色財 (*sex and riches*, tức là sắc dục và tiền của).

Hễ xuống dốc càng xa thì trở lên càng khó nhọc. Anh chị em tự nghĩ, đừng dễ phiền Hội Thánh, thánh thất nhiều ngày. Cái tiếng thương Thầy mến Đạo của anh chị em thường nói cần được thực hành. Nhưng được bước một, ta phải lo bước hai. Ta chuẩn bị bước một là thương ta cái đã. Thương ta còn vô minh, quẩn quanh trong vòng tham dục, để cho ngũ quan sai khiến ý tình, nô lệ cho lục dục⁽⁴⁴⁾ mà sa vào lục đạo.⁽⁴⁵⁾ Thương ta còn nhỏ nhen ích kỷ, còn ham lợi đắm danh, còn làm tay sai cho miếng ăn tấm mặc, cho chén rượu cuộc cờ, cho sắc tài tình ý, quên mất giá trị con người, làm những việc xấu xa mà không nghĩ đến điều hổ nhục. **Ta thương ta, ta phải cứu ta.**⁽⁴⁶⁾ Bệnh ta nhiều, thuốc thang lo chữa. Tật ta lớn, trị cho lâu. Mặt ta nhợt, ta thường rửa thường lau. Gương đó năng soi.⁽⁴⁷⁾ Áo chăn có đó, ngày thường giặt giữ.⁽⁴⁸⁾ Minh

⁽⁴⁴⁾ **lục dục** 六欲 (*the six desires*): Sáu ham muốn do sáu căn gặp sáu trần. Sáu căn (*lục căn* 六根: *the six senses*) gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ (*eyes, ears, nose, tongue, body, mind*). Sáu trần (*lục trần* 六塵) gồm sắc 色 là hình tướng, thanh 聲 là âm thanh, hương 香 là mùi, vị 味 là vị, xúc 觸 là tiếp xúc với da thịt, pháp 法 là tư tưởng). Vậy, sáu ham muốn phát sinh là do mắt nhìn sắc đẹp, do tai nghe âm thanh du dương, do mũi ngửi mùi thơm, do lưỡi nếm vị ngon, do thân xác được sung sướng, do ý được thỏa thích. (*The six desires arise from colour, voice, smelling, taste, touch of softness, and dharma or thoughts.*).

⁽⁴⁵⁾ **lục đạo** 六道 (*six kinds of rebirth in samsara that are undergone by sentient beings in accord with their good or evil actions carried out in their previous lifetime*): Sáu đường luân hồi của chúng sanh, tùy theo những việc lành việc ác đã tạo gây trong kiếp sống. Lục đạo gồm: 1/ Thiên 天 (*devas: celestial beings, gods, hiểu theo Phật giáo; không phải là Thượng Đế theo Nho, Lão, Cao Đài*). 2/ A tu la 阿修羅 (*asura*). 3/ Nhơn 人 (người: *human*). 4/ Địa ngục 地獄 (*hell*). 5/ Ngạ quỷ 餓鬼 (quỷ đói: *hungry ghost*). 6/ Súc sanh 畜生 (thú vật: *animal*). Ba đường trên (1, 2, 3) gọi là ba đường lành (*tam thiện đạo* 三善道). Ba đường dưới (4, 5, 6) gọi là ba đường dữ (*tam ác đạo* 三惡道).

⁽⁴⁶⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽⁴⁷⁾ **gương đó năng soi**: Ý nói siêng năng xét lỗi mình, tự kiểm điểm bản thân về tư tưởng lời nói, việc làm (tức là *phản tỉnh* 反省: *reflecting upon oneself, examining oneself*).

⁽⁴⁸⁾ **áo chăn có đó**: Ý nói giới luật người tu đã có (Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Quy). – **ngày thường giặt giữ**: Ý nói hằng ngày giữ mình trong sạch, không phạm lỗi lầm, không phạm giới luật.

còn yếu ồm, đừng chê kẻ thơ ngây.⁽⁴⁹⁾ Ta phải thương ta để làm gương cho kẻ khác.

Nơi đây đã đóng góp nhiều công đức, của tiền để xây đắp ngôi Bửu Tòa,⁽⁵⁰⁾ đã công phu, công quả để chung phần xây dựng Giáo Hội, nhưng bấy nhiêu đó đã đủ vào đâu. (...) Bởi vậy mà kỳ hồng ân tận độ, chư đạo hữu phải tiến lên một bước khá dài trên đường về Thầy. Tôi cũng nhờ đó mà được đến vị Công Tào Hộ Đạo.⁽⁵¹⁾

Khi còn sống tôi có biết chi, có hiểu chi, tu chi mấy lắm. Nhưng tôi chết vì một cái giá trị công bằng và chân thành đã làm cho bao nhiêu cái u mê, ám chướng trong đời bình sinh của tôi đều tan mất mà hiện ra muôn ánh tươi vàng, cũng như nước đục gặp phèn đánh tan mà trở thành được gạn.

Chư phận sự tiếp diễn. Có Đại Tiên⁽⁵²⁾ ngự bút. Thôi, chào chư vị.

HUỆ KHAI *hiệu đính và chú thích.*



⁽⁴⁹⁾ **mình còn yếu ồm**: Ý nói bản thân tu hành còn kém cỏi, nội lực còn mỏng, dễ sa ngã khi gặp thử thách. – **đừng chê kẻ thơ ngây**: Ý nói đừng chê trách người chưa tu, người lỗi lầm. Lời khuyên này cũng tương tự như lời Chúa Giê-su dạy (Lu-ca 6:41): “Sao anh thấy cọng rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của chính anh thì lại không để ý tới?” (*Why do you look at the speck of sawdust in your brother's eye and pay no attention to the plank in your own eye?*) Hay lời người xưa chép trong sách Tăng Quảng Hiền Văn: *Bình sinh chỉ hội lượng nhân đoản, hà bất hồi đầu bả tự lượng?* 平生只會量人短, 何不回頭把自量? (Cả đời chỉ xét khuyết điểm của người, sao không quay đầu tự xét bản thân?)

⁽⁵⁰⁾ **Bửu Tòa**: Trung Hưng Bửu Tòa (ở Đà Nẵng).

⁽⁵¹⁾ **Công Tào** 公曹: Tạm hiểu là Đấng thiêng liêng trên Thiên Đình phụ trách xét xử tội phước người trần.

⁽⁵²⁾ Không biết là Đấng nào vì thiếu phần ghi chép khi “tiếp diễn”.

THÁNH TRUYỀN TRUNG HÙNG

DẠY VỀ SÁM HỐI

PHẠM SĨ DŨNG St.

Hôm nay Thầy từ bi giá hạ chứng lòng thành kính sám hối tội lỗi của mỗi con. Các con đã biết Thầy là nguồn sống vô biên tình thương vô tận. Đã lâm trần ra tay Tận Độ quyết cứu dân các con về quê xưa vị cũ, hưởng cảnh an nhàn. Các con đã chìm đắm cõi trần mê trong ảo vọng nhận giả làm chơn quên lấy tự tánh nơi mình nên mới đắm say lầm lạc. Thầy thương xót vô ngần! Mở cơ Tận Độ, các con biết thức tỉnh hồi đầu nương lấy pháp Đạo quay về nẻo cũ, Thầy mừng chi hơn! Nhưng các con còn mê man sống trong nghiệp thức nên phải chịu sự quả báo trả vay, nếu không nhờ Hồng Ân pháp Đạo giác ngộ tu trì xả khước trần tình, thì làm sao đạt Đạo.

Hôm nay các con đã biết sự sám hối là của lễ chuộc lấy tội tình, tiếp nhận Hồng Ân điển huệ. Không những ngày nay các con mới sám hối, mà mỗi năm mỗi kỳ, con đều có sám hối, nhưng sự sám hối chưa thành công. Con chưa hiện được tự thể tánh lành, là bởi lòng con chưa giác ngộ, chưa thấy tội lỗi của mình, lòng bị vô minh che phủ. Hôm nay Thầy ban điển huệ rửa sạch lòng trần, các con tự tỉnh giác ngộ lấy mình, chịu lấy pháp Đạo thánh linh sớm trở nên con người Thánh đức. Con phải chí nguyện dứt trừ tội lỗi, thì đường tu các con mới mong làm tròn sứ mạng gánh Đạo Trung Tông. Các con có quyết tâm dứt trừ tội lỗi hay không? ...

Hôm nay các con đã thấu lòng thương yêu của Thầy ban cho các con một Đặc Ân trong kỳ sám hối năm nay, vậy các con phải cầu nguyện cho mình, cho đồng bào, đồng đạo được dịp Hồng Ân chung trong của lễ sám hối này.

(Huyền Quang đàn, 15/12/Đinh Tỵ - ĐD52 - TTTHGP III, tr.185)

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN TRÍ HUỆ

BỬU PHIỆT

Rằm tháng tư âm lịch là ngày vía Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Cuộc đời ngài thể hiện rõ tấm gương từ bi, trí huệ. Ngài đã đem đến cho chúng sanh pháp môn cứu độ, đưa con người từ bờ mê qua bến giác, từ khổ đau thành thanh tịnh, giải thoát.

Trong đề tài hôm nay, chúng ta tìm hiểu về trí huệ, là một trong ba phần là Giới, Định, Huệ.

Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

*“Giới, Định, Huệ nằm lòng tha thiết,
Tham, sân, si tận diệt căn đề;
Thức căn cột chặt thân về,
Không còn rối loạn, hôn mê, biếng lười”.*⁽¹⁾

Bài trình bày hôm nay gồm các nội dung sau:

1. Trí huệ là gì?
2. Ai có trí huệ?
3. Trí huệ đem lại lợi ích gì?
4. Làm sao để có trí huệ?

1. Trí huệ là gì?

Trí tuệ: thông minh, linh hoạt. (*Hán Việt từ điển*, Đào Duy Anh)⁽²⁾

Huệ: Sự sáng suốt, thông hiểu sự và lý; dứt điều lầm lạc, mê muội, nghi ngại.

⁽¹⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 24-6-ĐĐ.45 (Canh Tuất) (26-7-1970). TTTH, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2017, trang 64.

⁽²⁾ Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*. Nxb Trường Thi, Sài Gòn, 1957.

Ở nước ta, người miền Nam thường đọc là “Huệ”, người miền Bắc thường đọc là “Tuệ”. (*Phật học từ điển*, Đoàn Trung Còn).

Trí huệ là hai chữ đồng nghĩa nhưng có khác nhau chút ít. Người ta dùng chữ trí nói về thế gian, về sự tướng hữu vi; còn chữ huệ thì người ta chỉ dùng để nói về việc xuất thế gian, việc đạo đức, về lý không, vô vi. (*Phật học từ điển*, Đoàn Trung Còn).⁽³⁾

Trí huệ (tuệ): sự thông minh, sáng suốt của Phật, Bồ tát, chư Thánh và các nhà tu hành chân chính. Trái với trí huệ là ngu si, vô minh, phiền não. (*Phật học từ điển*, Đoàn Trung Còn).

Trí huệ gặp trong các pháp môn tu học như sau:

- Huệ là một trong nhị môn của Bồ tát cần phải tu hành, đó là Phước Huệ song tu.

Chúng ta có hai nhà tu ở Quảng Nam, mà tên gọi đều có chữ huệ. Đó là nhà tu Trí Huệ dành cho nam giới và nhà tu Phước Huệ đàn dành cho nữ giới.

- Huệ là một trong ba phần của Tam vô lậu học, cái học của người quyết đắc quả Thánh, không cầu phước báo ở nhân gian và thiên thượng. Đó là Giới, Định, Huệ.

- Trí huệ là một trong Lục độ Ba la mật đa: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ.

Ở đây, chúng ta cần nắm rõ hai khái niệm:

Trí huệ là cái thấy biết sáng tỏ, thông suốt không phải do học từ sách vở, mà do một quá trình tu tập mà có được.

Còn **Trí thức** là cái thấy biết do học từ sách vở, nghiên cứu, suy luận.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy trong Đại thừa chơn giáo (ĐTCG):

“Người tu hành tuy chẳng tâm chương trích cú, tuy không nấu sữ, sôi kinh mà cũng có thể rõ thông, suốt cả cái lý của đời rất nên đứng đắn.”

⁽³⁾ Đoàn Trung Còn, *Phật học từ điển*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM, 2015.

Rõ thông như thế là nhờ nhập định, tham thiền, rồi được trực giác nơi tâm thì tất nhiên trí huệ quang minh, phát triển mà giúp cho thần hồn lệ thấy, mau nghe, nên không học mà tự nhiên cũng biết”.⁽⁴⁾

Tóm lại, trí huệ là sự thông minh, sáng suốt của con người giác ngộ. Trí huệ có được sau một quá trình tu tập để diệt trừ vô minh, ngu si, phiền não.

2. Ai có trí huệ?

Trước tiên, chúng ta cần khẳng định rằng tất cả mọi người đều có trí huệ.

Thầy dạy trong Đại thừa chơn giáo về việc mở mang trí huệ cho mọi người: “...**mở mang cái trí huệ cho mọi người** noi theo Thiên lý vận hành mà tăng tiến mãi lên cho đến chỗ kỳ cùng mục đích, là nơi nhất định”.⁽⁵⁾

Mỗi con người là một điểm tiêu linh quang từ khối Đại linh quang chiết ra, đều có bản tính Thượng Đế, hay Phật tính nơi mình, tức cái thấy biết Trời phú cho, tự hữu hằng hữu. Câu chuyện sau đây minh họa cho trí huệ đều có ở mọi người.

Ngài Huệ Năng khi lần đầu đến lễ bái Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Tổ hỏi: “*Nhà ngươi là người phương nào? Muốn cầu việc chi?*”

Huệ Năng thưa: “*Đệ tử là dân Tân Châu, Lĩnh Nam. Đường xa đến đây lễ Tổ, chỉ cầu làm Phật chứ chẳng cầu chi khác*”.

Tổ nói: “*Ngươi dân Lĩnh Nam, lại là thiếu số mệnh mán, làm Phật sao được?*”.

Huệ Năng thưa: “*Người có kẻ Nam người Bắc, Phật tánh vốn không Nam Bắc. Thân mệnh mán này với thân Hòa thượng tuy có khác, nhưng Phật tánh có chi khác biệt?*”.⁽⁶⁾

Một bên là vị Tổ thứ 32 của dòng thiền tông, một bên là một người dân đồn củi bình thường. Qua lời đối đáp của Huệ Năng, chúng ta thấy rằng mọi người đều có Phật tánh, hay là trí huệ, không phân biệt danh vị, xuất xứ người đó ở đâu.

⁽⁴⁾ Cao Đài Đại Đạo, Chiếu Minh, *Đại thừa chơn giáo*, Gia Định, 1956, trang 41.

⁽⁵⁾ ĐTCG, Sdd, trang 26.

⁽⁶⁾ Đoàn Trung Còn dịch, *Pháp bảo đàn kinh*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2002, trang 18.

Con người chỉ vì vô minh, phiền não, tham dục che khuất mà trí huệ không hiện ra. Cũng như mặt trời, mặt trăng bị mây che mà khuất sáng. Khi mây bay đi thì ánh sáng mặt trời, mặt trăng lại tỏ rạng. Lòng người khi thanh tịnh, lặng yên, vô tư thì trí huệ sẽ xuất hiện.

Hòa thượng Thích Thiện Hoa có nói trong quyển Phật học phổ thông: “*Đứng về phương diện tính chất, đạo Phật chia trí huệ ra làm hai loại lớn là “Căn bản trí” và “Hậu đắc trí”.*”

- **Căn bản trí:** Căn bản trí là giác tính minh diệu mà mỗi chúng sinh vốn đã có sẵn, nhưng vì bị phiền não che lấp, nên chưa phát chiếu ra được. Có thể so sánh căn bản trí như là một chất kim khí quý báu (vàng, bạc) đang ở trong trạng thái khoáng chất, nằm lẫn lộn với đất đá (phiền não, vô minh).

- **Hậu đắc trí:** Hậu đắc trí là trí huệ có được nhờ công phu tu tập như trì giới, thiền định, v.v... Có thể so sánh Hậu đắc trí như chất kim khí (vàng, bạc) được lọc từ khoáng chất ra và không còn lẫn lộn với đất đá, bụi bặm nữa (phiền não, vô minh).⁽⁷⁾

3. Trí huệ đem lại lợi ích gì?

3.1. Trí huệ phá được vô minh, chặn đường thoái hóa

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: “*Có đây từ bi, trí huệ mới công phá nổi thành trì vô minh, chặn đường thoái hóa*”.⁽⁸⁾

Vô minh, tức là mê mờ, không sáng suốt, không thấy được thực chất của hiện tượng, sự vật.

Trí huệ ví như ánh sáng, vô minh ví như bóng tối. Ánh sáng chiếu đến đâu thì bóng tối lui đến đó.

Mặt trời, mặt trăng chiếu sáng thì bóng tối mất đi. Trong một căn nhà, nếu ban đêm mà không có ánh đèn thì chúng ta sẽ dễ dưng phải đồ đạc khi đi lại. Trong cuộc sống cũng vậy, nếu không có trí huệ soi sáng, chúng ta dễ bị lầm lỗi, va vấp, hư sự.

⁽⁷⁾ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, *Phật học phổ thông*, quyển Một, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2013, trang 615.

⁽⁸⁾ Tịnh Đường, 4-1-Giáp Thìn, 16-2-1964, Đại Đạo 39. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Trung tông Thánh tịnh, *Thánh truyền Trung Hưng giáo pháp (TTTHGP)*, bản photocopy.

Có trí huệ, sáng suốt thì mới phá được mê mờ, không để cho con người lầm lỗi, xấu xa đi.

Trong quyển *Cổ học tinh hoa* có câu chuyện *Mất búa*. Chuyện kể rằng: Có người đánh mất cái búa, nghi ngờ cho đứa con nhà láng giềng lấy trộm. Anh ta trông dáng nó đi, rõ ra đứa ăn trộm búa; nhìn về mặt nó, rõ ra đứa ăn trộm búa; thấy nó hành động, không một lý gì là không rõ ra một đứa ăn trộm búa cả.

Được một lúc, người ấy bối trong hồ lại thấy cái búa. Hôm sau, trông đứa con nhà láng giềng, ngôn ngữ cử chỉ lại không một tí gì giống đứa ăn trộm búa nữa.

Bản chất người hàng xóm là con người đàng hoàng, không phải là một kẻ trộm. Nhưng vì để lạc cái búa, nên chủ nhân cái búa đổ ra nghi ngờ cho người hàng xóm, nhìn người ta như một kẻ trộm. Sau khi tìm ra búa rồi thì chủ nhân cái búa mới nhìn lại anh hàng xóm với con người thực đàng hoàng của anh ấy.

Vì trong lòng nghi ngờ mà sinh ra cái nhìn không sáng suốt, không đúng sự thật. Do vô minh mà không thấy được sự thực chất về một con người. Nếu chủ nhân cái búa là người có trí huệ thì không nghi ngờ, suy đoán vô căn cứ như vậy, mà bình tĩnh đi tìm cái búa.

Để nhìn việc gì, con người nào cho đúng với cái họ đang có thì **phải nhìn bằng chánh niệm**, nhìn với cái nhìn vô tư, không có thân sơ, thương ghét, đúng sai, phải trái trong cái nhìn đó. Do không có trí huệ nên mình hay chấp trước, cho thế này mới là đúng, như thế kia là sai.

3.2. Trí huệ diệt ma dục vọng

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: “*Thầy muốn các con lấy chơn tâm biện lẽ chánh tà, cạy gương trí huệ mà diệt đời ma dục vọng.*”⁹

Ma là gì? Ma là những chướng ngại, cách trở trên đường tu học.

Dục là sự ham muốn năm thứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đó là ác dục, tức là cái ham muốn xấu, thô. Còn thiện dục là ham muốn tốt lành, như muốn tu học, muốn giác ngộ, muốn về Thầy.

⁽⁹⁾ TT. Trung Thành, 08-4-ĐĐ.13 (Mậu Dần)(07-5-1938). TTTH, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2017, trang 64.

Vọng là giả dối, bậy bạ, không có thực.

Như vậy, ma dục vọng chính là những thứ ham muốn xấu, đi ngược với đạo lý, gây trở ngại cho việc tu học, giác ngộ về Thầy.

Trí huệ sáng suốt được ví như cây gươm, cắt đứt được ma chướng, dục vọng cho mình. Nhờ sáng tỏ, thông suốt nên hiểu biết cái nào chánh, cái nào tà; cái nào nên làm, cái nào không được làm; mọi việc không bị ngăn ngại, cảm dỗ, cuốn lôi.

Có một em tu sinh, vì muốn đi tu nên xin vào ở trong thánh sở. Tình cờ, em thấy bạn mình có cái máy chụp ảnh rất đẹp. Em thích cái máy ảnh nên xin ra ở ngoài thánh sở để đi làm, kiếm tiền mua máy ảnh. Sau khi có cái máy ảnh xong, em không còn tiếp tục con đường tu học của mình nữa.

Nếu em sáng suốt, không bị cái ham thích nhất thời cuốn lôi thì em đã theo tiếp con đường tu học mà mình đã chọn.

3.3. Trí huệ giúp đứt tan sự thế, trần căn, oan nghiệt

Kinh Khai cửu có câu:

*“Năm cây huệ kiếm gươm thần,
Đứt tan sự thế nợ trần từ đây”.*

Trí tuệ như một cây gươm thần, sắc bén, linh diệu giúp đoạn lìa ý tình, ái ân, danh lợi, nói chung là đứt bỏ được nợ trần thế.

Đức Phục Ma Đại Đế dạy: *“Người có giải thoát được mới tự do, không bận bịu trần duyên, không nô lệ cho ý tình, ái ân, danh lợi. Nhưng đã thông cảm thừa thọ pháp môn thì gươm trí huệ thường mài, đoạn đứt trần căn, oan nghiệt để cho linh hồn tươi tỉnh, siêu lên chín phẩm liên đài”.*⁽¹⁰⁾

Gươm trí huệ thường xuyên mài dũa, mà phải mài cho sắc. Tức là siêng năng học hành, luyện tập một cách tinh chuyên, rốt ráo thì sự sáng suốt, thông hiểu mới có được.

⁽¹⁰⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 20-01-ĐĐ.34 (Kỷ Hội) (27-02-1959). TTTH, Sdd, trang 696.

3.4. Trí huệ làm cho con người thấu suốt lẽ đạo, nhẹ nhàng, vui khỏe

Đức Thái Bạch Kim Tinh dạy: “*Có trí huệ mới nhận thấu lẽ Đạo tinh vi, việc đời tế nhị. Có trí huệ rồi lòng mình mới nhẹ nhàng, vui khỏe, mạnh mẽ đường tu, ân cần việc Đạo*”.⁽¹¹⁾

Trí huệ xóa tan vô minh, phiền não. Khi đã không còn vô minh, phiền não thì chúng ta sẽ có cái nhìn tường tận, thông suốt mọi việc trong đạo, ngoài đời. Mọi ứng xử giữa người với người, mọi hành động trong công việc đều được hanh thông, tốt đẹp. Từ đó đem lại cho chúng ta tinh thần nhẹ nhàng, vui tươi, rồi tinh tấn trên đường tu học, lập công.

4. Làm sao để có trí huệ?

Trí huệ có được là nhờ Giới, Định. Chúng ta hành trì Giới, Định qua các việc sau:

4.1. Siêng năng quỳ hương, trì kinh, niệm chú

Đức Ngô Minh Chiêu dạy: “*Phải siêng năng quỳ hương, trì kinh, niệm chú để cho nghiệp lực giảm đi, tự tâm thanh tịnh, tự tánh mới được tỏ sáng, trí huệ mới viên thông, thì mới mong ngày chứng được quả vị Tiên Thánh*”.⁽¹²⁾

Quỳ hương, đọc kinh, niệm chú là một cách giữ giới. Khi giới được thanh tịnh thì định sẽ xuất hiện.

Khi quỳ cúng, dâng lễ, thân chúng ta khép trong khuôn khổ lễ nghi, bớt lảng xăng, phóng túng để giảm bớt nghiệp do thân gây ra.

Miệng đọc kinh, niệm chú để giảm bớt đi khẩu nghiệp.

Tâm nương theo ý nghĩa câu kinh để răn mình, sửa tánh, giảm bớt ý nghiệp.

Trừ ba nghiệp thân khẩu ý để cho thân tâm thanh tịnh. Thanh tịnh là trong sạch, yên lặng. Cũng như cái lu hay thùng đựng nước đục, nhờ có phèn làm cho nước trong lại. Lòng phàm của con người nhờ tu dưỡng mà được thánh hóa, thanh khiết.

⁽¹¹⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 12-01-ĐĐ.34 (Kỷ Hội) (19-02-1959). TTTH, Sđd, trang 685.

⁽¹²⁾ TTTHGP, Tịnh đường, Tý thời, 8-8-Quý Mão 25-9-1963 - Đại Đạo 38.

Có thanh tịnh thì tự tánh nơi mình mới sáng tỏ, trí huệ mới viên thông.

Viên thông: Viên là tròn đầy, hoàn toàn, khắp nơi. Thông là thông suốt, không bị ngăn ngại. Viên thông là rộng khắp, đầy đủ, thông suốt, không có gì ngăn ngại.

Trong khi cúng thí thực, chúng ta thường nghe Kệ khai chung:

*“Văn chung thanh, phiền não khinh,
Trí huệ trưởng, Bồ đề sanh”.*

Tức là khi nghe tiếng chuông thì sự u mê, lầm lạc, bất an do **tham, sân, si** gây ra được giảm tiêu.

Từ đó trí huệ được lớn mạnh, lòng Bồ đề giác ngộ, từ bi, bác ái được sinh sôi, nảy nở.

Đọc kinh sám hằng ngày là một cách giúp chúng ta chuyển hóa ngu muội thành sáng suốt, lạnh lợi; tính nóng giận, ngu si được hóa giải.

Kinh cứu khổ mà chúng ta trì tụng hằng ngày có câu:

*“Trí ngu muội đảo huyền minh mẫn,
Tánh sân si cầu khẩn giải oan”.*

4.2. Nguyên thường xuyên tu tập

Để có được trí huệ thì chúng ta phải thường xuyên tu tập, chuyển hóa con người phàm của mình nên thánh, không ngưng nghỉ tu tập vì bất cứ lý do gì.

Giờ nào cũng quan sát nơi tâm mình, để ý việc mình làm, không mảy may dễ dãi, biếng nhác. Để ý từng ly, từng tí việc làm, lời nói, ý nghĩ của mình trong mọi nơi, mọi lúc.

Trong quyển *Góp nhặt cát đá* có kể câu chuyện. Một vị sư muốn học thêm về đạo nên đến gặp một vị thầy. Do trời mưa nên sư có cầm theo cây dù. Khi vào gặp thầy, vị thầy hỏi: Ta muốn biết cây dù ông để bên trái hay bên phải đôi guốc?

Vị sư không trả lời được, tự biết rằng mình chưa luôn luôn để ý đến việc mình làm. Từ đó, ông xin phép thọ giáo với thầy, chuyên tâm hơn nữa trong việc tu tập của mình.⁽¹³⁾

⁽¹³⁾ Shaseki-Shu, *Góp nhặt cát đá*, Tuyển tập thiền truyện, Vũ Thế Ngọc dịch-chú, Nxb Phương Đông, 2009, trang

Tu hành phải lập nguyện, tức phải luôn luôn giữ mình theo pháp môn đã thọ, trì. Dù bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ khó khăn nào cũng không quên lời nguyện.

Chú Nguyễn tiêu Nguyễn sanh có câu:

*“Nguyện tiêu tam chướng, trừ phiền não,
Nguyện đắc trí huệ, chơn minh liễu”.*

Chúng ta nguyện trừ bỏ ba điều tham, sân, si, buồn phiền, lo lắng, bất an. Nguyện đạt được trí huệ, sáng tỏ, chân thật một cách toàn vẹn. Đã nguyện thì phải làm, và làm cho thường xuyên, tinh ròng, chuyên nhất.

Đức Phục Ma Đại Đế dạy: *“Ngọn đèn trí tuệ lần khêu.”*⁽¹⁴⁾

Ơn Trên dùng cây đèn với đặc trưng là có ánh sáng phát ra để tượng trưng cho sự sáng suốt của trí tuệ.

Vì sao gọi là lần khêu? Chúng ta thấy, cây đèn thái cực cực thấp sáng ở bàn thờ Thầy, sau năm bảy ngày sẽ đóng muội than, ánh lửa nhỏ lại, mờ bớt đi. Lúc đó, chúng ta phải khươi miếng muội than trên ngọn đèn, để ngọn đèn sáng mạnh lên trở lại. Lần khêu là khêu dần dần, liên tục, không gián đoạn. Nếu để lâu ngày không khêu thì ngọn đèn sẽ tắt.

Việc tu tập cũng vậy. Phải thường xuyên, liên tục quan sát nơi mình, giữ cho tâm mình luôn thanh tịnh, sáng tỏ, không để phiền não đẩy động làm cho tâm mình mê mờ, tăm tối.

4.3. Gần Thầy, các đấng Thiêng liêng

Đức Cao Đài Ngọc Đế dạy: *“Vậy các con từ đây phải được luôn luôn gần Thầy để trí huệ phát huy thì mới thấy được âm mưu nguy kế”.*⁽¹⁵⁾

Gần Thầy là gần thế nào? Có phải là gần cái bàn thờ Thầy không? Chưa chắc gần bàn thờ Thầy là gần Thầy, khi mà quỳ cúng trước bàn thờ thầy nhưng tâm mình nó ở tận đâu đâu, đi đâu không hay biết.

⁽¹⁴⁾ Tỉnh Đạo Thừa Thiên, 02-03-ĐĐ.33(Mậu Tuất) (20-4-1958). TTTH, Sdd, trang 523.

⁽¹⁵⁾ TT. Ngọc Linh Đài, 02-5-ĐĐ.33 (Mậu Tuất) (18-6-1958). TTTH, Sdd, trang 544.

Gần Thầy là lòng mình luôn hướng về Thầy, luôn nghĩ về Thầy. Một cách để luôn nghĩ đến Thầy là luôn niệm danh hiệu Thầy trong mọi lúc, mọi nơi.

Khi dặn dò tịnh viên, Đức Ngô Minh Chiêu có dạy: *“Không rời chuỗi châu, không quên câu chú”*.

Dù có đau ốm, không công phu được cũng phân tay lần chuỗi châu, niệm danh hiệu Thầy mà cầu nguyện.

4.4. Lấy thanh tịnh làm nền tảng cho trí huệ

Đức Thái Bạch Kim Tinh dạy: *“Các hiền đệ lấy thanh tịnh mà làm nền tảng cho trí huệ”*.⁽¹⁶⁾

Trí huệ có được là nhờ nền tảng thanh tịnh. Không thanh tịnh thì không có trí huệ. Một tâm hồn lao xao, vọng động, điên đảo thì không thể nào sinh ra trí huệ được. Thường xuyên thanh tịnh thì mới có thể sanh ra trí huệ.

Câu chuyện một người đi qua cầu khỉ. Vì cây cầu chỉ có một thanh cây đi qua mà không tập trung chú ý thì rớt xuống cầu, không đến bờ kia được.

Mỗi đạo hữu trong chúng ta, ai cũng có đôi lần chợt thấy trí huệ đến với mình, mặc dầu trong giây lát. Chúng ta suy nghĩ về một việc nào đó trong một thời gian dài, hoặc có điều thắc mắc trong quá trình tu học mà chưa có câu trả lời.

Sau thời công phu, trong lòng được yên lặng, khi thấp hương chuẩn bị dâng lễ, hay đang lau dọn bàn thờ thì đột nhiên, chúng ta thấy câu trả lời cho câu hỏi lâu nay chợt hiện ra rõ mồn một, không làm vào đâu được, chỉ có như thế và hoàn toàn đúng như thế. Đó là một biểu hiện của trí huệ.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

“Tâm thanh tịnh rồi thì trí huệ mở rộng. Trí huệ mở rộng là nhờ hành trì Giới, Định mà giải thoát hoàn toàn”.⁽¹⁷⁾

⁽¹⁶⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 12-01-ĐĐ.34 (Kỷ Hợi) (19-02-1959). TTTH, Sdd, trang 685.

⁽¹⁷⁾ TT. Ngọc Linh Đài, 25-3- ĐĐ.32 (Đinh Dậu) (24-4-1957). TTTH, Sdd, trang 460 - 461.

Muốn thanh tịnh thì phải hành trì giới, định. Giới là gìn giữ Tam quy, Ngũ giới, Thế luật, hay Tứ đại điều quy đối với người ăn chay trường. Rồi phải siêng năng cúng kính, trì hành Kinh Hâm, Kinh Mai, niệm danh hiệu Thầy, v.v...

Định là tâm quan sát, chuyên chú vào một việc, không tán loạn, không nghĩ đến điều sai quấy. Khi giới giữ được một cách nghiêm túc, thường xuyên thì sẽ định được tâm. Tâm có định mới sinh ra huệ. Có trí huệ mới giải thoát mọi ràng buộc.

Kết luận

Mỗi người đều có trí huệ. Trí huệ do siêng năng tu tập mà có.

Trí huệ dứt được phiền não, vô minh, đem lại cuộc sống an lạc cho mình và cho mọi người xung quanh.

Muốn có trí huệ phải tu tập, bắt đầu từ những việc thường ngày như quỳ hương, cúng kính, công phu, giữ lòng thành tịnh, hằng để tâm nhớ đến Thầy, luôn niệm danh hiệu Thầy.

Phải thực hiện liên tục các việc đó một cách tinh nghiêm, chuyên chú thì cuối cùng sẽ đi đến trí huệ. Đó chính là con đường đi đến trí huệ.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: *“Thoát kiếp luân hồi nhờ trí huệ; Siêu phàm nhập Thánh tại nơi tâm”*.⁽¹⁸⁾ ☯



⁽¹⁸⁾ ĐTCG, Nền Tảng Cao Đài Đại Đạo.

ĐỨC MẸ và các GUƠNG THÁNH NỮ

TRĂNG THIÊNG

CẢM NGHIỆM VỀ ĐỨC MẸ ĐIỀU TRÌ

Trong đạo Cao Đài ngoài sự tôn thờ Đấng Đại Từ Phụ là Đức Thượng Đế Chí Tôn, chúng ta còn nhứt tâm kính ngưỡng đối với Đức Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn, tức là Mẹ linh hồn của nhân loại.

Mỗi năm cứ đến ngày Rằm tháng 8, toàn đạo cử hành Thánh lễ dâng lên Đức Mẹ Điều Trì. Ngày Thánh lễ có sắc thái tín ngưỡng đặc biệt này, chúng ta phải suy nghiệm để thấu hiểu ý nghĩa và trọn tin, nhứt tâm hồi hướng về đức Mẹ Từ Tôn.

Từ xa xưa con người đã có quan niệm đối với sự tôn thờ các Đấng thiêng liêng. Theo quan niệm thông thường cho rằng *Đức Thượng Đế* là Cha linh hồn, còn *Đức Điều Trì Kim Mẫu* là Mẹ, vì theo kinh *Kim Bân Ngọc Lộ*, từ thuở an bài vũ trụ, Đức Điều Trì Kim Mẫu đã cho xuống thế 96 ức nguyên nhân để tạo thành thế giới nhân loại. Như quan niệm này thì hai Đấng Thượng Đế và Đức Điều Trì chẳng khác gì song thân của mình tại thế gian. Người ta đã tôn hai Đấng này là Cha và Mẹ với một tinh thần kính ngưỡng thiêng liêng. Quan niệm xưa cũ này giản đơn nhưng sự suy niệm về tín ngưỡng đáng quý nhưng chưa thật sáng tỏ đạo lý.

Nhân quan tâm linh của người Cao Đài đã bừng mở đầu mỗi tư duy về đạo sinh - hóa và cái lý chủ tể của đạo ấy. SINH nghĩa là khai sinh, nói về nguyên lý khởi thủy. HÓA nghĩa là trưởng thành, là nói về công đức hóa dục.

Trong giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì “sinh thành vũ trụ, hóa dục quần linh” là một quá trình đồng nhất thể. Khi người có đạo tưởng niệm về công đức khai sinh nguyên thủy thì tụng kinh Ngọc Hoàng bửu cáo. Còn khi tưởng niệm về công đức hàm tàng hóa dục thì chí thành hồi hướng về Đức Mẹ Từ Tôn. Đức Cha chung và Đức Mẹ thiêng liêng chỉ là sự biểu lộ lòng ngưỡng vọng vô biên đối với công đức sinh thành hóa dục. Công đức đó “có uy linh duy nhất” trong suy niệm về Đạo Trời.

Theo Đạo học, Đức Mẹ Diêu Trì thể hiện cái chí đức hóa dục dưỡng sanh vô cùng to lớn của tạo hóa đối với muôn loài vạn vật. Đó là nguồn sống, là Mẹ nuôi của vạn vật, mà trong nền tôn pháp tôn vinh là Đức Mẹ Vô Cực Từ Tôn hay là Đức Phật Mẫu.

Trên phương diện siêu hình, Đức mẹ là nguồn cội sự sống tâm linh của con người. Công đức Đức Mẹ là “Năng tạo năng hóa vạn linh, dưỡng dục quần linh qui nguyên Phật vị” (Di Lặc chơn kinh). Truy tìm nguyên lý siêu việt và cảm nghiệm sâu về đạo Trời đất có hai ngôi Thái Cực và Vô Cực, nhưng trong ý nghĩa tốt cùng đạo lý thì Thượng Đế và Đức Mẹ Từ Tôn là một, hay Thái Cực và Vô Cực cũng là một.

Người Cao Đài sống đạo với nguồn mạch đức tin rằng Đức Chí Tôn và Đức Mẹ Thiêng liêng là đồng nhất thể. Theo qui hướng xây dựng thế giới đại đồng của Cao Đài giáo đều tôn vinh nam nữ đồng quyền linh năng. Cộng đồng nữ tín hữu của Đại Đạo cũng có nhiều gương sáng đạo hạnh và giàu nhiệt huyết cống hiến cho sứ mạng phổ độ chúng sinh.

GUƠNG NỮ THÁNH

Nhân mùa hồi hướng tâm linh mừng Thánh lễ Đức Mẹ Diêu Trì, bài viết này phác thảo đời sống đạo hạnh của chư nữ tiền bối. Từ suy nghiệm về lý đạo đồng nhất, nhìn lại thực thể đời sống nhân sinh hiện nay, chúng ta đã thấu hiểu rằng thành phần nữ phái cũng là yếu tố tạo nên cơ thành đạo, và người tín hữu Cao Đài thấm nhuần tư tưởng:

*“Biết đâu gái cũng như trai,
Cũng con Thượng Đế hai vai cũng đồng!
Cũng gánh nổi non sông Tổ quốc,
Cũng cứu con dân tộc trăm luân”.*

Ôn Trên khai thị rằng *gái cũng như trai, và cũng gánh nổi non sông Tổ quốc*. Thánh ý khẳng định vai trò của nữ phái, xin cùng anh chị em truy niệm về tài năng, công hạnh những bậc liệt nữ để cùng học hỏi, soi sáng hành trình tu học của chúng ta. Giới trẻ ngày nay phải làm sao phát khởi chí tu chí đạo, xây dựng tập thể nữ phái ngày càng tinh tấn; phải học đạo, sống đạo và lập công chu toàn phận sự. Nữ phái cần tạo lập được những công trình hành đạo xứng đáng hoài bão thiêng liêng của Đức Mẹ và kỳ vọng lớn lao của Hội Thánh.

Ngay trên đất nước Việt Nam, kể từ ngày lập quốc, những con người tiêu biểu cho sức hùng mạnh huy hoàng của dân tộc, đứng hàng đầu mấy mươi triệu con dân, oanh liệt mở trang sử cứu quốc, phát ngọn cờ độc lập đầu tiên, những con người đó cũng có nữ giới dự phần như bà Triệu và Hai Bà Trưng.

Bà Triệu đã từng lập ngôn rằng:

“Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng kình ở bể đông, quét sạch bờ cõi cứu dân ra khỏi nơi đăm đuối, chớ không thềm bắt chước người đời, cúi đầu cong lưng mà làm tỳ thiếp người ta”. Lời nói ấy, vừa khí phách, vừa uy hùng có mãnh lực mạnh mẽ và dũng khí đã lưu truyền lại cho giống nòi con cháu một sinh lực vững bền hùng hậu.

Nhìn lại lịch sử khai Đạo chúng ta biết, người ghi tên đầu trong số 28 người đứng tên trong tờ “Khai Đạo” gọi lên Thống đốc Nam Kỳ năm Bính Dần (1926) để công khai nền đạo mới chính là một nữ tín hữu, Đại tỷ Lâm Ngọc Thanh (1874-1937). Tiền bối Lâm Ngọc Thanh sau khi dốc lòng vì Đại Đạo, người đã góp phần đắc lực cùng với chư vị Tiền khai để xây dựng nền móng đạo Trời từ buổi sơ khai, nên được Thiên phong Nữ Chánh Phối sư (sau ngày thoát trần đăng Tiên được Ôn Trên ân phong phẩm Đầu sư) Tiền bối là một chức sắc cao cấp đã tận tụy hy sinh cho nền tân pháp trong buổi đầu khai đạo, để cho nữ phái về sau được đề cao danh dự và có quyền thừa thọ Thiên ân, thụ phong thiên phẩm và thực thi sứ mệnh.

Khi nói về lịch sử truyền đạo miền Trung, đọc hồi ký chư Hướng đạo, lớp trẻ kế thừa sẽ được biết cụ bà Phan Tịnh Chuyển (bà Chánh Diệm

ở phủ Điện Bàn, Quảng Nam), thân mẫu của Anh lớn Nguyễn Quang Châu, (cố Chánh Phối sư Thượng Khai Thanh) người đã hy sinh hầu hết sự nghiệp của nhà mình cho Đại Đạo.

Với thế danh là bà Chánh Diệm, người đầu tiên đã hiến dâng sự sản của mình để thành lập Thanh Quang Thánh tịnh ngay tại làng Đông Thành (tức làng La Kham) thuộc phủ Điện Bàn. Cụ bà Chánh Diệm đã nổi tiếng là người mộ đạo và tận tình chăm sóc đạo hữu. Đó là nữ tín hữu biểu lộ đức hạnh lớn của bậc đại công cho cơ đồ truyền giáo.

Chuyện kể, ngôi nhà của Cụ Chánh Diệm là địa chỉ “tiếp tăng độ chúng” nhiều năm liền. Chí tu chí đạo khiến cho cụ bà lo chăm sóc đạo hữu đến nỗi phải nhịn ăn cả nhà hầu cho đủ gạo để tiếp đãi đạo hữu trong những ngày cần lưu lại Thánh tịnh. Có gạo đó, nhưng gặp tiết trời mưa lụt chưa có củi để nấu cơm, cụ bà bèn bảo con gái phá vách nhà làm củi (còn khô, chưa bị thấm nước mưa) nấu cơm cho đạo hữu no bụng yên lòng mà hội bàn đạo sự.

Tại Thánh thất Nam Trung Hòa, cụ bà phu nhân cố Hiệp lý Lê Trí Hiền, là Giáo sư Lê Chơn Giác cũng là người đứng vào hàng nữ Thánh, công hạnh đặc biệt cao trọng, đã hy sinh rất nhiều cho cơ sở truyền giáo tại Quảng Nam.

Suốt từ ngày nhập môn, thọ phong hành đạo, cho đến ngày cuối đời, cố nữ Giáo sư Chơn Giác, vẫn không lấy thế làm vinh, trái lại suốt ngày kề cận với đám đạo hữu Nữ phái quê mùa cục mịch, chất phác, ngây ngô, để chuyện trò bầu bạn, nói chuyện đạo, đọc kinh và gắng công dìu dắt chị em tu học lập công. Chơn Giác xứng tầm là bậc thừa sai khai sáng Thánh tâm cho chị em chăm tu lo đạo.

Buổi sáng nữ Giáo sư họp bàn với chức sắc Hướng đạo, buổi chiều lo sinh hoạt chung với số đàn em non dại, để tối lại lo cúng nước, hầu đàn, tụng kinh, cầu nguyện. Những việc làm đó cứ quanh quẩn suốt tháng này sang năm khác, bất kể trời đông rét mướt hay nắng hạ nấu nung. Hình ảnh cần mẫn và tận tụy của nữ Giáo sư Chơn Giác... nêu gương sáng chói về tác phong, đạo hạnh và cả về công trình xây dựng lớn lao mở cửa đạo tràng chuyên giáo hóa nữ đồ.

Giữa thời phong kiến uy quyền của thuở trước, người ta đã quá ngạc nhiên khi nhìn thấy một bà vợ quan Tri phủ mà có thể sống theo lối tương chua, muối mặn, áo vải, quần thô, lẫn lộn với đám người quê mùa dốt nát. Suốt một thời thanh xuân, Chơn Giác là nữ lưu trí thức con nhà quan. Đến tuổi trưởng thành làm phu nhân quan Phủ. Suốt thời gian gần 30 năm trên đường hoạn lộ cùng chồng từ Thanh Hóa đến lúc về kinh đô Huế, đại tỹ Chơn Giác từng được Triều đình nhà Nguyễn sắc phong Tứ phẩm phu nhân, một hàng phẩm quý giá thời phong kiến. Vậy mà đại tỹ không hề có thái độ sang chảnh, kiêu căng. Vào đạo thích đọc kinh sách và tìm hiểu giáo lý, hướng đến đời sống một bậc chân tu.

Với cộng đồng nữ phái, Chị lớn Chơn Giác biểu thị rõ sâu tình thần phụng sự nhân sinh, không giảng đạo, không sai biểu... mà Giáo sư tự mình đi nấu cơm pha trà, quét nhà, trải chiếu, đón chào mời hỏi đạo hữu chị em một cách đậm đà thắm thiết, không bao giờ thấy tỏ ra nề hà chán nản. Chân dung đáng nhớ của bậc Thánh nương là nụ cười nghiêm nghị ẩn dưới ánh mắt thân thiện triều mến.

Ngày nay, cố giáo sư Chơn Giác tuy đã hóa sinh về cõi thiêng liêng, đã ra người thiên cổ, nhưng đạo nghiệp huy hoàng và hạnh đức Thánh nữ của người vẫn tỏa sáng và mãi tồn tại trong sự nghiệp lớn lao của Đạo Thầy.

Nói về chí hướng dẫn thân hành đạo của tiền bối Trần Doãn Cơ lại rạng rỡ nét đặc trưng riêng. Tuổi mới lớn, thân mẫu ép gả cho một gia đình khá giả trong làng, hợp lễ “môn đăng hậu đối”, nhưng vì nặng lòng Thánh nguyện tu cầu giải thoát nên Doãn Cơ cố xin từ chối mà gia đình không thuận. Cuối cùng, Tiền bối đích thân tới nhà trai khẩn thiết trình bày tâm nguyện và được hoàn trả lễ.

Doãn Cơ là thanh nữ biểu lộ rõ khí chất người quyết đoán và giữ vai trò tiên phong trong công cuộc gieo truyền chánh pháp. Tiền bối là một nữ tu cởi mở, vui tính. Trong dịp tiếp đoàn truyền giáo tại Thánh thất Trung An. Một ngày có các Anh lớn Thanh Long, Bạch Hổ, Phan Định Công về thăm... chị em hay đùa:

- Trông chị khôi ngô, quắc thước, ước chi chị sẽ nối gót bà Trung, bà Triệu...

Tiền bối Doãn Cơ cười vui và khẳng khái: - Tôi không dám nói như bà Triệu Thị Trinh “*cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ... tôi không chịu khom lưng làm tỳ thiếp cho người*”. Nhưng tôi đã thực hành được đoạn chót câu nói của bà và tôi mong học theo ý chí, tinh thần của bà Triệu để phụng sự Đạo Trời. (Doãn Cơ sau đăng tiên chứng đạo là Bảo Thọ Thánh Nương).

Ngày nay, thỉnh thoảng chúng ta được nghe các chức sắc đàn anh nhiệt liệt tán dương sự hy sinh cao cả của ngài Liễu Tâm Chơn Nhơn. Nhưng bên cạnh đó, còn có thêm sự hy sinh cũng đáng nêu cao vinh dự và nói lên sự chia sẻ trách nhiệm của hàng ngũ nữ phái. Rất ít người trong thế hệ chúng ta cảm biết có một sự hy sinh cao cả, thâm lặng của bậc Thánh nữ Nguyễn Thị Lan, một tân thanh xuân thuộc Thánh thất Trung Bình (tiền thân TT. Trung Quang Bình).

Nhắc đến Thanh xuân Nguyễn Thị Lan là nói đến danh dự và nghĩa vụ của nữ phái trong mọi lãnh vực. Nghĩa là bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, hoặc bất cứ tình trạng nào, dù vinh quang hay sự đời nghiệt ngã nào của nhà Đạo, cũng đều luôn luôn có mặt nữ phái Cao Đài để được sẵn sàng chia sẻ và gánh vác... Những năm chiến tranh toàn đạo lâm vào cảnh muôn ngàn khó, Nữ tu lập một quầy thực phẩm chay tại Đại Phước tự (tiền thân Thánh thất Trung Bình) làng Đại Bình để hướng dẫn bốn đạo làm tương, cháo... nhằm khuyến khích mọi người ăn chay. Nhờ tinh thần vô ngã, vượt qua trở ngại cộng với cách hành xử có lý có tình, Nữ tu rất được nhân sinh yêu mến, nghe theo.

Những năm 1940... Cao Đài miền Trung trong tình trạng cơ khảo thí nặng nề, chùa bết thất niêm, chư Hương đạo thọ pháp nạn. Nữ tu xin phép gia đình và phát khởi hạnh nguyện ra đi lập công bồi quả, nêu gương phụng Đạo. Chị Lan lập giải pháp tâm linh riêng cho bản thân để hành Đạo bằng cách về phố Hội An mua vải mang ngược đường lên theo dọc bờ sông Thu để bán. Từ làng Đại Bình lên đến Phú Gia, Đông An, Tý, Sé, Dùi Chiên, đến Hòn Kẽm Đá Dừng và vùng Tây Viên, Trung Lộ... bán vải cho đồng bào đồng Đạo. Việc bán vải chỉ là hình thức, phương tiện, nhưng chính yếu là qua những chuyến đi, Nữ tu âm thầm hằng mỗi tới đến các nhà đạo hữu phổ truyền chơn đạo,

đọc Thánh ngôn, Thánh giáo gieo mầm sống đạo cho tín hữu, khuyến khích, động viên mọi người, qua đó góp phần dìu dắt nhân sinh trọn niềm tin về Thầy, trung kiên giữ Đạo trong giai đoạn khảo thí nặng nề.

Khi “Thanh Xuân Tân Sinh Hoạt Đoàn” do Anh lớn Phối sư Nguyễn Quang Châu khởi xướng, Nữ tu hẹn với chị Phan Hương Thôi là người bạn chí thân cùng tham gia Đoàn Nữ Thanh Xuân. Kể từ đây các chị phát nguyện ăn chay trường, toàn tâm thoát ly gia đình, xuất thân hành đạo.

Năm 1945, nữ tu Nguyễn Thị Lan theo chân đoàn Truyền Giáo vào Quảng Ngãi hành đạo và hiên ngang thọ pháp nạn cùng Đức Huỳnh tiên sinh. Bậc nữ tu thuần khiết đã buông tay trần thế ra đi - chuyển đi về cõi Thiêng liêng hiển Thánh.

Hồi tưởng các gương Thánh nữ, xin nhắc nhớ thêm một thành tích khác cũng do chính nữ phái ghi công trong những ngày ba chìm bảy nổi của cơ đạo miền Trung. Đó là phong trào “Thanh Xuân Tân Sinh Hoạt Đoàn”. Một phong trào vừa thuần túy đạo đức, vừa thật sự bền gan vững chí thờ Thầy giữ đạo giữa những tình trạng xã hội bức bách, nghèo túng và hạn hẹp ở tận nơi đèo heo hút gió, nước mặn đồng chua, của mấy mươi năm về trước. Phong trào đó, thực ra chỉ là hàng ngũ của lớp tuổi thanh xuân nữ phái, họ kết nạp thành đoàn để học hỏi, để tu dưỡng, để tập sự hành đạo, song song với hàng ngũ nữ phái của các bà mẹ bà chị của họ.

Tuy Đoàn Nữ Thanh Xuân có một hàng ngũ riêng biệt, nhưng chị em trẻ vẫn luôn luôn cộng tác đắc lực với Ban Trị sự các Xã đạo, cùng chia gánh đạo sự với Ban Cai quản Thánh thất, Ban Tỉnh Đạo, hoặc giữa hàng ngũ các bà mẹ, bà chị trong nếp sinh hoạt nữ phái cao niên.

Những người phụ nữ đó, thực sự biểu lộ khả năng, tỏ rõ chí khí, nghị lực và có đủ khí phách tài ba để làm nên đại sự. Những chị em nữ hiền đó đã tạo nên những công nghiệp to lớn, đã gây nên những phong trào làm hiện thực hóa chuyện đẹp đời tốt đạo.

Những nữ thanh xuân thời đó đã thực hành đúng nghĩa vụ của mình không hề hở thẹn. Tổ chức Nữ đoàn Thanh Xuân chỉ tồn tại vài năm nhưng đã lưu dấu tích về đời sống đạo đức, gây ấn tượng sâu đậm

những gương nữ thanh xuân dần thân truyền giáo, chu toàn sứ vụ, khơi dậy truyền thống tu cầu giải thoát cho các thế hệ nữ tu sau này.

Mừng mùa Thánh Đán Đức Mẹ Điều Trì và chí thành ngưỡng vọng gương hy sinh phụng đạo của chư Tiên nương Thánh nữ, giờ này chúng ta nhứt tâm hồi hướng cùng cảm thấu hồng ân phước Thánh chan hòa trong mỗi chúng sinh.

Nguyện Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng liêng hằng ngự nơi mỗi chúng con, minh chiếu dẫn lành cho linh năng chúng con sáng suốt, tinh thần được thấm nhuần lý đạo, tinh tấn tu học... Chúng con thành nguyện học hạnh người chơn tu, nguyện sống theo lời khai thị của Đức Mẹ:

*Mong sao trẻ vương tròn phận sự,
Ước sao con gìn giữ Đạo màu;
Chị em nâng đỡ lẫn nhau,
Trước dù chậm chạp thì sau nhắc chừng.
Khuyên con chớ dưng chân chỗ hiểm,
Mà cũng đừng tìm kiếm đâu xa;
Mẹ trong các thể thân hòa,
Đạo trong thanh tịnh ruột rà thân yêu. ☯*



HÒA VUI TIN CẬY

GS THƯỢNG VĂN THANH

Bài viết này xin bắt đầu từ điểm không gian là Trung Hưng Bửu Tòa, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và điểm thời gian là ngày mồng một, tháng sáu, năm Nhâm Dần (2022) tức là năm hiện tại.

Từ năm Nhâm Dần này chúng ta đi ngược thời gian về 96 năm trước, năm Bính Dần 1926, năm chính thức Khai minh Đại Đạo tại Gò Kén, Tây Ninh.

Với thời gian non một thế kỷ, Đại Đạo đã trải qua bao nhiêu biến cố, từ ngoài xảy đến hoặc từ trong sinh ra, có cả hữu hình lẫn vô vi, lẫn bí ai mà cũng nhiều hùng tráng.

Từ sự biến tại đại lễ Khai minh Đại Đạo, tiếp theo mười năm sau lần lượt phân chi rẽ phái, gây nên những sai lạc chân truyền hoặc bất hòa mâu thuẫn.

Tám năm sau Khai minh Đại Đạo, tức là vào năm Giáp Tuất (1934), cơ đạo bắt đầu truyền bá về Trung, bắt nguồn từ nhiều chi phái khác nhau: như Ban Chính, Tây Ninh, Tiên Thiên, Cầu Kho . . .

Riêng cơ đạo tại Quảng Nam do Tứ linh đồng tử truyền về theo Thánh lệnh Thiêng Liêng:

*Ngọc chỉ ban ra dạ nghẹn ngào,
Hoàn(g) cầu thế giới vẫn Trời chung.
Thượng cờ qui nhất minh chơn đạo,
Đế mạng chừ ai gánh vác cùng ?*

Hai từ “nghẹn ngào” ở câu thứ nhất và câu hỏi cuối đoạn “*Đế mạng chừ ai gánh vác cùng?*”. Rất dễ gợi nên những thắc mắc mà chỉ có tương lai mới rõ.

Từ đạo về Trung năm 1934 cho đến năm 1954, năm kết thúc 9 năm cuộc chiến Việt Pháp, biết bao nhiêu tai khốc xảy ra. Chính quyền thuộc địa bắt bớ tù đầy chư hướng đạo, anh tù, em tội, chùa bế, thất niên. Tính cách đau thương phủ đầy trong các biến cố. Từ sự tán gia bại sản của gia đình bà Mục Cưu với chín người chết trong vòng một năm đến sự tuân đạo của hàng nghìn đạo hữu trong pháp nạn xảy ra 7 năm sau đó. Điểm sáng trong giai đoạn này về mặt tâm linh là đức tin son sắt, chết chóc tai ương vẫn không bỏ đạo, không chịu bước qua Thiên nhân. Về mặt hữu hình là sự liên kết môn sinh nhà đạo Nam Ngãi Bình Phú, thành lập Cơ Quan Truyền Giáo Trung Bộ, ra đời đoàn giáo hữu Phổ thông hoạt động tại bốn tỉnh này.

Tín chúng Nam Ngãi Bình Phú nghèo khó là thế, nạn tai liên miên dồn dập mà chỉ hai năm sau hoàn tất việc xây dựng nên Trung Hưng Bửu Tòa, thành lập Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Đức tin kiên cố cùng với nguồn vui đoàn tụ Hướng đạo và sự tham dự Hội nghị Tôn giáo thế giới tại Đông Kinh, Nhật Bản là động cơ và là chất men làm dậy lên sức sống phục hưng sau bao năm tang tóc.

Khoảng 5 năm sau, trong cuộc phục hưng phần khởi ấy, sự thử thách lại đến với sự bất đồng giữa quý Anh Lớn về Tu và Hành. Chúng ta có thể biết tính cách trầm trọng của sự mâu thuẫn này qua lời dạy của Đức Chí Tôn:

*“Bền dạ sắt biết bao thử thách,
Vững lòng tin tìm cách dung hòa.
Nỡ nào nấu thịt nôi da,
Không thương thì chó dữ mà ghét nhau”.*

Cũng trong giai đoạn này, Thanh niên Hưng Đạo ra đời tạo cơ hội cho con em nhà đạo tu học, rèn luyện, lập công. Đây là chồi xanh đạo pháp đáp ứng nhu cầu giáo dục tuổi trẻ, đáp ứng sự phát triển cơ đạo trong tương lai và đem hy vọng mới cho môn sinh nhà đạo.

Vì tầm quan trọng cho cơ đạo tương lai nên Đức Giáo Tông căn dặn: *“Thanh niên thế hệ trẻ trung, sống động vui tươi, dễ đuổi theo sứ mạng Hưng Đạo Đoàn, có Hưng Đạo mới là cứu cánh”.*

Đức Chí Tôn còn dạy chi tiết hơn: “... đoàn phải hoạch định chương trình cũng gồm đủ ba phần:

- Phát triển dân đức,
- Cải tiến dân sinh,
- Khai hóa dân trí.

Hưng Đạo Đoàn mang trọng trách thay,

Mầm non uốn nắn được thành tài.

Đức tin, đức hạnh cho đầy đủ,

Hữu dụng mai này rạng rỡ thêm”.

Vào thời điểm Kỷ niệm thành lập Hội Thánh (1-6- Âm lịch), Đạo Thầy về Trung được 88 năm, Hội Thánh Truyền giáo ra đời 66 năm và Thanh niên Hưng Đạo được 58 năm.

Thời gian vật lý tính bằng con số khô khan là như vậy nhưng lịch sử Cơ Đạo Trung Hưng thì phong phú, đa đoan, đạo mạch kỳ ba tại miền đất Trung Châu này luôn luôn biến chuyển, lúc ào ạt tuôn trào, lúc lặng im sâu lắng, đúng như lời Đức Giáo Tông đã dạy: “Đạo lúc ẩn lúc hiện, lúc mạnh mẽ, lúc dịu mềm như không khí”.

Mỗi biến chuyển đều có công năng của nó nhằm đánh giá người tu để giao sứ vụ:

“Mỗi khi cơ thử thách ra đời là lúc toàn đạo có phần tiến bộ, mở cuộc khảo sát thí sinh để coi lại bước đạo lòng tu, sức người chí nguyện rồi nhắc lên các bậc phẩm thừa để ân ban quyền pháp”.

Thử thách đến từ bên ngoài - Đó là ngoại khảo,

Thử thách đến từ bên trong - Đó là nội khảo.

Anh Lớn Thượng Hậu Thanh vĩnh biệt chúng ta gần được một trăm ngày - Khoảng trống ấy có thể xem là một thử thách hay không?

Hoặc xem là thử thách,

Hoặc không xem là thử thách.

Đường tu của mỗi chúng ta vẫn phải tiến bộ. Mọi đạo sự của giáo hội từ các cơ quan Trung ương đến tất cả mọi Thánh thất, Thánh sở và các đơn vị đều phải tiến bộ.

Các thế hệ tiền bối thuộc ông cha chúng ta từng trải qua nhiều thử thách tinh vi, bí hiểm.

Và thế hệ chúng ta hôm nay, cũng như mọi thế hệ sau này, luôn luôn có bài học, bài thi mới.

Cả cộng đồng giáo hội chúng ta từ quý Anh Lớn đến nhân sinh đồ chúng cùng đón nhận bài học, bài thi chung.

Tại lễ chung cửu Đạo trưởng Huệ Lương Trần Văn Quế, Anh Lớn Phối Sư Thượng Hạo Thanh đã có lời nhắc nhở chung như sau:

“Tất cả chư chức sắc, chức việc và toàn đạo phải noi gương cụ, vứt bỏ mọi câu nệ, ngờ vực, bất nhứt, tạo nên một không khí hòa vui, tin cậy lẫn nhau”.

Toàn thể chúng ta, gồm quý Anh Lớn và nhân sinh đồng đạo mọi nơi, tạo được không khí hòa vui tin cậy lẫn nhau là chúng ta đã tiến bộ, đã dâng lên Ôn Trên một cửa lễ quý báu.



TÂM và TÁNH

Giáo sĩ **DIỆU NHƯ**

Cương lĩnh của Nho giáo là: Tồn Tâm dưỡng Tánh.

Cương lĩnh của Lão giáo là: Tu Tâm luyện Tánh.

Cương lĩnh của Phật giáo là: Minh Tâm kiến Tánh; Kiến Tánh thành Phật.

Tôn giáo nào cũng đề cập đến hai phạm trù Tâm và Tánh.

Trình Tử: Tánh hay Tâm cũng là một lý. Nói về lúc thọ bẩm nơi Trời gọi Tánh. Nói về khi tồn tại nơi người thì kêu là Tâm.

Trung Dung: Thiên mệnh chi vị Tánh, suất Tánh chi vị Đạo, tu Đạo chi vị giáo. Có nghĩa: Trời phú bẩm nơi người gọi là Tánh, sống thuận theo Tánh gọi là thuận Đạo, tu sửa thân tâm cho đúng Đạo thì phải nhờ đến sự giáo hóa của bậc Thánh nhân.

Do Tánh vốn thọ bẩm nơi Trời nên thuần chơn, thuần khiết. Trời ban cho con người cái Tánh này để thay Trời mà dẫn dắt chúng sanh đi đúng con đường đạo đức trong quá trình sống và tiến hóa ở cõi trần gian.

*“Tánh thiên mạng người người có đủ,
Vốn thuần chơn, thường trụ, thường minh”⁽¹⁾*

*“Trời phú dữ nơi người là Tánh,
Nơi theo đây là Thánh là Tiên”⁽²⁾*

Tánh cũng chính là điểm Tiên Thiên, là mầm sống, là Nguơn Thần, là Trời, là Đạo, là Đức Nhân nơi con người, như lời dạy của Đức Mẹ.

⁽¹⁾ Đạo học chỉ nam, chương III, tiết III, mục 2.

⁽²⁾ ĐHCN, Chương III, tiết III, mục 2.

*“Cõi hậu thiên thân sanh vào đó,
Điểm Tiên thiên sẵn có nơi thân
Là mầm sống, là Nguơn Thần
Là Trời, là Đạo, là Nhân của người
Biết đặng rồi con ôi ráng giữ,
Giữ đừng cho các thứ nhiễm ô,
Lục căn thanh tịnh bày phỏ,
Đừng đem vọng ý mà tô điểm vào.
Hễ một niệm khơi màu trần tục,
Tham sân si giây phút dấy loạn,
Đậy che một ánh linh quang,
Che mờ chơn tánh lớp màn vô minh.”⁽³⁾*

Trở trêu thay, khi con người khóc oe oe chào đời, hít khí hậu thiên để bắt đầu một kiếp sống nơi trần gian thì Tánh Tiên thiên đã bị che lấp bởi khối A Lại Da Thức (Tích Tập Tâm) với muôn vàn chủng tử từ lịch kiếp. Thêm vào đó là xác thân trọng trược với lục căn kết nối với lục trần để tiếp tục sanh ra lục thức. Mạt Na thức và Ý thức hàng ngày hằng giờ luôn bổ sung thêm chủng tử vào khối A Lại Da Thức. Bà con nhà thức càng lúc càng thêm đông sẽ chiếm lĩnh và chi phối suốt một kiếp người quần quanh với sống ăn mặc ở, danh lợi tình tiền, hơn thua được mất.

*“Tích tập tâm⁽⁴⁾ kho tàng chủng tử
Nhặt ba đời tích trữ vào đây
Phát thân do ở nơi này
Thánh phàm khác giống ương gậy bên trong
Khéo xông ướp niêm phong kỹ lưỡng
Duyên Lự⁽⁵⁾ và Tư Lự⁽⁶⁾ chăm lo
Kiếm tìm, cất đặt vào kho
Chưa dùng để đó, làm trò đem ra”.⁽⁷⁾*

⁽³⁾ Đức Mẹ Điều Trì, CQPTGLĐĐ, 03.10.79.

⁽⁴⁾ A lại da thức (Thức thứ tám).

⁽⁵⁾ Ý thức (Thức thứ sáu).

⁽⁶⁾ Mạt Na thức= Ý (Thức thứ bảy).

⁽⁷⁾ Đức Bác Nhã Thiền Sư.

Nhưng Mạt Na thức và Ý thức thường cho những nhận thức thiên kiến cố chấp, không phản ánh đúng với bản chất của thực tại.

*“Hai tâm kia mới hiểm nguy,
Mạt Na, Ý thức, cực kỳ tinh ranh
Mượn ngũ uẩn vàng, xanh, đen, đỏ,
Chế biến bao nhiêu đủ đủ màu
Vẽ thành đất thấp trời cao
Sơn hà, cảnh vật trông vào như in
Giả với thật ngấm nhìn chẳng khác
Khiến bao người lầm lạc hướng đi
Chánh tà suýt soát một ly
Không Thấy chỉ dẫn, thị phi khó lường”.*⁽⁸⁾

Do đó, Mạt Na thức và Ý thức (Duyên Lự tâm) vốn là nguồn gốc của luân hồi sanh tử:

*Duyên Lự Tâm già tay lợi hại
Khéo gieo trồng gặt hái muôn duyên
Thảm hăng sanh sát đủ quyền
Suy lường, tính toán đảo điên trăm đường
Hay biện biệt, ghét thương, bỏ lầy
Động căn trần liên dấy tham sân
Mạt na tạo quả gây nhân,
Luân hồi sanh tử, lần khôn tuần hoàn”.*⁽⁹⁾

Lúc này, Tánh thiên mạng nào ai còn biết, chỉ còn biết có một cái Tâm giành lấy chủ quyền, nhưng Tâm lại chơi vui như chiếc thuyền nan quay cuồn trong biển rộng mênh mông, mặc cho những trận gió Ý liên tục xô đẩy ngã nghiêng, nghiêng ngã. Nào ai biết đi đâu về đâu?.

Cái Tâm nó đảo điên bất toàn làm cho bao nhiêu người phải dở dang, điêu đứng khổ sở là vậy, nhưng nó với ta vẫn là một cơ thể, luôn đi theo ta như bóng với hình không rời nửa bước. Do đó, không tôn giáo nào mà không đặt Tâm làm đối tượng để giải thoát con người ra khỏi những phiền não của thế gian.

⁽⁸⁾ Đức Bác Nhã Thiền Sư.

⁽⁹⁾ Đức Bác Nhã Thiền Sư.

Nho: Tôn Tâm dưỡng Tánh.

Lão: Tu Tâm luyện Tánh.

Phật: Minh Tâm kiến Tánh; Kiến Tánh thành Phật.

Tôn giáo giúp cho hành giả thấy được nguyên nhân gây ra những phiền não ở thế gian. Có thấy được nguyên nhân sanh bệnh thì bệnh nhân mới hợp tác với thầy thuốc để trị bệnh.

Đạo Học Chỉ Nam đã chỉ ra nguyên nhân khiến cho cái tâm khuấy động làm lu mờ chơn tánh:

*Trong thân, tâm lại chủ quyền,
Hay dòi, hay đổi, đảo điên bất toàn.
Tâm chứa trữ muôn vàn chủng tử,
Huân tập thường gìn giữ phát sanh,
Thuận duyên khởi ác hay lành,
Đều do căn thức xoay quanh mặt ngoài.
Biển tâm động hoài hoài sóng gió,
Biển tâm yên trắng tỏ thường soi,
Sáu căn bỏ trống cửa ngoài,
Tình duyên theo cảnh, lạc loài cô đơn”.⁽¹⁰⁾*

Đạo Học Chỉ Nam đã chỉ ra bí quyết để làm chủ cái tâm, giữ tâm thanh tịnh để phục hồi lại chơn tánh.

*Chủ được tâm chi hơn ngửa ý,
Ngăn lòng tà sớm chỉ niệm sanh,
Nói theo chơn tánh trọn lành,
Vượt qua thiện ác, không tranh không cầu”.⁽¹¹⁾*

Ngửa ý và chỉ niệm là cách thức để tâm thanh tịnh. Dùng chánh niệm để hộ trì sáu căn, nhận diện và dập tắt được ý và niệm ngay khi nó mới phát sinh để cho biển tâm lúc nào cũng yên lặng.

Chúng ta biết quá trình một chuỗi ý thức được hình thành như sau: Lục căn (Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với lục trần (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) sẽ tạo ra lục thức (Nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thân thức và ý thức). Thí dụ: Nhĩ căn là tai, tiếp xúc với nhĩ trần là âm

⁽¹⁰⁾ Đạo Học Chỉ Nam, Chương III, tiết II, mục III.

⁽¹¹⁾ Đạo Học Chỉ Nam, Chương III, tiết II, mục III.

thanh của một bản nhạc sẽ sanh ra nhĩ thức. Nhĩ thức sẽ truyền đến thức thứ bảy là Mạt Na Thức. Mạt Na Thức liên lục lợi trong A lại da thức, là thức thứ tám, để xem có những sự kiện nào liên quan được lưu trữ trong đây không. Nếu có, nó sẽ xâu chuỗi thành một chuỗi các sự kiện liên quan rồi đem ra đưa cho ý thức nhận biết. Đó là lý do khi chúng ta vô tình nghe lại một bản nhạc đã từng nghe năm xưa, ký ức về những kỷ niệm vui buồn, những nhân vật, những cảnh vật, những màu sắc, những hương vị, âm thanh, những sự kiện liên quan đến bản nhạc đó đồng loạt theo nhau về, gây cho ta thật nhiều cảm xúc.

Khi lục căn tiếp xúc với lục trần thì lục thức phát sinh, tâm nổi sóng tiếp theo. Do đó, phải giữ gìn để cho căn tiếp chỉ tiếp xúc với trần và sanh lục thức mà thôi, ý niệm vừa móng lên thì lập tức ngăn lại. Giống như khi ta đang tọa thiền, tiếng chó sủa, tiếng xe chạy ngoài đường, chúng ta có nghe, có biết, nhưng tâm vẫn thanh tịnh, vẫn dõi theo hơi thở ra vào của mình, không bận tâm vướng mắc với những âm thanh đó, như tự hỏi con chó đó ở nhà ai, tiếng xe đó là xe gì v.v... Khi tâm thanh tịnh thì tánh lặng lẽ sáng soi như ánh trăng tròn đầy dưới mặt hồ thu không gợn sóng.

Để làm tốt việc này, hành giả phải cầu viện đến phương giáo hóa của các bậc Thánh Nhân làm căn cốt để biết cách Tồn Tâm, Tu Tâm, Minh Tâm, để trả lại ánh sáng huy hoàng của cái Tánh vốn viên minh thường trụ. Đạo Học Chỉ Nam cũng đã dạy chúng ta tu và hành theo cách đó:

*“Suất được tánh tri cơ thấy Đạo,
Tu Đạo nương lấy giáo làm nhân,
Rõ phương xuất hóa nhập thần,
Con đường Minh Đức Tân Dân trọn lành”.*⁽¹²⁾

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã từng dạy:

“Tâm phải bình thường như mặt nước hồ thu không tí gợn. Tâm phải vững như cột trụ kinh thiên, tám gió không lay, mười hung chẳng phạm. Tâm có minh thì thần mới linh. Luyện tâm tức luyện thần. Luyện được thần thì tâm không còn là tâm nữa mà là thần. Thần là chủ tế vạn sự vạn vật. Thần ứng hóa cả việc thể cơ trời. Thần năng nhập thạch,

⁽¹²⁾ ĐHCN, Chương III, tiết III, mục II.

thần năng phi hành, nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phần. Chư đệ muội nhớ những câu tâm ấn này chăng? Thần linh diệu thì ngồi một chỗ mà suốt thông mọi hướng, lặng lẽ không lời mà cơ cấu vẫn điều hành. Sự việc không phải nói mà không làm được, vì đó là việc của con người. Con người muốn làm sẽ làm được. Chỉ có thần lực của con người mới khơi dòng đạo mạch đang bị lấp vùi tắc nghẽn trong tâm hồn nhân thế”.⁽¹³⁾

Đức Như Ý đã dạy luyện tâm tức luyện thần. Làm sao để luyện thần? Ngay từ năm đầu tiên khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, sau khi cho bài kệ:

*“Nhãn thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã dã”.*

Thầy dạy tiếp:

“Thầy đến để hườn nguyên chơn thần cho các con đắc đạo. Con hiểu, thần cư tại nhãn. Nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm tại đó”.⁽¹⁴⁾

Đến năm 1974, Đức Đông Phương đã giải thích bài kệ năm xưa như sau:

“Thiên nhãn tức Thiên tâm của con người. Hai ánh sáng tức là âm dương làm chủ tế, đó là lưỡng nguyên trong lý nhất nguyên. Âm dương phối hợp là thần, tức thị lưỡng nguyên trở lại nhất nguyên. Nhất nguyên là chủ tế. Thần là Trời, là Chí Tôn Thượng Đế ở trong con người ta”.

⁽¹⁵⁾

Đạo Học Chỉ Nam cũng đã dạy:

“Muốn đắc Minh⁽¹⁶⁾ phải dùng phép tụ quang khai Thiên mục. Hai mắt nhìn duy nhất vào một điểm mi tâm thì chơn khí không còn phóng

⁽¹³⁾ CQPTGLĐĐ, 5.10.1983.

⁽¹⁴⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, 25.3.1926 (TNHT).

⁽¹⁵⁾ VNT, 29.1.Giáp Dần 1974.

⁽¹⁶⁾ Minh 明 gồm hai chữ nhật và nguyệt, tức dương âm hay thần khí. Cơ phóng phát để sanh hóa ra vũ trụ vạn hữu cũng từ hai yếu tố âm dương. Vạn hữu muốn phân bổ hườn nguyên cũng phải nhờ âm dương thần khí tương hội. Đắc Minh tức đắc Đạo.

tán, Thần được yên, vọng thức khó sanh. Phép tụ quang là bước đầu của sơ cơ để hồi quang phản chiếu vào Trung Huỳnh. Đặt nhãn tạng vào đây thì hai khí nơi tâm thận triều viên, Khảm Ly giao hội, Thủy Hỏa ký tế, Long Hổ quy châu”.⁽¹⁷⁾

Đức Mẹ cũng có lời dạy tương tự:

*Vào tịnh thất dọn mình tu luyện,
Chón thiền phòng cải tiến dục tâm,
Ngó nghe nói tưởng vững cầm,
Thu vào hang trống⁽¹⁸⁾ mà tầm chủ ông.⁽¹⁹⁾
Thiền là tâm huyền công luyện kỹ,
Tâm là thần nhứt lý dung thông,
Ở trần chẳng dính bụi hồng,
Ở trong sinh diệt, thoát vòng diệt sinh.
Chủ tình thức tâm linh chiếu diệu,
Thấu suốt điều thọ yếu cùng thông,
Tự do tự tại thông dong,
Vào ra thấy tánh, chơn không hiện bày.
Đó cũng là bốn lai diện mục,
Cội rễ người chẳng chút chi li,
Thù đồ vạn tượng đồng quy,
Trời người một đạo, chấp trì một tâm.⁽²⁰⁾*

Chúng ta may mắn được học giáo lý, giáo pháp và cả pháp môn để biết làm chủ được tâm, luyện được thần, ngăn trừ vọng thức để có thể tồn tâm dưỡng tánh, tu tâm luyện tánh và minh tâm kiến tánh, vừa tự độ vừa độ tha trong thời hạ nguơn mạt kiếp này.



⁽¹⁷⁾ ĐHCN, Chương V, tiết III, mục III.

⁽¹⁸⁾ Nê Hườn Cung.

⁽¹⁹⁾ Chơn Tánh.

⁽²⁰⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, CQPTGLĐĐ, 03.10.1979.

ĐỨC “DUNG” TRONG TỬ ĐỨC

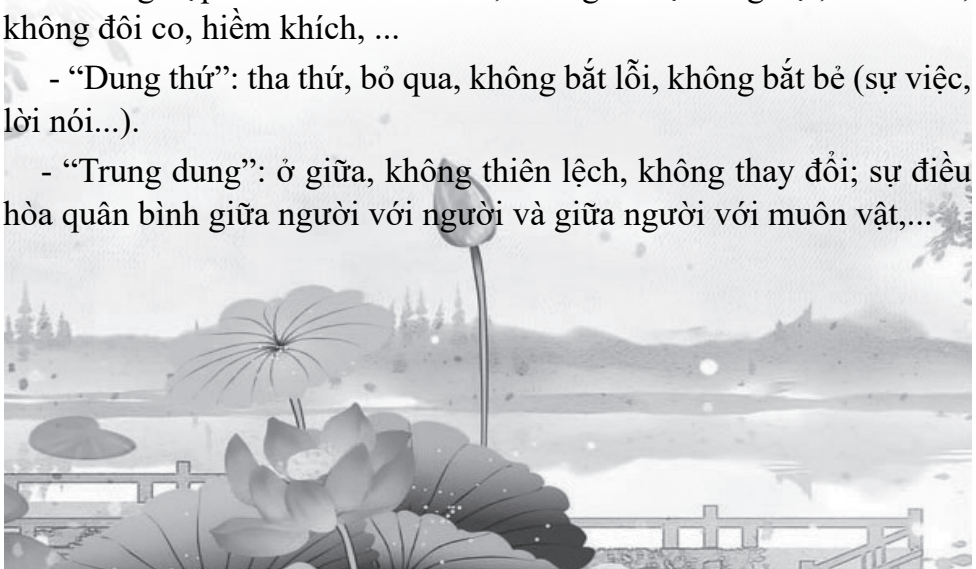
HƯƠNG HỒNG

I- ĐỊNH NGHĨA:

Theo tự điển Cao Đài của hiền tài Nguyễn Văn Hồng, “Dung” có nhiều nghĩa như: hình dáng, hòa lẫn, bao bọc, tha thứ, ...; nếu đi với từ “Trung dung” thì có nghĩa: bình thường, luôn luôn, không thiên lệch, không thay đổi, ...

Ta có thể lấy ví dụ một số từ liên quan đến các nghĩa trên như sau:

- “Dung mạo” hay “diện mạo”: vẻ mặt, gương mặt.
- “Dung nhan”: nhan sắc, gương mặt đẹp.
- “Dung nghi”: bao gồm hình dáng vẻ đẹp bên ngoài (lời nói dễ nghe, cử chỉ nhẹ nhàng, thái độ mực thước, tư cách cùng tác phong đúng mực... của Nho gia).
- “Dung hạnh”: thể hiện cái nét na, sự đầm thắm, ý tứ, thuần thành, tỏ ra là người có đạo đức, không tự tôn kiêu mạn, không tranh đua giành giật, không tỏ ý chiếm “thượng phong” từ lời nói đến hành vi, hay công việc, ...
- “Dung hợp”: hòa lẫn vào nhau, không có sự xung đột, chế khắc; không đôi co, hiềm khích, ...
- “Dung thứ”: tha thứ, bỏ qua, không bắt lỗi, không bắt bẻ (sự việc, lời nói...).
- “Trung dung”: ở giữa, không thiên lệch, không thay đổi; sự điều hòa quân bình giữa người với người và giữa người với muôn vật,...



Các định nghĩa trên cho thấy: “Dung” là mẫu số chung, là nét đẹp không chỉ ở gương mặt, hình thể, dáng điệu mà còn gắn liền với nhiều yếu tố khác, thì cái “Dung” mới vẹn toàn.

II- ĐỨC DUNG TRONG ĐỜI SỐNG:

Trong phạm vi bài này, chúng ta chỉ đề cập đến những quan niệm, những yếu tố liên quan đến cái đẹp mà người phụ nữ Việt Nam cần hướng tới, để cổ xúy cho việc tu thân theo Tam Kỳ Phổ độ.

Thời phong kiến, người phụ nữ được đại diện thường là con nhà quyền quý, danh gia vọng tộc, được nuôi dạy và đánh giá qua sự hướng dẫn của gia đình về nề nếp gia phong và sự khéo léo trong nữ công gia chánh. Đó là những thanh, thiếu nữ không những đẹp về diện mạo mà tác phong lại đoan trang, dáng vẻ thùy mị, tánh tình hiền thực, lời nói ôn hòa, nhu thuận, cử chỉ nhẹ nhàng, tao nhã...

Về sau, các nữ nhi con nhà khuê các này được nâng cao thêm giá trị bản thân qua văn chương thi phú.... Riêng các thôn nữ chân lấm tay bùn hay thành phần buôn bán, là thứ dân thì ít khi được thấy nhắc đến.

Ngoài những ưu điểm về dung mạo và dáng vẻ tôn quý của các bậc nữ lưu, một số các phẩm chất khác của nữ phái, dù là con nhà trâm anh thế phiệt hay dân dã bần hàn, cũng được xã hội thời bấy giờ đặc biệt coi trọng. Đó là sự trung trinh tiết liệt, biết giữ gìn phẩm giá nữ nhi, trọng tình trọng nghĩa, coi nhẹ vẻ đẹp ngoại thân, xem đạo đức con người là điều cốt yếu.

Cụ Nguyễn Khuyến (1835-1909), trong tác phẩm “Mẹ Mốc” đã tôn vinh nhân phẩm người phụ nữ. Ông cho rằng người phụ nữ không cần đẹp, chỉ cần sự “danh giá”:

*“So danh giá ai bằng Mẹ Mốc,
Ngoài hình hài, gấm vóc chẳng thêm ra.
Tấm hồng nhan đem bôi lấm xóa nhòa,
Làm như thế để cho qua mắt tục.
Ngoại mạo bất cần như mỹ ngọc,
Tâm trung thường thủ tự thiên kim.*

.....”

Và trong tâm họ cần luôn giữ cái ngàn vàng, tức tấm lòng trung trinh với chồng. Cách ngôn Việt Nam ca tụng cái đẹp trong tâm hồn, cái nét na của nữ giới, coi trọng phẩm chất bên trong con người hơn là cái thể hiện bên ngoài:

- “Cái nét đánh chết cái đẹp”.
- “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”.

Ngày nay, không phân biệt gốc sang hèn, toàn thể nữ phái được học văn hóa và mọi ngành nghề khác không thua nam giới, cả về khoa học, kỹ thuật, giáo dục, chính trị, xã hội, v.v. . . Học để trau dồi kiến thức, cho tài giỏi hơn, để sắp đặt mọi việc khéo léo, để cuộc sống được công bằng, phù hợp với sự phát triển quá nhanh của xã hội thời nay, làm cho đời sống tinh thần được thăng hoa và cao đẹp hơn. Tiên nữ Đoàn Thị Điểm, trong tác phẩm “Nữ Trung Tòng Phận”, khuyến khích nữ giới cần phải học:

*“Dụng văn hóa trau tria nữ phái
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng”.*

“Cầm bút nghiên đăng thẩm má đào”.

*“Gặp con cảnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim đèn sách học hay...”*

Tóm lại, ngài khuyến khích giới nữ cần xem trọng việc học thì mới tiến bộ về các mặt trong đời sống. Trước đây chúng ta được cha mẹ dạy cách nói năng thế nào cho lễ phép, từ hòa; đi đứng cho khoan thai, nhẹ nhàng; ăn uống cho thanh tao, đẹp đẽ; chơi với bạn cho ra người cao thượng, khiêm nhường; với người già và trẻ nhỏ phải biết kính trên nhường dưới v.v... học làm người có nhân cách. Đó là tiên học lễ, hậu học văn vậy.

Việc học không những mang lại tri thức mà còn làm thay đổi nếp nghĩ, cách sống của chúng ta. Là con nhà Đạo, cùng với việc tu tập, siêng năng lễ bái, chịu khó học hỏi giáo lý qua việc nghe thuyết giảng, đọc Thánh Kinh hiền truyện,... Chúng ta được thấm nhuần hơn, thuận phục hơn và sẽ làm đẹp tâm hồn bằng hạnh khiêm cung, lễ giáo. Những điều này không mới mẻ và cũng không hề mâu thuẫn

với tác phong nhanh gọn... và kiến thức rộng lớn hiện nay của nữ giới qua nền học vấn hiện đại. Sự tao nhã, tế nhị hay khiêm nhường vẫn tồn tại... ở các nước tiên tiến. Chỉ vì xã hội phát triển quá nhanh, nên có thể chúng ta chưa kịp dung hòa giữa nếp nghĩ và nếp sống cũ và mới. Trước tình hình này, chúng ta cần tỉnh táo nhận rõ đâu là nếp cũ cần gìn giữ, đâu là tư cách, tác phong “công nghiệp” mới. Sự nhanh gọn cho kịp tốc độ cuộc sống của người phụ nữ ngày nay không phải là những hành vi (*đến mức gây ra tiếng ồn; đi đứng quá mạnh bạo; ngồi gác chân lên bàn; khua tay chỉ trỏ khi nói, dùng âm lượng lớn khi nói, nói các nội dung không cần thiết, sẵn sàng đáp trả; hoặc ăn uống ồn ào, không vén khéo thiếu lịch sự*). Những suy nghĩ do lý luận logic mà thiếu đi sự thanh nhã cần thiết và nhất là đức tin vốn không phải là lý luận và khoa học thực nghiệm. Đó là vấn đề tình cảm và tâm linh vì **“Thầy là sự thương yêu và lẽ hằng sống”**. Ví dụ: dùng lời lẽ thiếu tôn trọng đối với người trước mặt, dù lớn hoặc nhỏ tuổi hơn đều là xúc phạm đến tình cảm và đến bản thân họ. Xúc phạm người, suy cho cùng là thiếu đức từ bi, giảm lòng nhân ái nơi mình, và tất nhiên, không còn Thầy nơi ta. Thiếu đức ái là giảm sự sinh, không còn lẽ hằng sống, là phạm Giới Luật. Trong cuộc sống thường nhật, nghiền ngẫm chín muồi, chúng ta sẽ thấy vô số sự tế vi như vậy trong đối đãi với người, với muôn vật mà ít khi chúng ta nhận biết.

Cách xử sự, giao tiếp chính là thể hiện ra ngoài cái dung nghi của mình. Dung nghi là quá trình rèn luyện “thân”, trong đó quan trọng nhất là “khẩu”. Đức Khổng Thánh từng dạy trong bài **“Tu thân, tu khẩu”** (*tại Đàn Tiên Thiên*):

*“Nhất là tu khẩu cần toan,
Giữ gìn lời nói cho ôn cho hòa”.*

Nữ Trung Tòng Phận dạy:

*Nói lời hữu ích nhu mì dễ thương.
Nói lời nhỏ nhẹ khiêm nhường,
Nói lời đạo lý đường đường chánh chơn.
Bỏ những lời nói thiệt hơn,
Bỏ lời vọng ngữ xảo ngôn hỗn hào,*

*Bỏ lời tranh luận thấp cao,
Bỏ lời câu móc điều ngoa chẳng lành....”
“Ngôn từ dịu ngọt thanh tươi,
Tiếng tiêu khai phụng, phục người mới ngoan”.*

(Nữ Trung Tùng Phận, tr. 168)

Thật ra, cách nói thiếu lễ độ, thiếu tự trọng,... cũng như hành vi thiếu tôn trọng người... vốn dĩ xuất phát từ nội tâm chưa thiện lành, chưa khiêm tốn... và thiếu tu dưỡng bản thân. Cả hai phần (tu dưỡng nội tâm và dung nghi) phải được song hành mới là tấm gương sáng để giáo dục con trẻ nói riêng và mang tính giáo hóa nói chung.

Việc lựa lời đòi hỏi sự tư duy khôn khéo, sự trầm tĩnh, nhẫn nại trong một hoàn cảnh cụ thể, không để cho cảm xúc nhất thời chi phối. Hằng ngày, chúng ta đối xử qua lời nói, cử chỉ, hành động, thái độ đối với mọi người từ trong gia đình ra đến ngoài xã hội. Mỗi quan hệ này có tốt đẹp, có mang lại xúc cảm tích cực, tâm lý dễ chịu, bổ ích hay không phụ thuộc rất nhiều vào cách chúng ta giao tiếp.

Người có tính bao dung, trong tâm tưởng thường hòa ái, cảm thông, kiên nhẫn, biết sẻ chia trong công việc và sẵn lòng cứu giúp; do đó, có sự dung hợp trong đối xử, mang lại thuận hòa và êm ấm trong cộng đoàn.

Ngoài ra, trong quan hệ, chúng ta cũng chẳng nên phân biệt đối xử, dù với kẻ thân thiết hay không. Đó là giữ được cái tâm không thiên lệch, nhất quán, sự quân bình của Đạo “Trung dung”.

Giữ tâm công bình, điều hòa làm cho tập thể ta đang sống, đang sinh hoạt được êm ấm, chan hòa và tiến bộ. Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy chúng ta phải có từ hòa thì Mẹ mới hằng ngự nơi ta:

“Mẹ trong các thể thân hòa”.

Không ai trong chúng ta được vẹn toàn, do đó chúng ta rất cần **“Tu sửa mọi điều biết đã sai”**.

(Đức Lý Đại Tiên Trưởng-Tam Thừa Chơn Giáo, tr. 39).

Người phụ nữ đẹp và chỉ đẹp khi có lòng từ, hòa thân ái kính, nhu thuận, nhường nhịn, kiên nhẫn nhẹ nhàng chấp nhận nghịch ý, cảm

thông với những khác biệt. Biết giữ gìn những suy nghĩ tích cực và tự rèn luyện theo hướng thiện, theo chánh pháp, thì tâm và hạnh chúng ta sẽ thay đổi theo hướng tích cực. Để chuyển hóa thân tâm, chúng ta phải có sự tập trung mới thấy ra lỗi lầm của mình.

Điều này đòi hỏi chúng ta phải làm cho mình sáng suốt mà các vị thiền sư và gần đây các nhà khoa học đã khám phá. Đó là thiền định, công phu. Đây là một quá trình không những mang tính nhân văn mà còn đầy công đức; càng tu tâm dưỡng tánh, càng tạo âm đức, càng gần Thầy Mẹ. Ấy chẳng phải là đức Dung hoàn mỹ đó sao?

Vào cửa Đạo để tu hiền, tu hạnh Bồ Tát, mà chưa thấy ra điểm mấu chốt trong sự tu tâm dưỡng tánh này, chúng ta sẽ lạc lối, xa dần lập nguyện tiến bộ trên đường tu tập, lập công bồi quả. Do vậy, chúng ta đừng quá trọng hình thức bên ngoài, vì như Tiên nữ Đoàn Thị Điểm dạy:

*“Con đừng mượn nét khuynh thành,
Lợi thân mà hại đến mình hồng nhan”.*

(Nữ Trung Tòng Phận - Tr. 155)

Với năng lực của trí tuệ và tu dưỡng nội tâm trong thời gian dài, sự thuần hậu, chân chất, thiện lương sâu xa bên trong nội tâm của chúng ta sẽ tỏa ra khí lành khiến cho môi trường chung quanh thu liễm và tự nhiên nhận được ân điển của Thầy Mẹ.

Thế nên tu tâm dưỡng tánh là thực hiện công đức, tạo âm chất. Nơi nào có nhiều người thuần thành tu tập, tích cực sửa mình, nơi đó càng được hạnh phúc, bình an và khương thái.

Thời nay, xu hướng vật chất đang chiếm lĩnh mọi góc ngách trong đời sống thường nhật. Mỗi ngày, chúng ta lo chọn lựa những thực phẩm bổ dưỡng và những tiện nghi vật chất ưu việt nhất cho các thành viên trong gia đình. Nhưng thực phẩm bổ dưỡng cho tinh thần là sự tu dưỡng, sự làm gương của người lớn phân nào bị phơi pha, xao lãng. Nhìn chung, sự đầu tư lệch lạc này cần được nhanh chóng điều chỉnh và bổ sung.

Khi đọc bài Kinh Sám hối và Kinh Cảm Ứng chúng ta thấy đầy rẫy những điều xấu ác mà chúng ta thường dễ vấp phạm. Quán chiếu, suy nghiệm, nhìn lại mình, chắc chắn chúng ta sẽ sửa đổi cho “lành lặn” và tốt đẹp hơn.

Quan niệm về nét đẹp tinh thần như trên đã nêu, từ xưa đến nay vẫn giữ nguyên giá trị, dù phong cách người nữ phương Đông và phương Tây có sự khác biệt. Nét đẹp ấy luôn là sự ngưỡng vọng, xu hướng của những con người văn minh, đạo đức.

Xin trích dẫn đôi điều trong một số tài liệu để chúng ta suy nghiệm:

+ Trong bài “Nữ phái giáo quy” (*Kinh Tận Độ*):

*“Qua cử chỉ lễ nghi vẹn vẻ,
Đứng, đi, ngồi nhường kẻ tuổi cao”.*

+ Trong bài “Chú Tịnh khẩu” (*Kinh Tận Độ*):

*“Lời ăn nói là nơi lười miệng,
Tiếng luận đàm liệu biện đề phòng”.*

+ Trong “Nữ trung tùng phận” :

*“Phải trau tria tướng hạc hình mai”
“Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui”
“Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang”.*

+ Trong “Gia huấn ca” Nguyễn Trãi dạy:

*“Dù no dù đói cho tươi”
“Khoan ăn bớt ngủ liệu bề lo toan”
“Phòng khi đóng góp việc làng”
“Đồng tiền bát gạo mang ra cho người”.*

Hằng ngày, nữ phái chúng ta chỉ cần thực hành: - theo Ngũ Giới Cấm và 24 Điều Thế Luật - lễ bái, công phu tu tập - đọc Thánh kinh hiền truyện - góp nhặt điều hay, thanh lọc điều dở trong đời sống thường nhật - tùy theo khả năng và điều kiện hiện tại của mình. Đó chính là vẽ lên những nét vẽ đẹp nhất, công phu nhất, công đức nhất. Trách nhiệm của nữ phái chúng ta là phải biết làm đẹp, đẹp cả hai phần, bên ngoài và bên trong.

Như vậy, Tứ Đức tuy chia ra làm bốn phần Công, Dung, Ngôn, Hạnh; nhưng nếu không có đức Hạnh can dự vào ba đức còn lại kia thì ba đức ấy hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì. Về đức Công, nếu không có Công thì như Thánh giáo đã chỉ ra: “Có Công không Hạnh không thành”; về đức Ngôn, nếu nói cho nhiều, cho hay mà thiếu Hạnh, cũng chỉ là gió thoảng mây bay; về đức Dung, dù là người đẹp tuyệt trần mà không có Hạnh, người đời cũng sẽ cười chê.

III- KẾT LUẬN:

Tóm lại, Dung là một trong Tứ Đức, là nét đẹp của người phụ nữ. Đó là vẻ đẹp song hành, không những ở gương mặt, mà còn thể hiện qua phong cách thanh nhã, qua đời sống nội tâm phong phú, hạnh đức dồi trau. Chúng ta không ngại **mài giữa cho đẹp** vì:

*“Ngọc kia chẳng giữa chẳng mài,
Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi”.*

Trong cuộc sống hằng ngày, mỗi chúng ta nên thường xuyên suy nghiệm, tự soi rọi thân tâm xem đã làm điều gì tốt, điều gì chưa; học hỏi về lối nghĩ và cách sống hướng thượng và hướng thiện trong mọi hoạt động. Học, hiểu chưa đủ; **cần phải hành, phải rèn luyện**. Không có tác phẩm đẹp có giá trị nào mà không có sự dày công nỗ lực. Làm đẹp thân thể phải đồng thời làm đẹp cả tâm hồn, tức trau dồi đức tin, tâm lành, tự trọng, khiêm tốn... Như vậy sẽ làm hoàn thiện một nhân cách sáng ngời để đời sống của mỗi cá nhân được vui tươi, thăng hoa, ngày càng tỏa hương và phù hợp với nền Tân Pháp Kỳ Ba mà chúng ta đang may duyên gặp gỡ.

Đính kèm:

- Phụ lục.
- Vài nét về tiểu sử nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.



PHỤ LỤC

Phần phụ lục bổ sung này có thể còn thiếu sót hoặc dư thừa đối với quý vị cao niên, nhưng có thể phần nào trang bị thêm cho một số tín hữu trẻ về phần dung nghi...

Việc ăn:

- “Học ăn, học nói, học gói, học mở”.
- “Ăn trông nồi, ngồi trông hướng”.
- Trước khi cầm đũa, nên mời mọi người dùng bữa. Sau đó, ăn trước một miếng cơm lạt, có ý nhường cho người lớn gấp thức ăn trước; có thể gấp cho vị cao niên ngồi kế bên sau khi hỏi ý.
- Cầm đũa cho khéo, không giơ ngón trỏ ra phía trước.
- Không cầm đũa và muỗng cùng lúc để chan canh.
- Khi dùng đũa, nếu không có đồ gác đũa, thì tạm thời gác đũa lên đĩa thức ăn (hoặc khăn giấy), không để lên mép bàn dễ bị đụng rớt.
- Không vạch tìm miếng ngon để gấp.
- Khi nhai, miệng khéo tẻm gọn và không cho phát ra tiếng lớn.
- Chewing Gum là kẹo mềm thì chỉ nên nhai nhẹ nhàng.
- Thường tự trang bị khăn giấy lau miệng..., phòng khi gia chủ chưa kịp chuẩn bị.
- Khi ăn xong, nếu mọi người còn tiếp tục, ta nên đặt đũa xuống nhẹ nhàng. Nếu phải rời bàn, nên chào chung: “Xin phép quý vị...”
- Không xỉa răng và ngậm tăm trước mặt mọi người hoặc khi ra đường.
- Một số Họ Đạo trong đó có Trung Minh hưởng ứng lời kêu gọi của Hội Thánh về việc thể hiện tính **lịch sự**, **văn minh** và **vệ sinh** như sau:
 - Ăn bằng muỗng, gấp bằng đũa (hoặc kẹp gấp, tùy món) để gấp thức ăn.

- Mỗi người có một chén nước chấm riêng, hoặc chan nước chấm vào chén riêng của mình. Mọi người không nên chấm chung một chén.

Việc uống:

- Nên uống từng ngụm nước.
- Ăn xong, không súc nước “ồn ào”.

Việc nói:

- “Học ăn , học nói, học gói, học mở”.
- “Thốt lời mình chánh” (Chú Tịnh khẩu).
- “Trước khi nói, uốn lưỡi bảy lần”.
- Không liếm môi khi nói.
- Không nhanh nhẩu nói - Không nói lán lớt - Kiệm lời.
- Không nói chuyện đang lúc nhai.
- Không miệng kêu, tay ngoắc, chân chạy.
- Không nói lớn tiếng (kể cả nói qua điện thoại) chỗ đông người.
- Không chửi rủa, thêu dệt, nói mỉa, nói xéo, nói trịch thượng, nói đòn xóc hai đầu, nói thêm bớt có lợi cho mình mà hại người...

Việc đi:

- Đi nhẹ nhàng, không mạnh chân, không nặng gót.
- Không kéo lê giày, dép.
- Không lắc thân mình.
- Khi lên cầu thang, nâng (tránh túm) vạt áo dài trước lên cao vừa phải để không bị vấp. Khi xuống, cầm vạt sau lên để người đi sau không dẫm vào áo mình.
- Trừ lúc tập thể dục, không vừa đi vừa chạy.

Việc đứng:

- Lúc lễ Thầy buộc phải đứng theo phẩm vị. Ngoài ra, không nên đứng đưa lưng trước mặt người lớn tuổi hơn mình.
- Không đứng dựa cột, dựa cửa.
- Không đứng nghiêng ngả.

- Không đứng giữa đường, giữa lối đi, gây cản trở người khác.
- Không đứng dạng chân, tay chống nạnh, trừ lúc tập thể dục.

Việc nằm:

- Khi nằm, hai bàn chân nên téo vào nhau, hoặc một chân co, một chân duỗi.

- Không gác chân chữ ngũ.
- Nên đắp chăn từ trên bụng xuống ít nhất là qua đùi.
- Nên tập nằm nghiêng về bên phải, cả khi ngủ.

Việc ngồi:

- “Ăn trông nòi, ngồi trông hướng”.
- Không gác chân chữ ngũ.
- Không rung đùi (kể cả nam giới).
- Không cong vẹo lưng, chồm người ra trước hoặc uốn ra sau.
- Không ngồi téo gối trước người cao tuổi hoặc người có chức vị cao hơn mình.

- Khi ngồi ghé hay ngồi sau xe gắn máy, lưu ý vật dài sau, sao cho vén khéo, kín đáo.

Các động tác khác:

- Khi nhảy mũi, ho, ngáp, ợ, phải che miệng, quay ra ngoài. Hiện nay, để tránh phát tán rộng vi khuẩn ra môi trường, người phương Tây đã thay việc che miệng bằng việc quay ra ngoài, ho vào bên trong khuỷu tay.

- Không ngoáy tai, mũi trước mặt mọi người.
- Khi tiếp khách, nếu đang mặc áo sát nách hoặc đồ lửng, thì xin phép vào trong rồi trở ra với trang phục lịch sự hơn.

Trang phục:

- Cần tươm tất, gọn gàng, sạch sẽ, không nhăn nhúm và phù hợp với vóc người và nơi mình đến.
- Người ốm, cao: không mặc áo quần có hoa văn sọc dọc.

- Người mập, thấp: hoa văn to bản, sọc ngang, bông hoa lớn... đều không phù hợp.

- Nơi tiệc cưới: ăn mặc đẹp, lịch sự, ...

- Nơi tôn nghiêm: mặc kín đáo, nghiêm túc, lịch sự, sạch sẽ, gọn gàng; không mặc công sở đồ bộ/ đồ lửng, áo sát nách (dù đến cấp cơ sở như phường/ xã).

- Khi dâng lễ: không mặc đạo phục nhả nhúm; chân, vớ phải sạch sẽ.

- Nơi tang lễ: mặc kín đáo, lịch sự. Nếu không dùng đạo phục thì nên dùng màu đen hay màu tối. Có thể trang điểm nhẹ, mang nét buồn.

- Đi từ thiện: nên mặc giản dị, kín đáo, trang điểm nhẹ nếu cần; không nên mặc quần Jeans đóng thùng, chật bó, áo cổ.

...



LỄ ĐỘ

VÕ TIẾN TRIỀU

I. DẪN NHẬP

Lễ là giá trị đạo đức và nhân văn sâu sắc được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Lễ của con cái với cha mẹ, ông bà, giữa trò với thầy, giữa làng xóm với nhau, giữa mọi người với nhau và dù trong hoàn cảnh nào thì trọng lễ cũng luôn được ủng hộ và kính trọng.

Vì thế trong dân gian ta từ lâu đã được mọi người truyền miệng những câu châm ngôn ngắn gọn nhưng lại giàu ý nghĩa như “*Lời chào cao hơn mâm cỗ*” hay “*Đi thưa về trình*”. Trong mối tương quan Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín thì Lễ được hiểu theo nghĩa hẹp - giúp người nắm được quy tắc cư xử, ngày nay được hiểu rộng không những quy tắc ứng xử mà còn là quy tắc làm người. Nói cách khác Lễ và Văn giống như Đức và Tài. Trong thực tế nhiều người chỉ lo luyện Tài mà xem nhẹ Đức cũng như chỉ lo học Văn mà thiếu thực hành Lễ. Trong Luận Ngữ có câu “*bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ*” - dùng văn chương mở rộng kiến thức của ta, dùng lễ để ước thúc hành vi bản thân ta.

Khi bàn về “Lễ” chúng ta thường nghe những từ liên quan như Lễ phép, Lễ độ, Lễ nghi, Lễ bái, Lễ lộc, nhạc Lễ ... Trong bài này chúng ta sẽ tập trung ở cụm từ “LỄ ĐỘ”.

Vậy lễ độ là gì? Cách ứng xử như thế nào trong các tương quan? Thánh giáo dạy về lễ độ ra sao?

II. ĐỊNH NGHĨA

Lễ (禮) là từ cổ Trung Quốc, được sử dụng nhiều trong đạo Nho.

Theo từ điển Trần Văn Chánh:

Lễ: Lễ phép; lịch sự; kính chào.

Từ điển Thiều Chửu.

Lễ, theo cái khuôn mẫu của người đã quy định ra các phép tắc, từ quan, hôn, tang, tế cho đến đi đứng nói năng đều có cái phép nhất định.

Độ: dáng dấp, thái độ bên ngoài.

Vậy: Lễ độ là cách ứng xử đúng mực của mỗi người, sự hợp nhất biểu hiện ra bên ngoài cũng như thái độ bên trong, đúng lễ - nhằm thể hiện sự tôn trọng, quý mến trong các mối tương quan.

III. NỘI DUNG.

Trong Kinh Nam Phái Giáo Qui có đoạn:

*“Còn ăn ngồi nhường kẻ tuổi cao,
Câu thưa, lời hỏi, tiếng chào,
Cấm điều vô lễ ra màu lá loi”.*

Mỗi khi về Thánh Thất, người trẻ chào quý huynh tỷ, vui vẻ với người nhỏ và kính lễ với Thiêng Liêng. Khi vào sinh hoạt trong GDHD hay TTS mọi người cũng phải vui vẻ chào nhau, hay khi ngoài đường gặp người lớn tuổi cũng phải lễ phép.

Văn hóa phương Đông có truyền thống trọng Lễ, học Lễ, hiếu Lễ, tuân thủ Lễ. Trong xã hội cổ đại, lễ nghi quy phạm đạo đức và hành vi của con người, đồng thời cũng là biểu tượng của văn minh, thể hiện sự ưu tú trong văn hóa.

Tả Truyện Chiêu Công nhị thập ngũ niên viết: *“Lễ, thượng hạ chi kỉ, thiên địa chi kinh vĩ dã, dân chi sở dĩ sinh dã, thị dĩ sinh vương thượng chi”* nghĩa là: Lễ chế là chuẩn tắc mà từ vua cho đến thứ dân đều phải tuân theo, là đạo lý không cần phải luận bàn giữa trời đất. Chúng sinh phải dựa vào nó mà sinh tồn, không có Lễ chế thì thiên hạ sẽ đại loạn. Do đó, tiên vương đặc biệt tôn sùng Lễ”.

Tô Thức hay còn gọi là Tô Đông Pha, là đại thần nhà Bắc Tống. Từ trẻ, ông đã tài hoa hơn người, ông hầu như tinh thông tất cả thể loại thơ ca, thư sách. Cũng vì thế, thời trẻ ông có ngạo khí rất lớn.

Mẹ của Tô Đông Pha - Trình Thị là một người phụ nữ có tri thức và hiểu lễ nghĩa. Bà giáo dục Tô Đông Pha rất nghiêm khắc, dạy ông phải noi theo gương của các bậc tiên hiền, quyết chí lập công báo quốc.

Ngay từ khi còn nhỏ, Tô Đông Pha đã đọc qua rất nhiều sách vở của hàng trăm nhà tư tưởng về văn chương, lý luận, chính trị... Bởi thế, ông cứ ngỡ rằng mình đã đọc hết sách của thế gian, thường lấy làm tự phụ.

Có một ngày nọ, ông tự tay viết một câu đối dán lên cửa nhà mình. Câu đối có hai vế:

“*Thức biến thiên hạ tự. Độc tận nhân gian thư*”.

Nghĩa là: Biết hết chữ trong thiên hạ. Đọc hết sách của nhân gian.

Tô Đông Pha nhìn những câu đối dán trên cửa cảm thấy rất đặc ý. Vài ngày sau, có một ông lão đầu tóc bạc trắng đến thăm hỏi. Tô Đông Pha nhìn cách ăn mặc của ông liền cảm thấy đó không phải là người đọc sách, vì thế thái độ có chút cao ngạo, cũng không mời vào nhà ngồi, chỉ để cho ông đứng ở cửa nhà.

Ông lão chỉ vào câu đối trên cửa và nói: “Tướng công, câu đối này là do cậu viết phải không? Nếu phải, chắc hẳn cậu là người có học thức sâu rộng. Nhà tôi vừa hay có một quyển sách, muốn xin thỉnh giáo cậu một chút”.

Nói rồi, ông lão lấy ra một quyển sách đưa cho Tô Đông Pha. Cậu thanh niên lật từng trang sách, cảm thấy rất kinh ngạc. Cuốn sách đó là cổ văn thời nhà Tần, 10 chữ thì có đến 8, 9 chữ cậu không nhận ra. Tô Đông Pha cảm thấy vô cùng hổ thẹn, cúi đầu ngại ngùng, thỉnh mời ông lão vào nhà muốn nhận làm thầy. Nhưng ông lão nhất định không chịu, chỉ cười lớn rồi rời đi.

Tô Đông Pha liền sửa câu đối ban đầu của mình trở thành:

“*Phát phần tri biến thiên hạ tự. Lập chí độc tận nhân gian thư*”.

Nghĩa là: nỗ lực biết khắp các chữ trong thiên hạ, lập chí đọc cạn các sách của nhân gian. Vài năm sau, học thức của ông đã tiến bộ lên rất nhiều. Sau đó ông đỗ Tiến sỹ, tài danh nức tiếng, vang xa khắp nơi”.

Qua câu chuyện trên ta thấy, Lễ độ không phải là cách ta nhìn về bên ngoài của người khác để đánh giá, mà nó là cái thái độ bên trong và cách hành xử bên ngoài. Cái thiếu ở đây là cách Tô Thức thấy người lớn tuổi không mời vào nhà, đánh giá về bề ngoài bằng thái độ, ngạo khí của mình. May nhờ có trí tuệ đã sớm nhận ra và chịu thay đổi để trở nên tốt hơn.

1. Lễ theo quan niệm Nho gia

Đức Khổng Tử dạy Nam giữ Tam Cang Ngũ Thường, trong đó Ngũ Thường có: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Đức Khổng Tử dùng Lễ để

trị nước. Đối với Ngài, một người thiếu Lễ thì không có tư cách con người; một nước thiếu Lễ thì nước loạn. Vậy mục đích sử dụng Lễ trong Nho giáo nhằm:

a. Dùng lễ để hàm dưỡng tánh tình

Dùng lễ để tạo một không khí trang nghiêm, dần biến thành một tập quán tốt, khiến người ta làm điều phải một cách tự nhiên mà không cần suy nghĩ. Vào nơi đền chùa, thánh thất thấy khung cảnh cúng bái trang nghiêm, tự nhiên sanh lòng tôn kính. Vào chỗ đám tang, thấy cái không khí ảm đạm thê lương, tự nhiên sanh lòng bi ai. Vậy nhờ Lễ mà con người được khơi dậy những tình cảm tốt đẹp cao thượng.

b. Dùng lễ để giữ tình cảm thích hợp đạo Trung dung

Lễ nhằm giữ tình cảm để không thái quá mà cũng không bất cập, theo đúng đạo Trung Dung. Nhờ vậy, thể xác và tinh thần của con người được quân bình, hành động lúc nào cũng chừng mực, sáng suốt.

Đức Khổng Tử bảo Nhan Hối hiểu rõ đạo Nhân hơn người là do: “Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”. Nghĩa là không phải lễ chớ nhìn, không phải lễ chớ nghe, không phải lễ chớ nói, không phải lễ chớ làm.

c. Dùng lễ định rõ lễ phải trái, tình thân sơ và trật tự trên dưới phân minh

Nhờ lễ mà ta phân biệt được kẻ thân người sơ, kẻ nhỏ người lớn, vì lễ qui định sự đối xử khác nhau rõ rệt. Do đó không còn chỗ hiềm nghi, định rõ lễ phải trái.

Nhờ lễ mà định được chính danh, có chính danh mới định phận cho thích hợp. Do đó có tôn ti trật tự, phép tắc luân lý từ gia đình đến xã hội, tạo nên một xã hội trật tự thái bình.

d. Dùng lễ để tiết chế lòng dục

Dục vọng của con người thì khôn cùng và lúc nào nó cũng đòi hỏi thỏa mãn. Nếu không dùng lễ để chế giảm, tất dục vọng sẽ làm con người hư hỏng. Nhờ lễ để chế giảm mà còn hướng dẫn dục vọng vào chỗ cao thượng nữa.

Lễ và luật đều có mục đích ngăn chặn sự hư hỏng và tội lỗi của con người.

Lễ dạy người ta nên làm điều gì, không nên làm điều gì và tại sao như thế. Còn Luật pháp thì cấm không cho làm việc này, việc nọ, hễ vi phạm thì bị trừng phạt.

Người làm trái lễ thì bị chê cười, có tính cách trừng phạt về mặt tinh thần, người làm trái luật thì bị phạt về thể xác.

Thánh giáo Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng 9-8-1927 (Đinh Mão):

*“Lễ là hạnh mền của Thần Tiên,
Phải giữ lễ nghi thật vững bền.
Trước mắt phàm tuy trông chẳng thấy,
Chín từng lòng lộng đáng bề trên”.*

2. Lễ độ trong các mối tương quan

Tu sĩ Công Giáo có ba lời khấn trong tu học: *Khiết tịnh, Vâng lời và Khó nghèo*. Ba lời khấn này đều thể hiện mối tương quan với Thiên Chúa, với vạn vật và với chính mình. Đó cũng là một phần của Lễ.

Vậy người Cao Đài cần làm gì để thực hành lễ với các mối tương quan: Với Thượng Đế Chí Tôn, với vạn vật và với chính mình.

a. Với Thượng Đế

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có giảng dạy: *“Thầy vui muốn cho các con thuận hòa cùng nhau hoàì, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh đạo Thầy”.*

Với Thượng Đế - Lễ độ - qua cách chúng ta cầu nguyện, cúng kiến, lễ bái, dâng lễ phẩm. Không những tươm tất, chín chu khi dâng lễ phẩm mà phải gọn gàng, sạch sẽ trong lúc dâng lễ, bên trong phải thành tâm, chánh tín và trọn vẹn từng khoảnh khắc. Không những trong Bửu Điện mà còn khi bên ngoài, trước khi bước vào Bửu điện phải kiệm lời, thanh tịnh. Luôn ý thức được sự hiện diện của Thượng Đế mọi lúc mọi nơi:

*“Ba cúng kính phải thời nghiêm chỉnh.
Chỉnh áo khăn tâm định trang hoàng.
Nữ nam phân biệt rõ ràng.
Nhỏ sau lớn trước trừ hàng Thiên Phong”.*

Kinh Nam Phái giáo qui

b. Với vạn vật

Trong các mối quan hệ huynh đệ tỷ muội kể cả trong gia đình, bạn bè, ông bà, con cháu mỗi lời nói, hành động chúng ta cần ý thức dụng lễ trong đó. Ngoài con người thì đối với tất cả các vạn vật khác cũng phải lưu tâm ví dụ: Trân trọng hạt gạo, cơm vì đã nuôi sống ta, cũng như là thành quả lao động của người nông dân và cũng phải thương yêu muôn loài như câu: *“Tôn trọng người như Trời với Phật. Thương yêu hết cả chúng sanh thành”*.

Ý thức tất cả vạn vật là Thượng Đế để trong đối nhân xử thế như ứng xử với Thượng Đế. Lễ Độ ở đây, còn thể hiện sự yêu thương vạn vật, nhìn mọi người, mọi vật đều có hiện diện của Thượng Đế trong đó.

c. Với bản thân

*“Nguyện lời nói biến hình bác ái
Nguyện chí thành sửa máy tà gian
Nguyện cho khí tịnh thần an
Nguyện xin thánh giả hiểu dàng chơn tu”.*

Kinh Thuyết Pháp

Lễ độ thể hiện qua:

- Đi đứng chừng chạc, nghiêm túc, đi thưa về trình.
- Ăn nói khiêm nhường, ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ.
- Trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến hành động.
- Thân tâm luôn hướng về Thầy và nhơn sanh.

3. Thánh giáo dạy về lễ độ

*“MỘT khuyên con kính thờ Đạo cả,
HAI khuyên con xa bỏ trần tình;
BA khuyên sớm tối sửa mình,
BỐN khuyên qui giới vẹn gìn mà tu.
NĂM khuyên phải công phu công quả,
SÁU khuyên thân hỷ xả độ mình;
BẢY khuyên chí kính chí thành,
TÁM khuyên lễ độ nên hình trò Tiên.*

*CHÍNH khuyên giữ vẹn Pháp Quyền,
MUỖI khuyên đừng để ME phiền không nên”.*

*Điều Tri Kim Mẫu, Thánh Thất Tịnh Quang,
ngày 07-12-ĐĐ.33 (Mậu Tuất) (15-01-1959)*

4. Thực hành trong đời sống hằng ngày

- Lễ độ luôn là cầu nối giữa các mối tương quan, Lễ với Thượng Đế, lễ với huynh đệ tỷ muội và lễ với chính mình. Để làm được điều đó mỗi cá nhân cần:

- Luôn ý thức có sự hiện diện của Thượng Đế ở bất cứ hoàn cảnh nào để bản thân luôn giữ thái độ bên trong cũng như hành động bên ngoài hợp nhất.

- Luôn nhìn nhận lại bản thân mỗi ngày, những sự việc đã qua, những lời nói, hành động, suy nghĩ để điều chỉnh và tiến tu.

- Minh Lý Thánh Hội có từ: Phản Tỉnh Nội Cầu để tự mỗi bản thân phải xem xét, phản tỉnh, sửa mình.

*“Rèn cho tinh thần mình lẫm.
Vun trồng cho nhân bản vững sâu.
Tinh chuyên phản tỉnh nội cầu.
Lo gì không có phép mẫu nơi tay”.*

Thái Thượng Đạo Tổ

- Tích cực học tập, rèn luyện, đọc Thánh Ngôn, Thánh Giáo để luôn nhắc nhở bản thân trong mỗi hành động, lời nói, suy nghĩ.

Ví dụ Thường xuyên đọc Sống Đạo, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thánh Truyền Trung Hưng... để làm chất liệu cho hành trình tu dưỡng - sống đạo.

- Làm tấm gương cho thế hệ sau, luôn tâm niệm hình ảnh cuộc sống bên ngoài của mình là gương chiếu cho những người xung quanh - đặc biệt cho lớp trẻ.

- Cùng một vấn đề, cùng một sự kiện mỗi người sẽ có cách diễn giải khác nhau, chúng ta hãy dùng cách diễn giải tích cực để hiểu người thay vì tiêu cực để chỉ trích. Người tu chân chính không nhìn ra cái xấu của người khác mà luôn nhìn người khác bằng ánh mắt của sự bao dung và tình thương.

- Các huynh tỷ nên thường xuyên dìu dắt con cháu về Thánh Thất để học hỏi, tu dưỡng và sống đạo. Cách mà chúng ta đọc Thánh Ngôn Thánh Giáo không những để nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta, giúp chúng ta gần hơn với Thầy mà quan trọng hơn là để con cháu nhìn thấy mình học lấy đó làm gương, một là học theo, hai là mong muốn tham gia sinh hoạt với GDHD hoặc TTS để tìm hiểu, học hỏi và gần gũi nơi Nhà thánh.

- Luôn vui tươi, thân thiện, với cá nhân dùng “TỊNH” để giữ mình, với tập thể, trong các mối tương quan dùng “HÒA” để hóa giải mỗi vấn đề gặp phải.

- Luôn cầu nguyện, thanh tịnh, nhất tâm một lòng thờ Thầy phụng Đạo. Lấy lễ làm nền tảng cho tu thân lập đức. Dụng văn làm cầu nối cho trí huệ viên thông.

IV. KẾT LUẬN

Cách thức ứng xử lịch sự không chỉ làm chúng ta dễ chịu trong từng khoảnh khắc, mà thậm chí, nếu thiếu nó khó có thể xây dựng được một xã hội văn minh và phát triển. Trong tôn giáo hay ngoài xã hội, trong gia đình hay giữa bạn bè với nhau, dụng lễ để tôn trọng người khác, để bản thân triển nở cái lễ từ trong ra ngoài, để văn minh được phát triển và để “Hòa” trong tình thương của vạn vật.

Đàn cơ tại Trung Hưng Bửu Tòa ngày 13-7-Mậu Tuất, ngài Lê Văn Trung giảng dạy: *“Mấy em có sứ mạng, mấy em phải lo sợ dè dặt, lời nói ôn tồn, việc làm trung chính, cử chỉ khoan dung, đứng đi lễ độ, ý nghĩ thanh cao, lòng nuôi đạo nghĩa, thân phận coi nhẹ, trọng vọng muôn người, giữa nhau dưới biết kính, trên biết nhường, lấy thương yêu làm món sống nuôi thân, lấy hạnh đức làm phương tu học, lòng luôn luôn vì người, lấy đạo đức để xây dựng nên con người Bô Tát”*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. (2017). *Thánh Truyền Trung Hưng*. NXB Tôn Giáo.

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. (1995). *Kinh Tận Độ*.

Thiều Chửu. (2021). *Hán Việt Từ Điển*. NXB Dân Trí.

Huỳnh Văn Trọng Minh. (2011). Lễ Sanh. Website: nhipcaugiaoly.com.

ĐẠO HIẾU TRONG KINH TẬN ĐỘ

TÙNG NGUYỄN

Trong *Văn Kỳ Cơm*, con cúng cha mẹ có câu: *Cù lao cùc dục so tày núi sông*, hay như câu: *Ơn cùc dục cù lao mang nặng* - trong Văn tế cha mẹ qui liểu, đều nói đến việc cha mẹ sinh con và nuôi con vất vả. Nói tắt là *Cù lao cùc dục*, nói đầy đủ là *Cù lao chín chữ so tày núi sông*. Khi Thúy Kiều nhớ về cha mẹ, Nguyễn Du viết: *Nhớ ơn chín chữ cao sâu, Một ngày một ngả bóng dâu tà tà*.

Chín chữ là: *sinh, cùc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phục, phúc*. Trong đó:

*Sinh là sinh con,
Cùc là nâng giấc ngủ,
Phủ là vuốt ve, vỗ về,
Súc là cho bú mớm,
Trưởng là nuôi cho lớn,
Dục là dạy dỗ cho học hành,
Cố là trông nom săn sóc,
Phục là nâng đỡ, che chở,
Phúc là ấm lòng.*

Chính vì cha mẹ khó nhọc nuôi con khôn lớn nên bài kinh Sám hối dạy:

*Làm con phải trau dồi hiếu đạo,
Trước là lo trả thảo mẹ cha,
Lòng thành thương tưởng ông bà,
Nước nguồn cây cội mới là tu mi.*

Và hằng ngày trong các thời dâng lễ, lời ở bài Thánh giáo bữa cáo khuyến dạy: *Khai nhơn tâm tất bốn ư đốc thân chi hiếu* - nghĩa là: Việc giáo dục đạo đức cho con người đặt trên căn bản là hết lòng hiếu kính cha mẹ.

Trong nghĩa *tam tùng* có *tùng* phụ là nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Từ *Ba xuân* là chỉ cha mẹ, từ *tắc cỏ* chỉ người con gái. Lấy ý từ thực tế có khí tốt mùa xuân thì cỏ mới mọc được, cũng vậy có cha mẹ mới có con cái, Mạnh Giao đời Đường chuyển thành thơ *Dục trưng thôn thảo tâm, Báo đáp tam xuân huy* (Muốn đem *tắc lòng cỏ*, đền bồi khí sáng ba tháng xuân). Từ ý này và lời ca dao *Thân em như hạt mưa sa, Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cấy*, Nguyễn Du để cho Kiều thốt lên lúc bán mình chuộc cha:

*Hạt mưa sa nghĩ phận hèn,
Liều đem *tắc cỏ* quyết đền ba xuân.*

Để dạy người con gái phải vâng lời và thường xuyên săn sóc cha mẹ lời kinh *Nữ tử thành nhân* dạy:

*Lễ nghi rõ nghĩa tam tùng,
Ba xuân, *tắc cỏ* quạt nồng ẩm chăn.*

Kinh Nam phái giáo quy dạy: *Phận con mộ tỉnh thần khang*. Câu này là viết hoán vị của câu *Thần tỉnh mộ khang* nghĩa là sớm tối thăm hỏi sức khỏe cha mẹ. Như Đức Ngô, hằng ngày khi đi làm về Ngài thường hỏi thăm mẹ, xem mẹ có khỏe không, ăn có ngon miệng không.

Thần tỉnh mộ khang thường viết tắt là *thần hôn, thần mộ, thần tỉnh, định tỉnh, tỉnh khang, mộ khang*. Trong văn học Việt Nam ca dao đã chuyển thành thuần Việt:

*Mẹ già ở túp lều tranh,
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.*

Trong truyện Quan Âm Thị Kính, câu thơ nói về việc bà Thị Kính hằng ngày thường xuyên thăm hỏi ba mẹ:

*Có ta một chút má đào,
Thần hôn cũng đã ra vào làm khuấy.*

Trên bước đường lưu lạc, Thúy Kiều khi nhớ về những ngày còn ở với cha mẹ, sớm hôm thăm hỏi song thân:

*Rừng thu từng biếc xen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.*

Khi người con không may mất trước cha mẹ thì cảm tình chưa nguôi nên linh hồn thường xuyên về nhà thăm cha mẹ.

*Viếng thăm hôm sớm gia đình,
Trọn câu thần tình ân cần cung Tiên.⁽¹⁾*

Đối với người Cao Đài thì việc hiếu kính với cha mẹ là con cái phải sống tốt, có đạo đức, siêng tạo phước lành để vui lòng cha mẹ, giúp cha mẹ siêu thăng:

*Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp huân ngôi xưa.⁽²⁾*

Con người ngoài cha mẹ ở thế gian tạo ra vóc hình còn có Cha Mẹ ở cõi thiêng liêng ban cho linh hồn miễn tuệ, nên con người không thể không nhớ ơn Cha Mẹ thiêng liêng. Để linh hồn ngày một sáng láng đáng gần với Cha Mẹ thiêng liêng, Ôn trên dạy phải tinh tấn tu hành, thường xuyên dâng lễ để cảm ứng với các Đấng thiêng liêng. Bài Phật Mẫu chơn kinh:

*Linh Mẫu Hậu khai Tông định Đạo,
Ân dưỡng sinh đảm bảo hồn hài;
Càn Khôn tạo hóa sinh tài,
Nhứt triêu, nhứt tịch kính bài mộ khang.*

Triêu là sáng sớm, *tịch* là chiều tối, *mộ khang* đã nói ở trên là sớm thăm tôi viếng.

Sớm tối thường xuyên dâng lễ Thầy Mẹ giống như thường xuyên thăm viếng cha mẹ ở thế gian vậy.

Từ những lời kinh được thi hóa để dễ đi vào lòng người, nhiều bài kinh trong Kinh Tận độ đã cho con người nhớ lại những việc khó nhọc khi cha mẹ sinh con và nuôi con lớn. Từ đó dạy con người phải hiếu kính cha mẹ, đồng thời lo tu hành tinh tấn để giúp ông bà cha mẹ siêu thăng.

⁽¹⁾ Văn tế huynh đệ mãn phần.

⁽²⁾ Văn tế cha mẹ qui liểu.

Tìm hiểu

BỒN KHỐI TU Ở BÁC NHÃ TỊNH ĐƯỜNG

ĐẠI CƠ HÒA

I. TỪ NGÔI BÁC NHÃ TỊNH ĐƯỜNG

Bác Nhã Tịnh Đường, một cơ sở tinh chuyên về tịnh luyện giải thoát là hoài bảo mà Ngài Định Pháp Tổng Lý Minh Thiện đã ôm ấp từ lâu.

Ngay từ buổi An vị năm 1967, Ngôi Bác Nhã Tịnh Đường đã được Ổn trên định vị cho một sứ mạng không chỉ cho Minh Lý mà còn chuẩn bị đón các nguyên nhân sứ mạng từ khắp nơi qui tụ về tìm lại Bồn tánh Chơn như.

Nhân ngày này, Đức Đông Phương Chưởng Quản đã giảng bút và dạy như sau:

“... Bần Đạo khá khen chư chức sắc Tiên Thiên Đại Đạo Minh Lý Thánh Hội đã có sáng kiến tạo lập Bác Nhã Thiền Đường để tìm lối vô sanh giải thoát chẳng những cho riêng mình mà cho luôn thế hệ sau này kế tiếp.

Chư chức sắc và thiện nam tín nữ đã hữu công, hữu sản, hữu tâm, hữu lực, thể hiện được một trụ tướng. Một điều đáng lưu ý là chư đệ tử cần nên tiếp nối chí hướng và chương trình đã hoạch định, để có đầy đủ phương tiện khai triển cơ sở này trở thành một Đại Chung Viện trong tương lai, một chỗ để đào tạo lớp người mới, có căn bản, có nề nếp duy nhất cho việc truyền đạo sau này hầu giúp dân độ thế”.

Ngày lễ Lạc thành, Đức Đông Phương Lão Tổ đã hỏi Ngài Minh Thiện:

“- Bác Nhã Tịnh Đường lập nên là vì thiên hạ hay là vì riêng cho bồn đạo Minh Lý?

- Minh Thiện bạch: việc đạo xưa nay là việc chung, không có chia phe phái nhưng phải có điều kiện...”

Rõ được tâm ý của Ngài Minh Thiện nên Đức Long Hoa Giáo Chủ Di Lặc Thiên Tôn đã dạy như sau: “Về **“Bác Nhã Pháp Môn”**, Minh Thiện là một người công phu nghiêm cứu, tập thành các pháp môn liễu thủ, công phu dày năm khó nhọc, đã có một đường lối dung hòa Tam Giáo pháp môn, kể cũng khéo cơ hợp đạo. Hiền nên cộng tác tham học để thấu triệt môn tu làm Thánh.

Ở đây có 3 cơ quan liên hệ nhứt và gần nhau nhứt là Truyền Giáo và Phổ Thông, đã xấp lại gần để cùng tương cộng đồng sinh hoạt với Minh - Lý. Đây Bản Đạo Thánh ý cho thấy Phổ Thông thiện căn của Chơn Tâm và Chí Tín, cũng nên điều độ nghe...” (TN:25/01/1972).

II. ĐẾN CÁC KHÓA ĐỒNG TU

Tuân lệnh Ôn Trên, Minh Lý Thánh Hội tổ chức các khóa tu có đại diện của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý hợp với Thiên Ân chức sắc của Minh Lý Thánh Hội cùng nhau tu học.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975 là giai đoạn đất nước trong cơn ly loạn, dân chúng sống trong hoàn cảnh tang thương, khổ đau chồng chất. Để cứu đời, cứu người bớt cơn thống khổ, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã cho biết tầm quan trọng của sự liên kết tổ chức tu chung giữa Cao Đài và Minh Lý:

“Hôm nay Thầy đến Bác Nhã Tịnh Đường nhơn các con đông đủ, Thầy dặn dò mỗi con, từ nay trở đi gắng công tu luyện hầu tiếp ơn sứ mạng mà Thầy đã định ngày giờ sẽ phó giao công vụ cho mỗi đứa”.

Sở dĩ có đợt tu hôm nay gồm hai nguyên nhân:

- Một, là để các con giữa nhau kết nối thông hòa, cùng lo sứ mạng trọng đại trong những ngày sắp đến đây.

- Hai, vì tình thế sẽ có một cuộc xáo trộn gây nên đau khổ cho nhơn sanh mà đợt tu tịnh này để các con cộng mỗi tinh thần kết nên một luồng chơn khí, hầu để tiếp lấy hạo nhiên mà ban rải cho đời, họa may vượt khỏi đau thương tang tóc thì khóa tịnh này rất nên quan trọng.

Nay khóa này tuy các con có mấy người nhưng cũng đại diện cho số đông đã nhận chân lẽ Đạo, biết Đạo ở nơi tâm mà đây cũng là một cơ

duyên hình hiện giữa Âm Dương hòa hiệp. Các con Minh Lý và Cao Đài (đen - trắng) bên sâu, bên rộng, sâu rộng tâm tương hòa đồng, đó là Đạo....

... Từ đây Thầy khuyên các con nên gắng bó thân mật nhau hơn, công truyền, tâm truyền là một...” (TN: 02-07-1974)

Chính vì vậy đến ngày 09-12-1974 Đức Đông Phương Lão Tổ lâm đàn dạy về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc liên giao hành đạo và chỉ định nhân sự các khối được tham dự khóa tu đầu tiên ở Bắc Nhã Tịnh Đường.

“... Bần Đạo chào chư hiền đồ nam nữ thiên ân. Bần đạo được lệnh Chí Tôn đến sắp đặt cho chư thiên ân khóa tịnh tu trong đợt Đông Chí sắp đến. Đợt tu năm nay phối đồng trong tinh thần giao hữu của 4 khối đã liên hệ giữa nhau,

- Trước là cho thiên ân nhập tịnh để tắm gội hồng ân, hâm thêm sức để lo tròn quyền pháp sứ mạng và cũng thêm một vài phương tiện tiến tu huyền đồng cùng pháp giới chơn như - Thiên Nhơn hiệp nhưt,

- Thứ nữa để cho chư thiên ân có dịp lập công cùng đồng bào đất nước, tự lấy lòng thanh tịnh và quyền pháp của mình mà hòa một với cơ Tạo, nhưt đương Đông Chí khai sanh hầu chế ngự họa đời, giải tiêu ác nghiệp cho nhơn sanh.

Đợt tu giữa 4 khối công đồng tại Bắc Nhã Tịnh Đường để hết lòng thành mà cầu nguyện cho Đại Đạo xuong minh, đồng bào thoát khổ, đất nước hanh lợi, chắc điều kiện quan trọng này chư thiên ân sẵn sàng đặt mình trong ơn điển, hóa giải mọi khó khăn, nên Bần đạo ra lệnh cho chư thiên ân sứ mạng danh sách nam nữ mỗi Hội Thánh và Cơ Quan được đặt ân trong khóa 1.

- **Tiên Thiên:** Đầu sư Ngọc Huỳnh Tinh, Bảo Thế Huệ Linh.

- **Cơ Quan Phổ Thông:** Thiện Bảo, Chí Tín, Chơn Tâm, Kiến Minh, Chí Mỹ, Ngọc Huệ Chơn, Bạch Lương Ngọc.

- **Truyền Giáo :** Huệ Lương, Liên Hoa.

Còn nam nữ thiên ân **Minh Lý Thánh Hội** tùy các hiền đồ sắp xếp chia đủ người dự đủ thời gian từ Tí thời mừng 2 đến Tí thời 14...”

(TN: 09-12-1974)

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt còn cho biết thêm:

“...Vì nhơn loại cũng như đồng bào Việt Nam đã loạn do TÂM mất Đạo Đức tức mất Chơn Thần của đức Thượng Đế. Trong Tâm của những kẻ làm loạn không còn sáng tỏ bởi lòng tham dục dấy lên nên che mờ Bản Thể Thiên Tánh, ích kỷ hiện ra, chỉ làm những điều tổn nhơn lợi kỷ.

Bởi thế, On Trên dạy kỳ này BỐN KHỐI TIẾP ĐIỂN HIỆP TỊNH chẳng khác nào những hạt Định Phong Châu: khi biển nổi giông gió bão bùng, đem hạt Định Phong Châu ra là biển yên lặng lại. Thế thì, mỗi tịnh viên sẽ là một hạt Định Phong Châu để tiếp nhận Thiên điển hầu giảm bớt ách tai nạn khổ của đồng bào hiện tại, bởi lần hắc khí tư tưởng chẳng lành của những kẻ loạn ấy xung đến Ngọc Hư cung. Vì vậy, mới xảy ra nhiều thiên tai nạn ách, đó là do luật phản ứng...”

Vậy khóa tịnh này còn tam nhật tam dạ nữa, chư thiên ân nam nữ ráng tập trung tinh thần hiệp một với chơn thần Thượng Đế, bởi xác thân của mỗi thiên ân là đền thờ của tinh thần, mà tinh thần là nơi của Thầy ngự. Vậy, phải luôn luôn giữ gìn trong sạch và thanh tịnh thì Chơn thần Thượng Đế thường ngự, tức nhiên mỗi thiên ân có đủ hiệu năng cứu thế vậy...” (TN: 17-12-1974)

Cũng trong khóa tu đợt 1 này, ngày 20-12-1974 Đức VẠN HẠNH THIÊN SƯ dạy đại diện mỗi khối như sau:

(Minh Lý - Dạy Khai Minh):

THI

*Đạo có hoàng khai, đức mới cao,
Đờ nưng dầu dất kẻ đi sau.
Chung tâm hòa trí ba thành một,
Mở cửa Tam Tông rước khách vào.
Kính thành nguyện có Thiên cao,
Tịnh đường Bác Nhã khai mào hào quang.
Giúp đời trong lúc ly loạn,
Người còn đau khổ ta an sao đành.*

(Dạy Cơ Quan PTGL):

*Tuân Thánh ý tịnh đường Bác Nhã,
Hợp tâm linh phổ hóa điển linh.
Cùng nhau xây đắp tiền trình,
CƠ QUAN, Hội Thánh chung tình hòa uy.
Cùng MINH LÝ, TIÊN THIÊN kết hợp
Với TRUNG HUNG mở lớp tịnh đường.
Điển lành mở khắp muôn phương,
Huyền đồng thiên địa kiết tường hòa quang.*

(Tiên Thiên Minh Đức - Dạy Duy Linh):

*Sứ mạng Thiên liêng trọn chí thành,
Hòa đồng tâm pháp độ nhơn sanh.
Một rồi bốn, bốn ra muôn vạn,
Cho trọn thiên ân bủa đức lành.*

Sau khi kết thúc khóa tu đợt 1, Đức Bác Nhã Thiên Sư giảng đàn vui mừng khen ngợi và nhắc nhở cả bốn khối như sau:

“... Bản Đạo vui mừng trong tình huynh đệ giao hảo mỗi ngày được thêm thân thiện, chung hành một pháp môn, để hoàn thành một sứ mạng cho Thầy, cho Đạo.

Từ đây MINH LÝ THÁNH HỘI cũng như CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, đôi bên xiết chặt tình huynh đệ giữa nhau, tiến đến chỗ tu học hành đạo, coi như một nhà, rồi sẽ cùng TRUYỀN GIÁO, TIÊN THIÊN thành hình một khối nghiên cứu, phát minh và tu chứng môn tâm truyền đạo pháp, hầu mới xứng đáng một thiên ân nói lên sứ mạng của mình tái tạo nhơn hoàn, năm châu chung một.

Về chư môn sanh MINH LÝ, các hiền đồ đã tỏ ra xứng đáng trong sự hòa mình trong các khối, biết thương yêu nhường nhịn, mến bạn quý khách. Điều đó làm cho Bản Đạo rất đẹp lòng. Các hiền đồ cố gắng thêm, thêm nữa cho xứng đáng một thiên ân của MINH LÝ.

(TN: 26-12-1974)

Trong nửa sau thập niên bảy mươi và cả thập niên tám mươi, đất nước còn trong giai đoạn khó khăn về kinh tế nên tất cả mọi sinh hoạt

ngoài xã hội hay trong tôn giáo đều bị ảnh hưởng. Thế nên việc tu tập chung 4 khối phải tạm dừng.

Mãi đến năm 1998 Minh Lý đã tiếp nhận được lệnh tổ chức lại khóa tu chung 4 khối. Trong đợt tu này, Thánh tịnh Tân Minh Quang cũng được ân ban mời tham dự.

Đức Phổ Hiền Bồ Tát đã dạy:

*Đạo thành nhờ ở Đại Thừa môn,
Bốn khối chung lo luyện phách hồn.
Xuân đến gặp nhau lo sứ mạng,
Hình thành Tu Viện định Càn Khôn.
Truyền Giáo, Tân Minh Quang,
Phổ Thông, Minh Lý Đạo.
Khôi phục Đại Thừa tâm,
Đơn thiên, Châu, Chỉ Quán.*

Ra xuân bốn khối này dự thảo một chương trình, bắt đầu khóa tu Hạ chí tại Tịnh Đường hoặc tại Thánh Sở.

Đứng ra thủ xưởng chung phận sự, khai mạch phải Khai Tịch, Khai Ngộ, Huệ Chơn, họp bàn trước. (TN: 13-01-1998)

Trước khi tổ chức khóa tu, ngày 28-01-1998, Đức Thái Thượng Lão Quân đã nhắc nhở các khối sẽ được tham dự khóa tu Hạ chí như sau:

*“Năm Mậu Dần canh tân đổi mới,
Cộng tác nhau tiến tới đại đồng.
Cao Đài **Truyền Giáo, Phổ Thông,**
Tiên Thiên, Minh Lý Tam Tông cộng hòa.*

.....
*Mậu Dần đến, dương Xuân cũng đến,
Xuân đến thì sứ mạng trao ban.
Tinh Xuân nhứt trí hoàn toàn,
Phổ Thông, Minh Lý, Minh Quang nhứt tề.
Trong thành phố tiện bề liên kết,
Thật tâm chung, giáo pháp mới thành.
Không ta, không lợi, không danh,
Bình đẳng phụng sự, tài thành hóa công.*

Tân Minh Quang, Phổ Thông, Minh Lý,
Truyền Giáo cùng đơn vị nội thành.
Hễ là đồng khí, đồng thanh,
Liên cư, liên địa thực hành nội công...”

Vì đức háo sanh, Thượng Đế hạ mạng linh Lão chuyển khai đường hướng qui về nhứt bản. Tam Giáo Tổ Sư từ bi ban hồng ân độ rồi chúng sanh đồng nhịp tiến phục hồi cựu vị. Khâm tuân.

Minh Lý chuyển Thánh lệnh tiếp trao các phái Đạo”.

Tuân theo Thánh lệnh, Hội Thánh Minh Lý đã tổ chức lại khóa tu Hạ chí 1998 và mời các khối mà Ông Trên đã truyền dạy để cùng tu, để tự độ và độ tha. Dịp này Đức Bác Nhã Thiên Sư lâm đàn dạy rằng:

“... Khóa Hạ chí đề huề **bốn khối**,
Vạch con đường siêu rồi vạn linh.
Tam kỳ tận độ chúng sinh,
Song tu phước huệ, viên thành Tiên thiên.
Hoán chuyển được tâm viên ý mã,
Không còn lo hiểm họa khiên triền.
Ý thuần vạn mã qui nguyên,
Thiên viên triều động, não phiền sạch không.
Minh Lý Đạo, Phổ Thông, Truyền Giáo,
Tân Minh Quang, hoài bảo Đại thừa.
Ngàn năm một hội móc mưa,
Chung tâm hiệp lực, rước đưa người lành.
Nhơn sanh chờ đàn anh hướng đạo,
Mở con đường nội giáo tâm linh.
Tự do giải thoát tánh tình,
Đổi thay một niệm vô minh là rồi.
Vô minh khiến con người bất giác,
Linh căn sớm được trở về,
Nương theo chánh pháp, đề huề biết bao.

Bản Tạng có lời cùng chư hiền. Từ khi khai cơ giáo pháp đến nay, hội **bốn khối** cho thấy cơ Đạo rất gần, phải có lúc bế cơ. Đạo khai tịch chiếu, đó là lý bất di, bất biến, bất dịch. Nay quyền pháp giao cho chư

thiên mạng bốn khối, ví như đứa con khôn lớn phải tự lực và gánh phụ cho gia đình. Vậy chớ hiền rõ.

Từ nay việc đạo trọng yếu có Bản Tăng hộ phò, còn phần hậu thiên chung nhau gánh vác”.

Tuân theo lời dạy của Thiêng Liêng, từ 1998 đến 2018, mỗi năm Minh Lý Thánh Hội tổ chức hai mùa tu Hạ chí và Đông chí ở Bắc Nhã Tịnh Đường để cùng tu học với các giáo phái bạn trong tinh thần “Bình đẳng, Cộng tác, Hòa ái”.

Nhưng khi kết thúc mùa tu Đông Chí 2018, Đức Bắc Nhã Thiêng Sư lâm đàn trao ban sắc lệnh:

“..... Hôm nay thừa lệnh TAM GIÁO TÒA sắc lệnh trao ban.

Những năm các khối cùng nhau hợp tác tu học, cũng thừa lệnh Thiêng Liêng, một cuộc đạo pháp có tầm cỡ mang ý nghĩa giải thoát những bế tắc cho nhân loại nói chung, cho các Hội Thánh nói riêng. Thế mà chư tịnh viên không hiểu được tầm quan trọng này.

*Hôm nay Bản Tăng thừa lệnh Tam Giáo Tòa truyền lệnh **tạm ngưng các khối trong vòng ba năm...**” (TN: 27-12-2018)*

Vì vậy các khóa tu chung đã tạm dừng từ năm 2019 ~ 2021.

Cho đến ngày 17 tháng 4 năm 2022 (17/3 Nhâm Dần) lúc 12 giờ 25 phút, Đức Hưng Đạo Đại Vương lâm đàn ban truyền sắc lệnh của TAM GIÁO TÒA:

“... Bản Thánh chào chư đệ muội. Chư hiền đệ muội tịnh tọa nghe huấn từ TÒA TAM GIÁO Sắc lệnh :

*“... **Sắp xếp hội học 4 khối trở lại, tuyển chọn người hiền lương, đức lớn, không được hình thức nể vì, dĩ cho có...**”*

Đây là một tin vui cho tất cả môn sanh Minh Lý nói riêng và của tất cả tịnh viên các khối đã từng cùng nhau tu học nói chung. Nên Minh Lý Thánh Hội đã thi hành lệnh truyền của Tam Giáo. Khóa tu Hạ chí năm 2022 được tổ chức ở Bắc Nhã Tịnh Đường từ ngày 19 tháng 06 năm 2022 và kết thúc ngày 28 tháng 06 năm 2022, trong sự hoan hỉ của tất cả các tịnh viên tham dự.



15/07/2022

PHÁP MÔN LẠY TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

LÊ HOÀNG NGUYỄN

Lạy là hình thức tu tập khá phổ biến ở mọi tôn giáo. Lễ lạy được biết như là sự thể hiện sự tôn kính đối với Đấng bề trên. Sự phối hợp giữa lễ lạy với sự tập trung chú ý và hồi hướng trong từng nghi thức được sử dụng như một pháp môn làm chuyển hóa thân tâm người tu tập.

Trong nội dung đề tài này chúng ta cố gắng tìm trong “Pháp môn lạy” Cao Đài những giá trị vừa có tính đạo học vừa khoa học để gìn giữ và phát triển để mang lại những giá trị thực tế trong hành trình tu học.

1. Định nghĩa pháp môn lạy

- Lạy là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong lòng [3,tr.15].
- Pháp là phương pháp, ở đây có nghĩa là cách thức tu tập.
- Môn là cửa.

Như vậy pháp môn có nghĩa là cái cửa đưa người tu tập đi vào con đường giải thoát.

Pháp môn lạy là cách thức trì hành phương pháp lễ lạy trong tu tập hàng ngày. Đây là pháp môn mang lại những lợi ích nền tảng cho người tu hành vững bước trên tiến trình chuyển hóa thân tâm nhằm mục đích cuối cùng là giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Đây là pháp môn có thể được gọi là “vô phân biệt” vì giá trị thực tiễn của nó có thể áp dụng cho tất cả mọi người không phân biệt bởi tuổi tác, trình độ, giới tính...

Pháp môn này cũng được nhìn nhận như một phương pháp thực hành đem lại lợi ích cho thân và tâm một cách song hành.

Đối với người tín đồ Cao Đài thì nghi thức lạy đã trở thành qui thức thường hành trong mọi thời cúng. Nhưng để nhìn nhận như một pháp môn thì đó vẫn còn là điều xa lạ là vì chúng ta chưa nhận ra giá trị ẩn tàng nơi nghi thức đó.

2. Nghi thức lạy trong các tôn giáo

2.1 Công giáo

Hình như chúng ta ít thấy nghi thức lạy nơi người tín đồ Công giáo. Riêng với các vị giáo sĩ thì trong các lễ thọ phong chức Thánh, nghi thức này được thực hành rất trang trọng. Ở đây, chúng ta thấy chứa đựng sự tôn kính, vâng phục hơn là một pháp môn.

2.2 Hồi giáo

Với tín đồ Hồi giáo, nghi thức lễ lạy có tính cách bắt buộc quy định trong buổi cầu nguyện hằng ngày. Mỗi ngày họ cầu nguyện 5 lần: Bình minh, giữa trưa, buổi xế, lúc mặt trời lặn và tối.

Một buổi cầu nguyện được bắt đầu sau khi vệ sinh cá nhân, đứng hướng về Thánh địa Mecca: Đọc 1 câu kinh Quran trong lúc đứng (Qiyām) sau đó cúi mình về đằng trước (Ruku') và quỳ lạy mọp đầu xuống đất (Sujud) và kết thúc trong lúc trán đã chạm đất. Buổi cầu nguyện với thời gian không nhiều nhưng bắt buộc và đều đặn nhằm nhắc nhở và liên kết mối quan hệ của họ đối với Đấng tạo hóa Allah... [5, tr.4].

2.3 Phật giáo

Ở hầu hết các tông phái Phật giáo Thiên Thai, Tịnh Độ, Mật tông, Thiền... nghi thức lạy được thực hành như một pháp môn.

Riêng tại Tây Tạng, đất nước này nổi tiếng là vùng đất tâm linh được nhiều học giả phương Tây quan tâm. Người Phật tử ở đây giữ nguyện lực thực hiện 100.000 lạy trong đời. Họ chuẩn bị cho công việc này và lựa chọn thời điểm thích hợp nhất cho cuộc lễ lạy nhiều tháng liền như một cuộc hành hương. Trong khi lễ lạy họ hoàn toàn tập trung và buông bỏ tất cả những vấn đề khác. Phương thức lạy thường dùng là vừa đi vừa lạy ba bước một lạy hay một bước một lạy.

3. Ý nghĩa của pháp môn lay

3.1 Quy ngưỡng

Lạy là bày tỏ sự tôn kính tột độ đối với Đấng đáng được tôn kính (Thượng Đế, Đấng Allah, Phật... và các đấng thần linh). Nghi thức lạy chứng tỏ sự toàn tâm, toàn ý vâng phục những ý chỉ của Đấng được chúng ta tôn xưng.

3.2 Sám hối

Khi cá nhân biết rõ về những lỗi lầm của mình có thể tụng kinh và lễ lạy để bày tỏ sự sám hối và nguyện chừa bỏ lỗi lầm của mình. Sự thực hành thường xuyên có thể đem đến sự chuyển hóa thân tâm. Kết quả này có được nhờ sự giải nghiệp do cầu nguyện và thành tâm nơi người tu tập.

3.3 Cầu nguyện

Cầu nguyện là phương thức bày tỏ tâm tư ước nguyện của chúng ta cũng như hồi hướng năng lượng tinh thần đến cá nhân hoặc tập thể. Phương thức bày tỏ thường là quỳ trước linh bàn, ảnh tượng hoặc có thể hướng tâm đến Đấng mà chúng ta tôn kính để cầu xin sự trợ lực từ Đấng ấy giúp cho ước nguyện chính đáng của chúng ta được kết quả. Pháp môn lạy cũng thường được thực hiện trong nghi thức này thể hiện sự tâm thành.

3.4 Hành thiền

Áp dụng phương pháp lạy như một hình thức hành thiền kết hợp giữa thân, khẩu, ý. Lúc đó miệng tụng đọc, thân lễ lạy, ý tập trung vào câu niệm là sự kết hợp hài hòa mang lại nhiều lợi ích về thể chất cũng như tinh thần. Tập trung vào lễ lạy như một thực tại hiện tiền, hoàn toàn tỉnh giác, hành vi từ hòa sẽ có kết quả như thiền vipassana.⁽¹⁾

3.5 Buông bỏ ngã mạn

Ngã mạn là một trong những trói buộc đồng với tham, sân, si... là cản trở lớn cho con đường tu tập của hành giả. Chướng ngại lớn của tự cao ngã mạn do tự nhận mình là hay giỏi mà khó chấp nhận những

⁽¹⁾ Vipassana là thiền minh sát tuệ. Phương pháp thiền này chú trọng đến tương quan mật thiết giữa tâm và thân.

quan điểm khác nên khó nhận chân vấn đề một cách toàn diện. Lạy là một hình thức vâng phục bắt đầu cho sự buông bỏ ngã mạn. Hành vi cúi lạy như là sự bẻ gãy những cố chấp nơi người ấy. Tuy nhiên điều này sẽ được hành trì với sự thành tâm mới đem lại kết quả.

4. Diệu dụng của pháp môn lạy

4.1 Về phương diện tinh thần

Với những gì đã tìm hiểu chúng ta thấy hầu như mọi tôn giáo lớn đều có hình thức lễ lạy trong việc hành trì, tu học hàng ngày. Tuy nhiên cũng có những quan điểm phản đối về hình thức này. Vậy đâu là vấn đề? Khi cho lạy là một pháp môn liệu có sai lạc?

Chúng ta để ý rằng lạy là một pháp môn thực hành, hoàn toàn thực tế không dựa trên lý luận hay lý thuyết. Bởi vậy nếu không thực hành một cách thuần thành, không có sự trải nghiệm sẽ không có sự đánh giá đúng đắn về pháp môn này.

Ở đây chúng ta đã có những trải nghiệm rất đáng tin cậy là những nhà thực hành Tây Tạng, những nhà sư Hư Vân, sư Hằng Cự, Hằng Do...

Tại Việt Nam, ngày 27/1/2009 sư Thích Tâm Mẫn cũng đã hoàn thành nhất bộ nhất bái đi từ chùa Hoằng Pháp (TP Hồ Chí Minh) đến Trúc Lâm Yên Tử (Quảng Ninh) và kết thúc chuyến đi vào 24/11/2012 với hành trình khoảng 1800 km.

Bây giờ, chúng ta cùng lắng nghe những chia sẻ từ các vị để rõ hơn về pháp môn này.

Đức Pháp Vương Wang Tchuck Dorje viết về pháp môn này như sau:

Cúng dường lễ lạy Tam bảo sẽ giúp ta thanh lọc những mầm mống của đau khổ.... Cuối cùng phối hợp Bồ đề tâm với sự quỳ lạy, ta nguyện tiêu trừ tất cả nghiệp chướng, sớm thành Phật để có thể có thể thực sự làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. [11, tr.3]

Năm 1973, hai vị sư người Mỹ là Hằng Cự (Tim Testu) và Hằng Do (David Bernstein), đệ tử của hòa thượng Tuyên Hóa, đã thực hiện tam bộ nhất bái trong 1100 dặm (1200km) từ San Francisco đến Seattle trong 10 tháng liền.

Những trải nghiệm từ cuộc hành trình này được hai ông ghi lại trong cuốn “Tam Bộ Nhất Bái”, sau 5 dặm đầu tiên sư Hằng Cự đã viết như sau:

Vậy là tôi đã lạy được năm miles (khoảng 8 km).

*Cảm thấy mệt quá nên tôi tìm một gốc cây để dựa lưng, nhưng lại ngủ liền tức khắc. Được khoảng vài giờ, sau khi thức dậy, tôi cảm giác như không phải là mình trước đây nữa, vì toàn thân như đã kiệt quệ không còn sức lực. **Lúc này lòng tôi tràn đầy mối kinh hãi. Trước đây tôi cũng đã từng có những cảm giác lo sợ, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy quá căng thẳng như bây giờ. Thật không thể nào tiếp tục được như vậy nữa.** ... Ôi! đã ba mươi tuổi đầu mà tôi đã xa rời thực tại như thế này! Sao tôi lại có thể đi ngược lại với nếp sống bình thường? Quỳ lạy cho hòa bình thế giới! Một kẻ mất hồn như tôi làm sao có thể giúp cho thế giới hòa bình được chứ? [6, Tr. 20]*

Sự trải nghiệm của ông sau 1 tháng lễ lạy như sau:

Tôi tự hỏi không biết có bao nhiêu người ý thức rõ được về những cái hay, có thể biểu hiện trong việc lễ lạy như vậy... Tuy nhiên sự lễ lạy đối với chúng tôi lại là phương tiện của thiên định. Phương pháp này dẫn đến sự tập trung tư tưởng hơn hết, vì nó không đòi hỏi suy nghĩ hay nói năng gì. Những động tác chậm chậm nhẹ nhàng, lặp đi lặp lại mới chính là sự luyện tập trong hiểu biết, với chủ ý làm dừng lại những loạn tưởng trong tâm thức... *Cho nên thiền tập bằng cách lễ lạy là một trong những phương pháp đưa đến trạng thái đó. [6, tr. 45-46]*

“Sự quỳ lạy chỉ xem như là sự vận động của thân thể. Nhưng sau một thời gian, khi toàn thân đã thuần thục, thì thân và tâm có thể bắt đầu dung hòa hợp nhất. Thân quỳ lạy, tâm niệm danh hiệu Bồ Tát, những tác dụng này hỗ tương lẫn nhau như một bài chú, như một phương pháp làm dừng những dòng tư tưởng. Qua cách này sẽ giúp tôi tỉnh giác trước những diễn biến ở nội tâm, và ngoại cảnh chung quanh. Đồng thời nó không để tâm tôi xao lãng về những cảnh giới quá khứ hay vị lai.” [6, tr.64]

Hòa thượng Hư Vân (1840 - 1959) (120 tuổi) đã thực hành lễ lạy trong 3 năm liền (từ năm 1883 - 1886) trên chặng đường khoảng 4000 km

với tam bộ nhất bái từ núi Phở Đà, Nam Hải đến Ngũ Đài sơn. Sau này, ông đã trở thành thiền sư nổi tiếng nhất Trung Quốc giữa thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20. Ông viết trong tự truyện:

Trong ba năm, trừ những lúc bị bệnh hoạn, gió mưa sương tuyết cản trở, không thể lễ lạy bên ngoài, còn trong mọi thời, tôi luôn nhất tâm chánh niệm. Lễ lạy trên đường, gặp bao gian nan, nhưng tâm luôn vui vẻ. Mỗi lần xét lại tâm mình, hễ càng gặp khổ bao nhiêu thì tâm càng an lạc bấy nhiêu. Vì thế mới hiểu được lời của cổ nhân nói rằng nếu tiêu bớt một phần tập khí thì được một phần sáng suốt. Nhẫn được mười phần phiền não thì chứng được ít phần bồ đề. [7, tr.57,]

Một số thiền sư nổi tiếng như thầy Nhất Hạnh trong cuốn sách *Pháp sám địa xúc* cho phép thực hành nghi lễ này như một pháp môn, ông viết:

Trong khi lạy ta hoàn toàn phủ thác thân mạng ta cho đất, để đất có thể ôm lấy ta và giúp ta chuyển hóa những khổ đau và bế tắc trong ta. Nếu có nhu yếu thì ta đọc tụng lại phần kinh văn vừa đọc và lạy xuống một lần thứ hai. Thực tập như thế, hành giả sẽ thấy được rằng trong khi thực tập, niềm vui được sinh khởi, phiền não được chuyển hóa, và thân tâm càng lúc càng nhẹ nhàng. [10, tr.5]

Thiền sư Suzuki cũng chia sẻ quan niệm về lễ lạy như sau: “Trong lúc đánh lễ chúng ta buông bỏ cái “tôi” của mình, buông bỏ cái “tôi” có nghĩa là buông bỏ cái ý niệm phân biệt, nhị nguyên của mình. Hiểu như vậy thì ta thấy ngôi thiền và quỳ lạy đâu có gì khác biệt nhau”. [12, tr.51]

“Quỳ lạy giúp dẹp được cái ý niệm về ngã chấp của mình. Điều ấy không phải dễ. Khó ai có thể phá bỏ được ý niệm tự cao ấy và quỳ lạy là một phương pháp rất hay có thể giúp ta làm được việc ấy”. [12, tr.53]

Kinh Quran có câu:

Và hãy nhớ lại khi ta (Allah) phán cho các thiên thần “Hãy phủ phục trước Adam!”. Bởi thế chúng phủ phục ngoại trừ Iblis.⁽²⁾ Nó từ chối và ngạo mạn. Và nó trở thành một tên phản nghịch (Kafir). [5, tr.13]

⁽²⁾ Iblis tượng trưng cho sự tự cao tự đại

Những chia sẻ trên cho chúng ta thấy những giá trị tinh thần mà pháp môn lạy đem lại. Ở đây chúng ta chưa nói đến kết quả về phần luyện thân mà rõ ràng nghi thức này đã đem lại một giá trị nhất định về chuyển biến tâm thức nơi người tu tập. Vì vậy đã được các môn phái nhấn mạnh và các tổ đã đưa vào trong nghi thức hành trì hằng ngày.

Các tông phái Phật Giáo từ Tịnh Độ, Thiên, Thiên Thai, đến Luật Tông, Mật Tông v.v... đều chú trọng vào việc lạy Phật như một hành trì căn bản. Phật giáo Bắc truyền có những cuốn kinh dành riêng cho việc lễ lạy như:

Kinh Hồng Danh: 108 lạy, kinh sám hối căn bản.

Kinh Ngũ Bách Danh: 500 lạy, gồm tên của 500 vị Phật hay 500 danh hiệu của một vị Phật hay Bồ Tát.

Kinh Thiên Phật: 1.000 lạy, danh hiệu của một ngàn vị Phật.

Kinh Ngũ Thiên Phật: 5.000 lạy, danh hiệu của năm ngàn vị Phật.

Kinh Vạn Phật: 10.000 lạy, danh hiệu của mười ngàn vị Phật.

Nhà sư Thích Trí Hoằng hiện nay trụ trì chùa Pháp Nguyên (Texa, USA) cũng đã chia sẻ những kinh nghiệm thực tế như sau:

Chúng tôi chỉ khuyên các cụ hãy cố gắng thực tập pháp môn “Lạy Phật” mỗi ngày, sáng cũng như tối.

Các cụ theo đó thực tập. Vài tuần lễ sau đã có người đến chùa cảm ơn, nhờ thực tập pháp môn “Lạy Phật” đã khỏi bệnh. Có vị cho chúng tôi hay sau mấy tuần lạy Phật, bây giờ đã hết luôn chứng đau lưng. Chứng bệnh mà vị đó đã bị từ nhiều năm nay, uống thuốc gì cũng không khỏi. Các vị khác cho hay bây giờ ngủ ngon giấc không mộng mị, các chứng tê nhức cũng đã hết. Còn những người trung niên cũng cho biết họ đã bán các dụng cụ tập thể dục, vì cứ mỗi sáng sau khi lạy hai mươi phút mồ hôi toát ra như tắm, như thế thì hơn thể dục nhiều. [14]

Hai nhà sư người Mỹ đã viết trong cuốn sách của ông sau một thời gian lễ lạy:

Đúng ra thì cách lễ lạy này lại còn làm tăng thêm sự cường tráng vì tôi chưa bao giờ cảm thấy thân thể mình được rắn chắc khỏe mạnh như lúc này. [6,tr.150]

Qua các kinh nghiệm đó, chúng ta thấy các tông phái Phật giáo Bắc truyền đã hành trì pháp môn Lạy Phật rất phổ biến. Với cách nhìn trong hành trì thì người tín đồ Hồi giáo cũng đã sử dụng nghi lễ này với tính chất là một pháp môn vừa giúp tâm hồi hướng về Đấng Allah vừa là cách điều hòa thư giãn thân thể trong sinh hoạt hằng ngày.

4.2 Lạy dưới góc nhìn khoa học

Lạy được ví như một hình thức luyện tập Yoga, trong đó có sự phối hợp giữa hơi thở, hành vi và sự tập trung chú ý nên có nhiều lợi ích cho toàn thân hơn một hình thức tập thể dục thông thường.

4.3.1 Cột sống

Cột sống chứa 31 đôi thần kinh tủy sống thoát ra từ hai bên các đốt sống ngoại trừ đôi đốt sống C1, chịu trách nhiệm cảm giác và vận động toàn thân. Lạy là hình thức luyện tập vận động làm tăng sự mềm dẻo của cột sống. Luyện tập cơ lưng và hệ thống các dây chằng cột sống, giảm thoái hóa cột sống qua đó duy trì hoạt động của các đôi thần kinh tủy sống được tốt hơn đảm bảo hoạt động tốt các cơ quan nội tạng và cảm giác toàn thân.

4.3.2 Phổi

Phổi là cơ quan tiếp nhận oxy và thải khí cacbonic, duy trì hoạt động trao đổi khí để cung cấp oxy cho tất cả mọi hoạt động sống của cơ thể. Lạy giúp tận dụng tối đa các hoạt động của các phế nang, là hình thức tập thở sâu nhằm tăng dung lượng phổi cũng như giúp làm tươi mới các buồng phổi nhờ thải trừ các chất khí tồn đọng. Dung lượng phổi còn gọi là dung tích sống bởi nó tỷ lệ với khả năng trao đổi khí bảo tồn sự sống.

4.3.3 Não

Khi cúi lạy là hình thức làm tăng lượng máu đến não một cách dễ dàng giúp tưới máu não được tốt hơn. Động tác lạy còn làm tăng áp lực nhẹ lên thành mạch, luyện tập thường xuyên sẽ giúp sự đàn hồi thành mạch tốt, giảm nguy cơ vỡ mạch máu não. Lạy còn giúp tăng sự luân lưu của dịch não tủy giúp bảo vệ cân bằng não tốt hơn giảm chứng rối loạn tiền đình.

4.3.4 Tiêu hóa

Lạy là hình thức mát xa tác động gián tiếp đến các cơ quan nội tạng vùng dưới cơ hoành, kích thích nhu động ruột giúp tăng hấp thu thức ăn và tránh táo bón.

4.3.5 Tuần hoàn ngoại vi

Với động tác lạy toàn cơ thể bị nén nhẹ nên tưới máu ngoại vi được tốt hơn giúp da dễ tươi nhuận.

4.3.6 Khớp xương

Với hình thức lạy, trừ khớp cổ chân còn hầu hết các khớp đều được tập luyện một cách nhẹ nhàng làm tăng sự linh động của các khớp, chống thoái hóa khớp.

4.3.7 Hệ thống kinh lạc, luân xa

Chúng ta đã biết hệ thống mạch nhâm và mạch đốc là yếu quyết của người tu tập nằm trên đường dọc trước và sau cột sống. Hệ thống các luân xa trong tu tập cũng nằm dọc trên con đường này. Lạy là hình thức tác động trực tiếp đến cột sống cũng như hệ thống kinh lạc này giúp khai mở những ứ trệ trên hệ kinh lạc.

Tuy vậy cũng có những trường hợp không nên thực hành pháp môn này như người đang có cơn cao huyết áp, đang rối loạn tiền đình, trong giai đoạn cấp của chấn thương cột sống, chấn thương khớp gối...

Trong thực tế, pháp môn này không đòi hỏi quá nhiều không gian, thời gian cũng như sự chuẩn bị. Nó phù hợp cho tất cả mọi người và đơn giản dễ thực hiện. Một sự phối hợp nhịp nhàng thân khẩu ý, một sự kết hợp tập luyện thân và tâm một cách tuyệt vời hơn bất cứ hình thức thể dục nào khác.

5. Pháp môn lạy trong Cao Đài giáo

5.1. Thánh giáo dạy về nghi thức lạy

Nghi thức lạy trong Cao Đài giáo được Thầy chỉ dạy cho ngài Lê Văn Trung từ rất sớm (đàn cơ 25/2/1926) tức là trước khi khai đạo rất lâu và được đưa vào Thánh Ngôn Hiệp Tuyển như là một qui định bắt buộc.

Ở đây chúng ta thấy Đấng truyền dạy trực tiếp là Thượng Đế và vị thọ nhận đầu tiên là một vị Quyền giáo Tông. Đọc Thánh ngôn Hiệp

tuyển chúng ta thấy có nhiều vấn đề Thầy cho phép các vị tiền khai lập nên hoặc tự chọn lấy (ví dụ như lập luật, tuyển kinh...). Ở đây thì chính Thầy chỉ dạy và quan sát nghi thức. Thầy dạy:

Trung! Vô giữa bái lễ cho Thầy coi.

*Con làm lễ trúng, song mỗi gặt con nhớ niệm **Câu Chú của Thầy:**
NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.*

...

Khi bái lễ, hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ấn Tý, tay mặt ngửa ra nằm dưới, tay trái chụp lên trên.

...

Lạy là gì? Là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong lòng.

Chấp hai tay lạy là tại sao? Tả là nhứt, hữu là nguyệt, vị chi âm dương. Âm dương hiệp nhứt phát khởi Càn khôn, sanh sanh hóa hóa, tức là Đạo.

Lạy kẻ sống 2 lạy là tại sao? Là nguồn cội của nhơn sanh lưỡng hiệp âm dương mà ra. Ấy là Đạo.

Vong phàm lạy 4 lạy là tại sao? Là vì hai lạy của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa.

Lạy Thần, lạy Thánh 3 lạy là tại sao? Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt. Ấy là Đạo.

Lạy Tiên, lạy Phật 9 lạy là tại sao? Là tại chín Đấng Cửu Thiên Khai Hóa.

Còn lạy Thầy 12 lạy là tại sao?

Các con không hiểu đâu.

Thập nhị Khai Thiên là Thầy, chúa cả Càn khôn Thế giới, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy. [3, tr.14,15]

5.2. Cách thức hành trì

Cách lạy

Nghi thức thực hành lễ lạy được hướng dẫn khá chi tiết trong Kinh Tận độ của Hội Thánh Truyền giáo Cao Đài:

“Trước hết, tay trái bắt ấn Tý đầu ngón cái ấn vào đốt cuối ngón áp út và nắm lại, bàn tay mặt áp ngoài, ngón cái tay mặt xỏ vào giữa ngón cái và ngón trỏ tay trái. Chắp tay như vậy đưa lên trán xá xuống ba xá, quỳ xuống, chân trái đưa tới, chân phải quỳ trụ xuống trước, chân trái rút về quỳ theo, hai bàn chân xếp xuôi về sau, hai gót chân khít nhau.

Buông tay sửa y phục, rồi đưa tay lên chính giữa trán, niệm: NAM MÔ PHẬT, đưa tay qua cuối chân mày trái niệm: NAM MÔ PHÁP, đưa tay qua cuối chân mày phải niệm: NAM MÔ TĂNG, đưa tay về giữa trán xá niệm:

- Nam mô CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Hạ tay xuống ngực, cúi đầu niệm:

- Nam mô TAM GIÁO TAM TRẦN (cúi đầu).

- Nam mô CHƯ PHẬT, TIÊN, THÁNH, THẦN.

Lạy Thượng Đế ba lạy, mỗi lạy gật đầu bốn cái, như vậy ba lạy là mười hai gật, mỗi gật niệm: Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lạy chư Phật, Tiên, Thánh, Thần mỗi lạy ba gật, ba lạy là chín gật, mỗi gật đều niệm danh hiệu từng vị theo bài kinh.

Lạy xuống, hai bàn tay trái úp sát sát nền, ngón tay cái phải gát chéo lên ngón cái tay trái, trán sát bàn tay, mũi sát gót chân. [4, tr 16-17, 1995]

Tuy nhiên ở đây, cách lạy Thánh, Thần cũng tính đồng với Phật Tiên là 9 lạy không như trong lời dạy trong Thánh giáo. Trong bản kinh 1956 của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thì ghi “Phật, Tiên, Thánh lạy 3 lạy 9 gật” [4, tr 8] không ghi lạy Thần. Theo Thánh giáo dạy thì lạy chư Thánh Thần ba lạy không gật.

Cách niệm danh hiệu Thầy thì bản kinh 1956 để tại nơi ngực, bản kinh 1995 để trên trán xá niệm. Tuy nhiên ở đây sự khác biệt không nhiều.

Nhìn về lợi ích về mặt thân pháp của pháp môn này thì tư thế quỳ lạy của Hội Thánh Truyền Giáo được coi là có nhiều lợi điểm về thân pháp hơn cả vì sử dụng được hầu hết các cơ, khớp toàn thân trừ vùng cẳng, bàn chân.

Tuy vậy đây cũng không phải là cách lạy quá khác biệt mà là khá truyền thống trong các tôn giáo như Phật giáo, Hồi giáo cũng như trong các nghi lễ truyền thống dân gian.

5.3 Phân loại cách lạy theo định nghĩa

1. Cách lạy không có hòa hợp cả thân và tâm: Người lạy không thực hành đúng các tiểu tiết trong nghi thức lạy, không chú tâm theo câu niệm, lòng không chí thành hồi hướng về các Đấng.

2. Cách lạy đạt tâm nhưng không đạt về thân: Người lạy để tâm theo câu niệm và lòng thành hồi hướng nhưng thân pháp thực hành không đúng như lạy trán không chạm đất, các cơ căng thẳng không được thư giãn.

3. Cách lạy đạt về thân nhưng không đạt tâm: Người lạy thực hành đúng cách lạy về tiểu tiết nhưng tâm không hồi hướng và chú niệm.

4. Cách lạy đạt về sự hòa hợp thân tâm: Người lạy thực hành đúng qui thức hướng dẫn theo từng hành động, chậm, nhẹ nhàng đúng pháp. Tâm dõi theo từng câu niệm tùy từng bài kinh và hồi hướng về các Đấng Thiêng liêng.

Qua 4 cách lạy trên, chúng ta thấy chỉ có cách thứ tư mới có thể được xem là một pháp môn đúng nghĩa và đem lại sự diệu dụng cho thân tâm người hành trì. Lạy đúng pháp, thực hành thường xuyên sẽ đạt lợi ích như một pháp môn yoga và sẽ tăng trưởng tâm đức cho người tu tập.

5.4 Ý nghĩa trong pháp môn lạy của đạo Cao Đài

Trong kinh Tam Thừa Chơn Giáo, Thầy đã dạy về ý nghĩa lễ bái như sau:

*“Thân lễ bái kính nhường trên trước
Thân tự tu lóng trược thành thanh
Luyện thân nhứt chỉ nhứt hành
Hiệp cơ thần khí chuyển sanh tánh hài”.*

5.4.1 Ấn Tý

Ấn Tý còn gọi là Kim Cang ấn có tác dụng định thần, trừ tà ma cũng như tên gọi là ấn tác dụng cân bằng vững chãi cho thân pháp.

- Ngón tay cái ấn vào gốc ngón vô danh (Cung Tý) như nhắc người tu tập phải luôn trở về với tánh không vì đó là chỗ dung hòa và tỏ ngộ được muôn pháp. Theo Đạo giáo thì “Vô danh thiên địa chi thủy” nghĩa là cái gốc của trời đất cũng từ chỗ vô danh mà ra.

- Bàn tay trái tượng trưng cho đạo nằm bên trong, bàn tay phải tượng trưng cho đời bao bọc bên ngoài với nghĩa là đạo phải nương lấy đời mà tiến hóa, đời phải gìn tâm đạo mà trường tồn. Bàn tay trái thuộc Dương nằm trong cũng có nghĩa là trung âm hữu dương, ngón cái tay phải ấn vào cung Dần tay trái cũng có nghĩa là trung dương hữu âm tượng trưng cho lý Thái cực, hai tay ấn tỳ chấp lại thành hình cầu cũng tượng trưng cho quả Càn Khôn hay quả đạo.

- Ngón cái tay trái bấm vào cung Tý tay trái, ngón cái tay phải bấm vào cung Dần tay trái “Ý nghĩa về điều này nói rằng: Thiên sanh ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sinh ư Dần. Nghĩa là Trời khai vào hội Tý, Đất thành vào hội Sửu. Sau khi Trời Đất yên ngôi thì con người cũng được phối hiệp giữa khí thể ấy mà sinh vào hội Dần”. [8, tr.82]

- Ấn Tý là pháp ấn của đạo Cao Đài vì trong mọi thời cúng cũng như trong công phu luyện đạo hay hành Tứ bửu pháp đều sử dụng đến ấn này.

5.4.2 Cách xá

Trước khi lạy, người hành lễ bắt ấn Tý, xong bước vào vị trí quỳ làm động tác xá: Hai tay đang ấn Tý nâng lên trán đưa từ từ xuống hạ đơn điền sau đó đưa lên dừng lại trước ngực là hoàn thành một xá.

- Trán: Thượng tượng trưng cho Trời.
- Hạ đơn điền: Hạ tượng trưng cho Đất.
- Ngực: Trung (Ở giữa) tượng trưng cho Người.

Như vậy trong một xá người hành lễ đã làm một nghi thức kết giao thông suốt cả Thiên - Địa - Nhân (Trời - Đất - Người). Điều này cũng nhắc nhở người hành lễ phải để tâm buông xả để hòa đồng cùng Trời Đất mới đem lại diệu dụng khi thực hành pháp môn này.

Trong nghi thức giao xá cũng thể hiện sự hòa, thân, lễ kính đối với huynh đệ đồng tu.

5.4.3 Cách quỳ

Chân trái bước tới trước gọi là tiến đạo, dùng chân phải để trụ gọi là nương tựa đời để tiến đạo.

5.4.4 Thỉnh Thánh

Sau khi vào vị trí hành lễ xá và quỳ xuống, người hành lễ phải thỉnh Thánh rồi mới lạy Thầy. Chắp tay ấn Tý rồi.

“Đưa tay lên chính giữa trán, niệm: NAM MÔ PHẬT, đưa tay qua cuối chân mày trái niệm: NAM MÔ PHÁP, đưa tay qua cuối chân mày phải niệm: NAM MÔ TĂNG, đưa tay về giữa trán xá niệm:

- Nam mô CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Hạ tay xuống ngực, cúi đầu niệm:

- Nam mô TAM GIÁO TAM TRẦN (cúi đầu).

- Nam mô CHƯ PHẬT, TIÊN, THÁNH, THẦN.

- Nam Mô: Tiếng Sanskrit là “Namah” nghĩa là quy y hay quay về nương tựa tam bảo là Phật - Pháp - Tăng. Tam bảo là ba ngôi báu mà người tu cần phải nương tựa trong suốt quá trình tu học. Phật tượng trưng cho chân lý cuối cùng người tu tập hướng đến. Pháp là những cách thức tu tập hành trì để thành tựu quả vị và Tăng là những người đồng tu cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm và giúp đỡ nhau trên hành trình tu tập.

Trong đạo Cao Đài:

- Ngôi Phật là Thượng Đế.

- Ngôi Pháp là Pháp Chánh Truyền - Tân Luật, kinh văn và Thánh ngôn, Thánh giáo.

- Ngôi Tăng là chư chức sắc, chức việc và đồng đạo.

5.4.5 Số 12 là số riêng của Thầy

“Thập nhị Khai Thiên là Thầy, chứa cả Càn khôn Thế giới, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy”. [3, tr.15]

***Thầy là chủ của cả không gian:** Số 12 biểu thị sự khai lập vũ trụ: *“thập nhị khai thiên là Thầy”.*

***Là chủ của thời gian:** Hệ thống tính giờ từ xưa đến nay đều lấy chuẩn 12 giờ/ ngày để đếm thời gian. Lịch Đông hay Tây cũng tính 12 tháng/năm. Như vậy con số 12 là con số chủ của thời gian “*Nắm trọn Thập nhị thời thân vào tay*”.

5.4.6 Ý nghĩa trong cách lạy

Từ cách chấp tay hình cầu giống như một quả Càn Khôn biểu tượng cho Thái Cực, khi mở tay ra thì tay trái thuộc dương, tay phải thuộc âm tượng trưng cho lưỡng nghi. Khi lạy xuống hai ngón cái bắt chéo thành hình dấu cộng, chữ Thập như dấu cộng, bốn góc của dấu cộng chia 4 hướng thành Tứ Tượng và tiếp đến là tám ngón tay xòe ra 8 hướng nghĩa cho Bát quái. Như vậy khi lạy xuống thì cách lạy của người Cao Đài là biểu thị cho cơ sanh hóa của vũ trụ. Khi thu tay về là từ Bát quái trở về với lý Thái Cực tượng trưng cho dòng nghịch chuyển của người tu từ chúng sanh quay về cực vị hội hiệp cùng Thượng Đế.

5.4.7 Những điểm đặc biệt trong nghi thức lạy của đạo Cao Đài

- Một lạy được kèm theo với ba hoặc bốn câu niệm danh hiệu nên thời gian mỗi lạy được kéo dài thêm gấp ba hoặc bốn lần.

- Mỗi lạy kèm theo những cái gập đầu nhẹ.

- Lạy trong trạng thái quỳ gối.

- Lạy trong hình thức trún, hai cẳng chân, cẳng tay đều chạm đất.

Ở đây chúng ta thấy:

- Trong nghi thức lạy Cao Đài cũng hoàn toàn có sự kết hợp giữa thân - khẩu - ý: Lạy - Niệm - Hồi hướng.

5.4.8.1 Tính ứng dụng về thân pháp

Mỗi lạy được kéo dài hơn giúp cho hơi thở ra kéo dài hơn làm thải trừ nhiều nhất các khí tồn đọng trong phổi. Luyện tập thở sâu giúp cân bằng tinh thần, giảm căng thẳng.

- Những gập đầu nhẹ có thể được xem như là tập luyện nhẹ nơi cột sống cổ, đồng thời giúp lưu thông dịch não tủy tốt hơn. Ngoài ra theo Kim Long trong tập luyện chữa trị đau lưng, tư thế: “*gập đầu hoặc lắc đầu có tác dụng kích hoạt những cơ vùng cổ một cách rất mãnh liệt...*”

- Hình thức lạy này giống như động tác Yoga có tên the Child pose. Tư thế Yoga này giúp bạn giải tỏa căng thẳng, thư giãn ngực, lưng và vai, massage và làm linh hoạt các cơ quan trong cơ thể, tăng sức đề kháng của cơ thể.

- Lạy là một sự kích hoạt cho hệ thống các luân xa và kinh lạc trên cơ thể.

5.4.8.2 Tính đạo học

- Trong nghi thức lạy Cao Đài cũng hoàn toàn có sự kết hợp giữa thân - khẩu - ý: Lạy - Niệm - Hồi hướng. Như vậy lạy là lúc chúng ta đang hiện diện trong cuộc sống với tam nghiệp thanh tịnh. Đó cũng là lúc thân hành và tâm hành được phối hợp hòa điệu.

5.4.8.3 Tính triết học

Khi lạy người sống chúng ta nghĩ đến nguồn gốc phát sinh của vạn vật.

- *Lạy kẻ sống 2 lạy là tại sao? Là nguồn cội của nhơn sanh lưỡng hiệp âm dương mà ra. Ấy là Đạo. [3,tr15]*

Khi lạy bậc Thánh Thần ba lạy hướng chúng ta nghĩ đến sự thành tựu của tam bửu nơi người tu.

- *Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt. Ấy là Đạo. [3,tr15]*

Khi chấp tay lại chúng ta nghĩ đến ơn Tạo hóa của Thầy:

- *Tả là nhứt, hữu là nguyệt, vị chi âm dương. Âm dương hiệp nhứt phát khởi Càn khôn, sanh sanh hóa hóa, tức là Đạo. [3,tr14]*

5.4.8.4 Tính Mật giáo

Trong mỗi tôn giáo đều có ẩn tàng tính mật giáo, giống như những câu chú Đà la ni, hay chú Yết đế trong Bát Nhã. Chú có những diệu dụng khó lường mà theo Phật giáo thì có một tác dụng “*cảm ứng đạo giao nan tư nghì*”.

- *Còn lạy Thầy 12 lạy là tại sao?*

Các con không hiểu đâu.

Thập nhị Khai Thiên là Thầy, chúa cả Càn khôn Thế giới, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy. [3, tr.15]

Như vậy chúng ta thấy ở đây trong cách lạy của Cao Đài giáo cũng bao gồm cả tính đạo học, triết học, và cả tính chất mật giáo. Trong đó ẩn chứa một sự hồi hướng tâm phối hợp tập luyện thân thể trong giờ cầu nguyện hằng ngày.

5.4.9 Thực hành pháp môn lạy trong Cao Đài Giáo theo Kinh Tận Độ

Trong đạo Cao Đài còn có một hình thức tập luyện kết hợp với cầu nguyện ở hình thức cao hơn được thấy trong kinh tụng Di Lạc. Trong bài này chúng ta lạy khi niệm hồng danh 52 vị Phật và 3 lạy Thầy là 55 lạy. Kết hợp với kinh cúng tứ thời 24 lạy nữa là mỗi thời cúng có 79 lạy. Một ngày cúng tứ thời 2 lần và tụng 1 thời kinh Di lạc chúng ta thực hành khoảng 100 lạy. Một năm có khoảng 36.500 lạy. Nếu thực hành thường xuyên trong 3 năm chúng ta sẽ vượt chỉ tiêu 100.000 lạy là bằng người Tây Tạng. Tuy hình thức Tây Tạng có thực hiện rất ráo nhưng khó duy trì thường xuyên hơn nghi thức Cao Đài.

Mỗi ngày chúng ta thực hành kết hợp cầu nguyện và lạy là pháp môn thích hợp cho tất cả mọi người. Gọi đây là pháp môn của kỳ Tận độ chắc chắn không phải là điều sai. Rõ ràng điều này đã được qui định trong kinh Tận độ: *“Niệm đến đầy rồi niệm danh chư Phật, hễ niệm danh mỗi vị lạy một lạy”*[4, tr.216] bài kinh có hồng danh 52 vị Phật nghĩa là lạy 52 lạy Hiệu quả về tinh thần và thể chất sẽ đạt được nếu chúng ta duy trì một cách đều đặn với lòng thành kính và tri ân.

Qua bài viết này, chúng ta thấy rằng trong Cao Đài giáo, lạy là nghi thức bắt buộc được qui định trong Thánh Ngôn Hiệp tuyển. Kinh Tận độ cũng qui định số lần lễ lạy trong các bài kinh. Với kiến thức về lễ lạy chúng ta tìm hiểu được thì những diệu dụng mà lễ lạy đem lại đã được Thầy đem vào trong nghi lễ Cao Đài giáo như một pháp môn.

Đàn tại Trung Hưng Bửu tòa (02/02/ĐĐ 33) Đức Tiếp Văn Pháp Quân dạy về vai trò của lễ như sau: *“Tu nơi trong là khắc kỷ phục lễ, khắc kỷ được thì làm chủ được thân, làm chủ mình để làm chủ người, ấy là tu thân”*.

Vấn đề hành trì để đem lại kết quả cũng là một vấn đề nếu chúng ta biết ý thức về giá trị này. Lạy như là một sự miễn cưỡng, lạy trong tâm thế vội vã hoàn toàn không đem lại giá trị về thân tâm mà có khi lại một phản tác dụng gây hại cho cơ thể.

Cũng có thể coi đây là pháp môn nằm trong “giáo trình” tận độ của Thầy vì tính chất đơn giản không bắt buộc về thời gian, không gian, trình độ, tuổi tác... và hoàn toàn không tốn kém nhưng hiệu quả về thân tâm có thể dễ nhận biết và đánh giá.

Chúng ta nhận thấy đôi khi người tu muốn tìm một hình thức tập thể dục phù hợp thì ở pháp môn này chúng ta có thể coi như một hình thức kết hợp thân tâm một cách hoàn hảo và phù hợp cho mọi người tu tập. Hy vọng những giá trị này được đón nhận và tri hành như một nền tảng trên con đường tìm về Thượng Đế của người Cao Đài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đức Nguyên (2000), *Cao Đài Tự Điển*, Tòa Thánh Tây Ninh.
2. Hội Thánh Cầu Kho Tam Quan (2007), *Tam Thừa Chơn Giáo*, NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
3. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (1995), *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - Pháp Chánh Truyền Tân Luật*, XN in Quốc Doanh QN - ĐN.
4. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (1995) (1956), *Kinh Tận Độ*.
5. Hassan Abdul Karim (2001), *Kinh Quran*, NXB: Tôn giáo, Hà Nội.
6. Hằng Cự - Hằng Do (2004), *Tam Bộ Nhất Bái*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
7. Hòa Thượng Hư Vân (Pl 2540), *Tự Truyện của Hòa Thượng Hư Vân*, (Châu Thủy dịch).
8. Huệ Minh, (2006), *Cao Đài Yếu Lược*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
9. Kim Long (2000), *Tập Luyện Chữa Trị Đau Lưng*, NXB Thuận Hóa, Huế,
10. Nhất Hạnh (PL 2547), *Sám Pháp Địa Xúc*, NXB Lá Bối, Sài Gòn.
11. Wang Tchuk Dorje (2007), *Đại Thủ Ấn* (Thích Trí Siêu dịch), NXB Phương Đông: TP HCM.
12. Suzuki (2017), *Thiền Tâm Sơ Tâm* (Nguyễn Duy Nhiên dịch), NXB Phương Đông: TP Hồ Chí Minh.

Tài liệu phụ:

13. <https://yogalovers.net>
14. Thích Trí Hoằng (26/7/2011), *Pháp Môn Lạy Phật*, <https://thuvienhoasen.org>, (Tham khảo: 15/8/2021).

TÙY DUYÊN MÀ BẤT BIẾN BẤT BIẾN MÀ TÙY DUYÊN

HÙNG VẠN

(Minh Lý Thánh Hội)

Hẳn ai học đạo, ít nhất một lần từng được nghe: “Tùy duyên mà bất biến - Bất biến mà tùy duyên”. Và khi nghe, hẳn có người sẽ cảm thấy “hình như ngược ngược” nào đó trong nội hàm của câu. Bởi *tùy duyên* nghĩa là *thay đổi*, là *chuyển hóa*, còn *bất biến* là *cố định*, là *bất dịch*. Như vậy, *tùy duyên mà bất biến* là *thay đổi mà cố định* và *bất biến mà tùy duyên* là *bất dịch mà chuyển hóa*. Thật là khó nghĩ! Vậy, nội dung của câu trên như thế nào? Và thực tiễn trong đạo và ngoài đời ý nghĩa ra sao?

I. TÙY DUYÊN MÀ BẤT BIẾN

Theo đạo học thì *tùy duyên* là *thuận cảnh* (duyên) mà *nuông theo* (tùy) và *bất biến* là *phát triển* (biến) trên *gốc rễ* (bất). Do đó, *tùy duyên mà bất biến* là phải làm theo cái đúng của tự nhiên, gọi là “*thuận thiên*”, là vận hành theo thiên nhiên. (*thiên* không phải là Trời). Vì vậy, *tùy duyên mà bất biến* hay *thuận thiên*, nghĩa là mọi việc, mọi sự, mọi tính, mọi cầu, mọi nguyện, ... đều không cưỡng cầu, cố chấp, vị ngã. Bởi nếu không, sẽ rơi vào thiên lệch, chủ quan, mất tính tảo như kẻ đang vào trong hang tối mà đạo học gọi là *vô minh*, khiến các mong muốn, ý định sẽ khó mà thành đạt, bởi mất đi cái tự nhiên và trái quy luật theo công lệ hằng thường nên sẽ “*xôi hỏng bỏng không*”, khác nào như “*lâu đài xây trên bãi cát*”.

Thứ nữa, *tùy duyên* là thọ nhận hay tự nhận và *bất biến* là *sở năng* và *thực lực*, nên *tùy duyên mà bất biến* có nghĩa là khi đảm nhận công việc (tùy duyên) đều phải dựa vào tài năng và thực lực của mình

(bất biến). Bởi trong quá trình thực hiện khi gặp những khó khăn hay trở ngại, bản thân sẽ có sự liệu lượng, trù tính để giải quyết sự việc khả thi nhanh chóng hợp lý và thông suốt mà không bị động bởi cứ loay hoay, xoay xở, lo lắng vì mất tự tin do khả năng hạn chế.

Điều nữa, *tùy duyên là tác nhân và bất biến là nghiệp quả*, nên *tùy duyên mà bất biến* là cặp phạm trù nhân quả. Nghĩa là nghiệp như thế nào (bất biến) thì phải chịu như thế đó (tùy duyên) và không thể chối được tiền nghiệp của mình. Cho nên đừng than trời trách đất mà nên ăn năn hối cải, sửa lỗi để giúp thân tâm được ổn yên, an định trong hiện tại.

Cho nên, *tùy duyên mà bất biến* chính là ***thực tâm cải sửa hiện tại để chuyển hóa căn cơ dĩ nghiệp từ quá khứ của mình.***

II. BẤT BIẾN MÀ TÙY DUYÊN

Bất biến là quy luật, là căn bản và tùy duyên là hành động, là nhận thức, nên *bất biến mà tùy duyên* là mọi sự tác tạo (tùy duyên) đều không được phép ra khỏi quy luật của nó (bất biến), như câu thành ngữ: “*Giấy rách phải giữ lấy lề*”. Chính hiện nay vì không biết “*giữ lề*” mà khí hậu, lũ lụt, băng tan, cháy rừng,... tức là môi trường phải trả giá quá đắt và nguy cơ hiểm họa khôn lường do thiên tai địch họa trên toàn trái đất cứ chực chờ xảy ra. Nguyên nhân là con người tác động không tuân theo và sai quy luật.

Theo đạo học, *bất biến là đạo đức, lễ nghĩa và tùy duyên là sự trau dồi, tu dưỡng*, nên *bất biến mà tùy duyên* là trau luyện con người trở nên hiền lành, thiện lương (tùy duyên) trong khuôn phép định tắc của giới đạo cùng pháp luật (bất biến). Đó cũng là câu thành ngữ: “*Áo mặc không qua khỏi đầu*” để tự khuyên răn, dè chừng bản thân của mình tránh được sai trái.

Ngoài ra, *bất biến là bác ái, công bằng và tùy duyên là hòa hợp, vị tha*, nên *bất biến mà tùy duyên* là phải giữ toàn sinh mạng cho mọi người, cầm thú và sự sống của động vật, hoa cỏ (bất biến) bằng việc làm chính đáng và bảo hợp (tùy duyên) mà Phật luôn nhắc nhở phải trì hành ngũ giới, đó là không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm,

không nói ngoa, không uống rượu và chất kích thích, cũng như mỗi tôn giáo tùy theo sở giáo cũng đều mong muốn vạn vật đều được tồn sinh trong thái hòa.

Cho nên, bất biến mà tùy duyên là mọi hành vi không vượt khỏi định tắc, phép luật, hầu tự khuyên răn bản thân để tránh gây nên hiện nghiệp.

III. KẾT

Tùy duyên mà bất biến - Bất biến mà tùy duyên, xét về xã hội và tôn giáo, đó là chân lý về đạo và đời, như sau:

- Trong cuộc sống, tất cả mọi việc đều phải có sự giới hạn, nếu không biết giới hạn thì cái có lý sẽ trở thành cái phi lý.

- Trong đạo học, mỗi giáo tuy có riêng về sở pháp của mình nhưng tất cả đều chung nhất là phải bảo tồn chánh pháp với chấp sự tôn nghiêm, nếu vị kỷ, tùy tiện thì chánh pháp sẽ sai lạc, trở thành phi pháp.



Học thuyết Maslow và hành trình đời người:
**TỪ NHU CẦU VẬT CHẤT, TINH THẦN
ĐẾN NHU CẦU TÂM LINH**

TRẦN QUỐC HUÂN



Abraham H. Maslow:

Abraham Harold Maslow sinh ngày mừng 1 tháng 4 năm 1908 tại Brooklyn, New York. Ông là con trai đầu lòng trong một gia đình có **7 người con, cha mẹ** của ông là người Do Thái di cư ít học thức đến từ Nga. Cha mẹ ông không ngừng thúc giục các con chăm chỉ học tập để thành công, và từ bé, Maslow đã vui đùa vào sách vở.

Ông hoàn tất cử nhân năm 1930, thạc sĩ năm 1931, và tiến sĩ vào năm 1934, tất cả đều thuộc chuyên ngành Tâm lý thuộc Đại học Wisconsin. Sau đó ông chính thức dạy tại Đại học Brooklyn. Trong thời gian này, ông gặp gỡ rất nhiều những học giả châu Âu di cư đến Hoa Kỳ, nhất là ở Brooklyn vào thời đó như Adler, Fromm, Horney và vài học giả nhóm Hình thái và nhóm Freudian.

Sau đó, ông giữ chức vụ trưởng ban Tâm lý tại Đại học Brandeis từ 1951 đến 1969. Tại đây, Maslow bắt đầu hành trình xây dựng học thuyết nhân văn học tâm lý – một công trình có tầm quan trọng đặc biệt đối với ông.

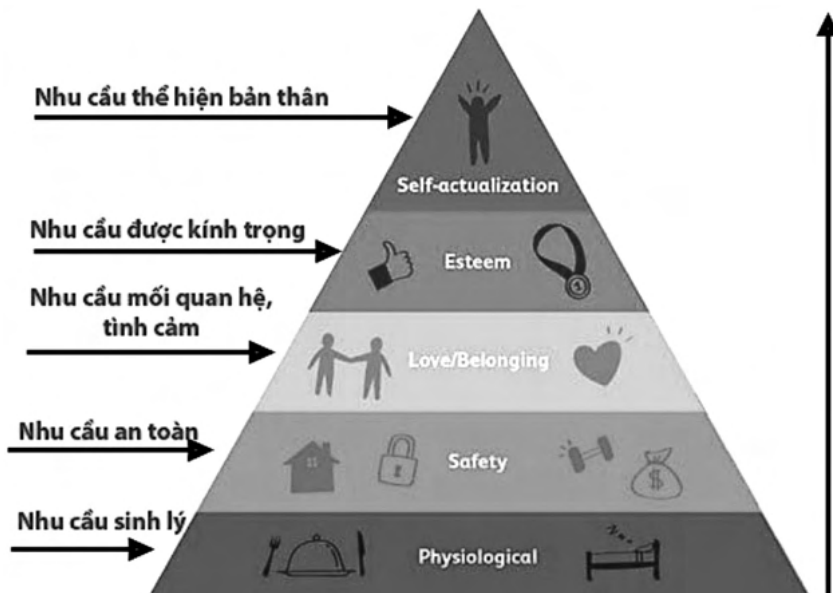
Ông qua đời vào ngày 8 tháng 6 năm 1970 do một cơn đau tim.

Sự ra đời của học thuyết Maslow:

Trong một số thí nghiệm, Maslow thấy những con khỉ luôn có một số nhu cầu đặc biệt quan trọng hơn những nhu cầu khác. Chẳng hạn giữa đói và khát, nhu cầu khát phải được ưu tiên. Vì thế nhu cầu khát quan trọng hơn nhu cầu đói. Nếu phải chọn giữa đáp ứng nhu cầu khát và nhu cầu khỏi bị kim chích đau đớn, nhu cầu tránh bị chích kim sẽ cao hơn. Rồi phải chọn giữa chích kim và không khí để thở. Nhu cầu cần được thở sẽ thắng. Còn nhu cầu tính dục xem ra vẫn chưa phải là nhu cầu quan trọng nhất.

Từ khám phá này, ông **xây dựng một hệ thống nhu cầu theo cấp bậc rất nổi tiếng**, gọi là Tháp nhu cầu Maslow. Trong hệ thống này, ông đưa ra 5 nấc thang nhu cầu có nội dung bao hàm hơn, được xếp theo thứ tự từ nhu cầu vật chất cơ bản cần thiết đến nhu cầu tinh thần nâng cao như sau:

- 1) Nhu cầu sinh lý.
- 2) Nhu cầu an toàn.
- 3) Nhu cầu tình cảm và được chấp nhận.
- 4) Nhu cầu được tôn trọng.
- 5) Nhu cầu giác ngộ.



Các mức độ nhu cầu khác nhau:

1. Nhu cầu sinh lý:

Bao gồm những nhu cầu về khí oxy, nước uống, chất đạm, muối, đường, can-xi và những sinh tố vi lượng khác. Những yêu cầu này giúp cơ thể duy trì một độ pH cân bằng (không quá kiềm và không quá axit), một nhiệt độ ổn định 37 độ C, những nhu cầu vận động, nghỉ ngơi, bài tiết, giữ cho cơ thể ấm áp (khi trời lạnh), mát mẻ (khi trời nóng), tránh thương tật đau đớn. Nhu cầu tính dục sinh sản cũng thuộc nhóm này.

Maslow tin như thế vì kết quả nghiên cứu đã ủng hộ ông đây là những nhu cầu cần thiết của từng cá nhân một. Chẳng hạn như thiếu vitamin C, cơ thể sẽ tìm đến những loại thức ăn có chứa vitamin C. Ví dụ thường thấy ở các phụ nữ trong thời gian mang thai.

2. Nhu cầu an toàn:

Khi những nhu cầu sinh lý được bảo đảm và đáp ứng đầy đủ, một cá nhân thường có xu hướng đi tìm cho mình một hoàn cảnh sống an toàn ổn định và được bảo vệ. Họ có những nhu cầu mới về trật tự an toàn, nơi sống cần có tổ chức và những quy định giới hạn cụ thể.

Lúc này cơ thể không còn thật sự ưu tư đến chuyện ăn mặc, nhưng có những lo lắng băn khoăn về sự an toàn trong môi trường sống như: khu dân cư an toàn, công việc làm chắc chắn và ổn định. Họ nhắm đến tích lũy cho tương lai ngày mai. Họ lo về thất nghiệp, bệnh tật, tốn kém... nói chung là những nỗi lo **có cơ sở** lẫn những nỗi lo vô căn cứ khác.

3. Nhu cầu tình cảm và được chấp nhận:

Sau khi nhu cầu sinh lý và nhu cầu an toàn được thỏa mãn, nhu cầu tình cảm và được chấp nhận là nhu cầu kế tiếp. Bây giờ một cá nhân có nhu cầu về một người bạn tình, một vài người bạn thân, xây dựng gia đình, có con cái, được quan tâm và được chia sẻ. Nói khác đi, nhiều cá nhân cảm thấy sợ cô đơn, cảm thấy mình thiếu vắng. Họ có những lo lắng về mặt xã hội. Đây là những ưu tư thường gặp hằng ngày. Chúng ta muốn tổ chức đám cưới, muốn xây dựng gia đình hạnh phúc, tham gia các công việc cộng đồng, đi nhà thờ, tham gia hội đoàn, gia nhập

câu lạc bộ, đi chơi công viên, ngay cả việc chúng ta chọn những công việc có cơ hội tiếp xúc với con người.

4. Nhu cầu được tôn trọng:

Maslow chia nhu cầu này thành hai nấc nhỏ hơn:

(a) Nhu cầu được người khác tôn trọng với những giá trị tinh thần khác như danh dự, địa vị, vinh quang, được công nhận, được chú ý, có những tiếng khen tốt, được đánh giá cao, cả việc được thống trị và điều khiển người khác.

(b) Cao hơn thế là nhu cầu tự trọng như niềm tự hào, tự tin, có khả năng, đạt được thành quả, đạt được thành tựu, khả năng độc lập, tự do. Theo Maslow, một khi chúng ta đã có lòng tự trọng, sẽ khó có ai lấy chúng khỏi tay ta được.

Nếu không thỏa mãn được nhu cầu này, một cá nhân sẽ rơi vào trạng thái không có lòng tự trọng (hoặc có nhưng thấp). Họ vướng vào mặc cảm khiếm khuyết, cội rễ của những bất ổn về mặt tâm lý. Trong cuộc sống hiện đại, chúng ta không còn phải quá sức lo lắng đến nhu cầu vật chất và nhu cầu an toàn. Chúng ta tương đối bằng lòng với đời sống tình cảm của mình. Tuy nhiên, nhu cầu được tôn trọng đối với một số người xem ra vẫn còn là một vấn đề khó đạt được.

Maslow gọi 4 nhu cầu vừa nêu trên là “Động cơ vì thiếu hụt”, nghĩa là nếu không được thỏa mãn những nhu cầu trên, một cá nhân sẽ rơi vào tình trạng thiếu hụt và các nhu cầu này cần phải được đáp ứng. Khi các nhu cầu thiếu thốn này được thỏa mãn, ta sẽ không còn động cơ nữa và sẽ chuyển dần theo nấc thang cao hơn. Như tục ngữ của người Việt Nam có những câu: “Lợn no chê cám”, “Đói cơm tẻ thèm thịt thơm xôi, Khi no cơm tẻ tôi thôi mọi đàng”.

Maslow đưa ra khái niệm sinh học hằng định nội môi, là trạng thái tự điều chỉnh để bảo đảm tính ổn định cho những chức năng vận động bên trong của cơ thể, dù cho có sự thay đổi ở môi trường bên ngoài. Khi cơ thể cần một chất nào đó, tự động sẽ có một sự khao khát, nhưng sau khi cơ thể được thỏa mãn sẽ không còn cảm giác thèm muốn nữa. Điều này giúp cơ thể cân bằng: Không quá thiếu và không quá dư. Tất cả những nhu cầu trên đều có lối vận hành tương tự như thế.

Maslow tin rằng, tất cả nhu cầu tạo nên “động cơ vì thiếu hụt” rất cần thiết cho sự sinh tồn. Ngay cả nhu cầu tình cảm và được tôn trọng cũng rất cần thiết để duy trì một cơ thể lành mạnh. Ông cho rằng tất cả chúng ta có những nhu cầu này được cài đặt sẵn bên trong qua di truyền, giống như bản năng vậy. Ông đã đặt tên cho chúng là bản–bản năng (instinctoid – instinctlike).

Nói theo mô hình phát triển, chúng ta trải qua từng cấp độ nhu cầu tương tự như quá trình chúng ta trải qua những giai đoạn phát triển. Khi còn là trẻ sơ sinh chúng ta cần đến nhu cầu sinh lý qua những chăm sóc từ bên cha mẹ. Rồi sau đó các em bé cần có nhu cầu được an toàn. Rồi lớn hơn một chút, ta muốn được người khác chú ý và quan tâm. Lớn hơn nữa, ta có nhu cầu được tôn trọng và tự trọng. Những nhu cầu này có thể phát triển trước khi bé biết nói.

Dưới những điều kiện đầy áp lực, hoặc khi sự sinh tồn bị đe dọa, chúng ta có thể có xu hướng quay ngược trở lại quá khứ với các nhu cầu thấp hơn. Khi ta bị thất nghiệp hoặc bị sa thải khỏi sở làm, ta sẽ quay trở về với trạng thái khiêm tốn hơn trước đó. Khi mất tất cả những địa vị cao sang và rơi vào sa cơ thất thế, chúng ta thường nghĩ đến những bảo đảm kinh tế trước mắt.

Tình trạng này cũng xảy ra trên bình diện xã hội rộng lớn. Khi kinh tế của một khu vực hay một nước có những thay đổi, công dân của khu vực và những quốc gia ấy thường có những biểu hiện lo lắng dưới nhiều cung bậc khác nhau có thể nhận ra rất rõ. Khi chiến tranh xảy ra, người ta nhón nháo bỏ làng, bỏ phố đi sơ tán. Thiên tai bão lụt bao giờ cũng có những tác động tâm lý nhất định lên những người bị nạn và cả những người sinh sống xa cách với vùng bị nạn.

Theo Maslow, khi yêu cầu một cá nhân mô tả về mô hình cuộc sống lý tưởng trong tương lai, ta sẽ có một cái nhìn tương đối chính xác về những nhu cầu nào cá nhân ấy đang thiếu. Vì trong tâm thức chung, chúng ta thường nói về những điều chúng ta chưa có.

Một cá nhân có những vấn đề khó xử hoặc không có những phát triển thuận lợi – nhất là trong lúc thật cô đơn, bị hắt hủi, bị lạm dụng

và ngược đãi, đói khát, lo lắng, sợ hãi, cha mẹ li dị, chứng kiến cảnh người thân nằm xuống, v.v.. cá nhân đó có thể bị mắc kẹt trong nhu cầu đó suốt cả phần đời còn lại của mình.

Đây là cách mà Maslow giải thích về bệnh thần kinh. Ví dụ ta trải qua kinh nghiệm chiến tranh lúc còn là một đứa trẻ, chứng kiến nhiều tháng ngày đói khát vì khan hiếm thức ăn. Khi có đầy đủ điều kiện, ta vẫn có thói quen dự trữ thức ăn vì ám ảnh bởi những tháng ngày thiếu hụt. Hoặc nếu một chàng trai chứng kiến cảnh bố mẹ li dị lúc anh còn bé, giờ đây có một người vợ lý tưởng nhưng anh vẫn lo lắng bồn chồn, thâm ghen và lo sợ. Anh cứ u ám với ý nghĩ một ngày nào đó vợ sẽ bỏ anh ra đi như bố mẹ anh đã chia tay khi anh còn nhỏ.

5. Giác ngộ:

Đây là bậc phát triển cuối cùng trong nấc thang nhu cầu. Maslow gọi đây là “động cơ phát triển” để đối nghịch với khái niệm “động cơ vì thiếu hụt”.

Nhu cầu giác ngộ không liên hệ đến cân bằng hằng định nội môi. Nhu cầu giác ngộ không bao giờ bão hòa. Khi đạt đến cảnh giới này, một cá nhân luôn cảm nhận được nhu cầu này là rất thật, càng cảm nhận, họ cũng thấy mình sung mãn hơn. Đây là những nhu cầu liên hệ đến cảm xúc khát khao liên tục giải phóng trọn vẹn tiềm năng, trở thành viên mãn trong ý nghĩa làm người của mình. Đây là nhu cầu thúc đẩy con người trở thành toàn diện, sung mãn nhất. Là khả năng nhận ra chính chân giá trị của mình. Vì thế đây là cảnh giới giác ngộ hoặc đắc đạo.

Để đạt được cảnh giới này, trước hết một cá nhân phải không còn ưu tư về cái ăn cái mặc nữa. Họ sẽ không còn quan tâm đến sự an nguy và những nhu cầu tình cảm. Họ sẽ không màng đến danh lợi và không còn quan trọng hóa chuyện mình có được tôn trọng hay không. Theo Maslow, ngày nào một cá nhân còn bị “động cơ vì thiếu hụt” chi phối, thì người đó sẽ khó có được “động cơ phát triển”. Đơn giản hơn, ta không thể bước vào cảnh giới cao hơn khi những nhu cầu căn bản thấp hơn chưa được đáp ứng thỏa mãn.

Vì thế, chỉ có một phần rất nhỏ sống trên hành tinh này có thể đạt được cảnh giới giác ngộ một cách trọn vẹn hoàn toàn thật sự. Theo Maslow, chỉ có khoảng chừng 2% nhân loại đạt được cảnh giới này.

Cảnh giới giác ngộ:

Để mô tả cảnh giới giác ngộ, Maslow đã phân tích tiêu sử để rút ra những đức tính được xem là cá tính của một số nhân vật xuất chúng như Tổng thống Hoa Kỳ Abraham Lincoln, Thomas Jefferson, nhà vật lý Albert Einstein, phu nhân Tổng thống Eleanor Roosevelt, nhà hoạt động từ thiện cộng đồng Jane Adams, William James, Albert Schweitzer, Bebedict Spinoza, Aldulous Huxley và một số người khác sống cùng thời với Maslow mà ông cho là “đã giác ngộ”. Đây là những cá tính của họ:

- Rất nhạy cảm về thực tiễn, có thể phân biệt đâu là giả dối và đâu là thật thà. Luôn sống với lẽ thật và cổ súy giá trị chân lý.
- Rất nhạy cảm với các vấn nạn, nhìn vào những khó khăn trong cuộc sống như những vấn đề cần giải quyết, chứ không coi khó khăn là những điểm yếu của cá nhân. Tin là khó khăn đến từ hoàn cảnh bên ngoài có thể giải quyết được.
- Có cái nhìn rất khác về khái niệm phương tiện và kết quả. Tin rằng kết quả không nhất thiết để biện bạch cho phương tiện mà chính bản thân phương tiện tự nó đã là kết quả, và phương tiện trong hành trình làm người vẫn thường quan trọng hơn kết quả.
- Có những cách rất riêng để tiếp cận và liên hệ với những người khác. Trước hết, có sở thích sống độc thân lặng lẽ, cảm thấy dễ chịu khi ở một mình. Thích có một mối liên hệ sâu lắng với vài người bạn thân, người thân, hơn là quan hệ rộng rãi nhưng hời hợt với nhiều người khác nhau.
- Thích đời sống độc lập, với trạng thái tương đối độc lập với những nhu cầu vật chất và nhu cầu xã hội. Rất ngại khi phải đối diện với việc bị lôi kéo vào những nơi công cộng. Không thích sức ép đời sống xã hội, không dễ dàng hòa nhập hoặc thích ứng. Ít chịu phục tùng và thường có cá tính phá cách.

- Có một lối khôi hài nhưng không châm chọc, thường nói đùa và đem mình ra đùa, hoặc châm biếm những điều kiện cố hữu của nhân loại. Tuy nhiên không bao giờ chĩa mũi nhọn lời nói đùa của mình vào bất cứ một nhóm đối tượng nào.

- Chấp nhận bản thân mình và tất cả mọi người, đón nhận người khác như chính con người họ, sau đó thuyết phục người khác một cách khéo léo để trở thành người tốt hơn. Đối xử với bản thân mình cũng như thế.

- Biết thay đổi những đặc tính tiêu cực của bản thân nếu những đặc tính này có thể sửa đổi được. Là người tự phát và rất đơn giản, muốn là con người thật, hơn là phải nói dối và giả tạo. Và vì thái độ phá cách của mình, nhìn bên ngoài tuy có vẻ xu hướng truyền thống, nhưng thực ra là những người thường xúc động và sôi nổi.

- Khiêm nhượng và tôn trọng người khác – là những giá trị dân chủ, có nghĩa là mở rộng tầm nhìn, có thái độ với mọi nhân quan, họ chấp nhận mọi thái độ đạo đức và tất cả tính cách khác nhau, ngay cả việc tôn trọng những hình thái tư tưởng lập dị.

- Có một sự liên đới họ hàng với nhân loại hay còn gọi là khái niệm vì con người. Đây là một tập hợp những đức tính có hứng thú giúp đỡ xã hội chung, có nhiệt tình chung, đầy tính nhân văn, đầy tinh thần trong sáng nhưng không gò bó một cách truyền thống trong những khung tôn giáo.

- Luôn có những cách mới mẻ biết trân quý và tri ân cuộc sống. Có khả năng nhìn thấy sự việc rất khác, ngay cả với những việc bình thường dung dị bằng con mắt thần phục nên những việc đơn sơ vẫn mang tầm vóc và đáng đáp cao đẹp vĩ đại.

- Rất có khả năng sáng tạo, luôn thích thú trong vấn đề muốn phát minh và muốn mình là người đầu tiên trong một lĩnh vực nào đó.

- Sau cùng, người giác ngộ là người thường trải qua những kinh nghiệm rất sâu hơn người bình thường, có thể cảm thấy mình rất nhỏ hoặc rất lớn, có lúc họ cảm thấy mình là thiên nhiên và là một phần của Thượng Đế hay những hình thái siêu nhiên khác. Vì thế họ có cảm

giác mình sẽ là một sinh thể tồn tại trong khung cảm giác vĩnh hằng. Cảm giác này thường để lại dấu ấn trên cuộc đời của họ, càng làm cho họ trở nên hoàn thiện hơn, càng thúc đẩy họ hăm hở lao vào phục vụ quên mình. Họ là những hiện thân của thế giới kỳ bí, và là mô hình được tìm thấy trong nhiều tôn giáo và những quan niệm truyền thống.

Từ các phân tích trên, Maslow rút lại thành hai đặc điểm lớn của những người đạt được cảnh giới cao nhất này: (1) Những hệ giá trị của người giác ngộ rất tự nhiên và rất dễ dàng được chuyển tải từ nhân cách của họ đến với mọi người; (2) Người giác ngộ là người vượt qua những cặp phạm trù mâu thuẫn, ví dụ như: tốt - xấu, thiện - ác, đúng - sai, thật - giả, tinh thần - vật chất, ích kỷ - chan hòa ... vốn vẫn là những cặp phạm trù mà nhiều người khác vướng vào và thường đứng về một thái cực. Người giác ngộ chấp nhận tất cả những thái cực này.

Chính là “tâm bất nhị” vậy!

Hành trình đời người, trở về với Một:

Các nấc thang nhu cầu của Maslow từ thấp đến cao tạo nên hành trình của đời người: từ nhu cầu vật chất đến nhu cầu tinh thần và cùng đích là nhu cầu tâm linh, đạt giác ngộ và viên mãn. Chúng ta dường như không biết hành trình đó về đâu, nhưng thực ra Thượng Đế đã lập sẵn một kế hoạch. “Sống gửi, thác về”. Hành trình đời người là hành trình trở về, về với thiên nhiên, về với vũ trụ, về với Thượng Đế, về với Một!



Suy niệm về **THÁNH THẤT TRUNG HÒA MỘ ĐỨC**

VÔ NHAI TỬ

Trải hơn 80 năm (1939 - 2022) hình thành và truyền Đạo về Quảng Ngãi, nay Thánh thất Trung Hòa khởi công xây dựng ngôi tam đài - khẳng định quyền pháp giáo hội. Lễ trí thạch diễn ra ngày 09/7/Nhâm Dần, ngôi Thánh thể Đức Chí Tôn được kiến tạo uy nghi trong khuôn viên 1957m², chiều dài giáo sở 29,7m; Cửu Trùng đài dài 18m, lầu chuông trống cao 24m. Ngôi Thánh linh là địa chỉ của hơn 700 đạo chúng về sinh hoạt tu học, lễ bái hồi hương Thiêng liêng.

LAI LỊCH

Trung Hòa nằm gần trung tâm thị trấn Mộ Đức, cách TP. Quảng Ngãi 24 km về hướng nam. Nhắc nhớ lại nguồn cội cơ đạo được truyền bá về Quảng Ngãi, bắt nguồn từ hai thương nhân là Nguyễn Khiết ở làng Hoài An (Đức Chánh) và Trần Hào ở làng Đức Hải (Đức Lợi) thuộc huyện Mộ Đức.

Hai cụ xuất thân trong hai gia đình kinh tế khá, thường làm ăn chung với nhau buôn bán hàng nông sản. Năm 1935, đem đường dăm, đường muống chở trên chiếc ghe bầu vào Sài Gòn để bán, hai “thương gia” Quảng Ngãi quen biết với cụ Đoàn Văn Bản thuộc Thánh thất Cầu Kho. Từ đó, hai cụ cảm hiểu được tôn chỉ mục đích cao đẹp của Cao Đài giáo và xin nhập môn tu học. Đến cuối năm 1935, hai cụ về quê và đã lập thiên bản tại nhà cụ Nguyễn Khiết ở làng Hoài An xã Đức Chánh. Từ đó các cụ Nguyễn Khiết, Trần Hào, Nguyễn Tiên,

Nguyễn Giai... đã ra chí thành tu học, cúng nước, quì hương và cầu bệnh xin thuốc Thầy giúp người chữa bệnh. Lúc đầu hướng dẫn cho những người bà con trong thân tộc, chòm xóm nhập đạo, về sau mỗi đạo lan truyền ra cả xã, duyên đạo còn được gieo mầm lan rộng đến Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Đức Phổ v.v...

Đầu năm Bính Tý (1936), ông Nguyễn Khiết đã xây cất lại căn nhà của mình lớn hơn và hỷ cúng để làm Thánh thất Hoài An, tín đồ ngày càng đông và đã phát triển thêm nhiều Thánh thất khác nữa ở các địa phận lân cận như Thánh thất Sông Vệ 1937 (Tư Nghĩa), Thánh thất Nghĩa Lập 1937 (Đức Hiệp), Thánh thất Bồ Đề 1938 (Đức Nhuận)...

Năm 1939, đàn cơ tại nhà cụ Trần Nhiều (Sa Huỳnh) được Thánh linh cho phép lập Thánh thất mới đặt pháp hiệu là Thánh thất Trung Hòa tại thị trấn Mộ Đức. Nơi qui tụ tín đồ các Thánh thất Hòa An, Thánh thất Nghĩa Lập, Thánh thất Bồ Đề và một số bôn đạo của các xã lân cận như Đức Lương, Đức Phước, Đức Vinh, Đức Sơn thuộc quận Mộ Đức. Trong giai đoạn này, chư tiền bối tiêu biểu như cụ Lê Đức (Xã Lãnh), Lê Quang Viện, Trần Lạc, Trần Duyên, Phan Liễn, Trần Lương Hiếu, Phạm Dương, Phạm Công Quyết, Phạm Võ, Lê Văn... cụ Phạm Công Quyết đã tình nguyện hiến ngôi nhà để xây dựng ngôi thờ Thầy.

Năm 1946, các Thánh sở Cao Đài tại Quảng Ngãi được mở cửa sinh hoạt bình thường, bôn đạo các Thánh thất Mễ Sơn, Nghĩa Lập, Bồ Đề, An Thành và Hoài An được hiệp về Trung Hòa, các tên của các Thánh Thất trước đó được đổi lại là Thánh Xá thuộc về cấp xã đạo,

Năm 1953 toàn đạo đã tổ chức mở hội nhân sinh thành công. Cụ Trần Lạc được cử làm vị Đầu Họ đạo đầu tiên. Thánh thất Trung Hòa lập Ban Cai quản và hình thành 8 Ban Trị sự các xã đạo Đức Tân, Đức Phú, Đức Thắng, Đức Hiệp, Đức Chánh, Đức Nhuận, Đức Phổ và Hành Thịnh.

Sau Đại hội Nhân sinh, Trung Hòa mua một khu đất trên mé đồi, phía sau khu đất lúc bấy giờ là đồi hoang cây cối rậm rạp. Năm 1954, Thánh thất Trung Hòa được xây dựng trên khuôn viên mới, nhân sanh

đóng góp kẻ cây người tranh, ra công dựng nên một ngôi thờ Thầy thoáng và rộng, làm vách đất lợp tranh. Đàn cơ ngày 10/12/Ất Mùi (01/1956), On Trên điểm chỉ:

*Trung Hòa lúc tung bùng cảnh vật,
Bóng dương quang mấy bậc lần lên;
Thương yêu đoàn kết mới bền,
Cất nhà trước phải đổ nền cho cao.*

Thế theo nhu cầu và nguyện vọng của nhơn sanh, đầu năm 1958, Họ Đạo đã thống nhất và kêu gọi công quả xây dựng lại ngôi Thánh sở rộng và kiên cố hơn. Giáo sở được khởi công vào năm 1959, nhưng mãi đến năm 1961 hoàn thành nhưng ngôi nhị đài đến năm 1969 mới khởi công làm Bát Quái đài. Nhờ sự vận động tài chánh của các vị Lê Quang Sách, Phan Thanh Long, Nguyễn Dũng... mãi đến năm 1972 Bát Quái đài mới hoàn thành. Năm 1998, nhân sinh góp công hoàn thành tường rào, an định khuôn viên Thánh sở như hiện nay.

Trải gần thế kỷ thực thi quyền pháp thiêng liêng, chư vị Đầu họ Trung Hòa đã truyền thừa nối tiếp gìn giữ giềng mối cơ tận độ: Đạo huynh Trần Lạc, Giáo hữu Ngọc Thiên Thanh (Lê Hoàng Thiên), Lễ sanh Thượng Lạc Thanh (Trần Lạc), Lễ sanh Ngọc Duyên Thanh (Trần Duyên), Lễ sanh Thượng Long Thanh (Phan Thanh Long), Lễ sanh Thượng Diệu Thanh (Huỳnh Diệu), LS. Thái Tụ Thanh (Lê Tụ) và hiện nay LS. Thái Bình Thanh (Đoàn Bình).

DÒNG SUY NIỆM

Tám mươi năm (1939-2019) là hành trình dài, Thánh thất Trung Hòa hình hiện và trải qua nhiều sự kiện như một dòng chảy đầy biến động. Tám mươi năm khơi lại dòng sông ký ức cơ đạo tại Quảng Ngãi vẫn còn âm vang kinh kệ, lấp lánh hình ảnh nhân sinh áo trắng tụ hội về nương nhà Thánh Hoài An, Nghĩa Lập, Bồ Đề... Trải qua gần một thế kỷ, dòng đạo sử lên thác xuống ghềnh. Nhưng nguồn mạch tâm linh vẫn sáng ngời ân oai quyền pháp, bản đạo Trung Hòa vẫn nhưt tâm hồi hướng Thiêng liêng. Tám mươi năm gióng chuông cứu thế độ đời, từ Trung Hòa nhiều bậc thừa sai chân tu đã không ngại khổ nạn,

hy sinh phụng đạo. Từ Trung Hòa, nhiều gương sáng đạo hạnh của chư tiên bối đã an nhiên dẫn thân cho đạo nghiệp, hướng đến tương lai thiện lành, chân phúc.

Tám mươi năm Trung Hòa kiến tạo nên ngôi Thánh linh thị hiện pháp thể Đại Đạo. Ngôi tam đài chan hòa hồng ân, phúc Thánh che chở đồ chúng tu học lập công. Giáo sở Trung Hòa qua nhiều lần tái thiết tu bổ vẫn sừng sững trước mọi thử thách, và nay không còn thích nghi với các nhu cầu đạo sự.

Nhân sinh Trung Hòa cần ngôi Thánh thể to rộng hơn, tồn tại vững chãi tỏ rạng ơn lành Thầy Mẹ, nhờ cội phúc Chư Thánh Tông Đồ ban bố, dìu dẫn nhân sinh tinh tấn chăm lo thực tu thực chứng.

Nhắc nhớ một vùng Thánh tích tại Quảng Ngãi, bốn đạo Trung Hòa nguyện sống trọn lành trong Thánh thể Đức Chí Tôn, mãi thị hiện quyền năng độ sanh độ tử theo ơn Thầy pháp Đạo. Hướng về công trình dựng ngôi tam đài pháp thể, nhân sinh Trung Hòa sống đạo trong hồng phúc Thiên thiêng: *“Thầy rất đẹp lòng trông thấy nơi đây các con đã hòa nhau mà xây dựng nên ngôi Thánh đường... Thầy sẽ luôn luôn che chở các con sống được yên lành trong Thánh thể”*.

Nguyện chí thành tri ân sâu sắc chư Tiên khai Đại Đạo, liệt Thánh Tông Đồ và chư sư hữu quá vãng.

Nguyện tri ân các nguồn đóng góp công đức xây dựng ngôi Thánh linh. Nguyện chư thiện tâm và toàn đạo thăng tiến tâm linh, trọn hưởng ơn tận độ.

Chúng con nguyện luôn tinh tấn tu học, tâm thành giữ trọn hạnh khiêm nhẫn. Nguyện thấm nhuần đức tin sáng suốt, thân hòa và yêu thương huynh đệ đồng đạo. Nguyện chu toàn phận sự, nhiệt thành hiến công cho việc kiến tạo Thánh thể Đức Chí Tôn hoàn thành viên mãn.



CÂU CHUYỆN MÙA BÁO HIẾU: “ĐỂ ĐÓ MẸ LO!”

Thế Tuấn st

- A-lô. Anh Hai hả? Anh đang ở đâu vậy?

Anh Hai đang ở cơ quan, có gì không Út.

Chiều về sớm tranh thủ qua nhà em đón mẹ về anh chị nhé!

- Ủa còn ba ngày nữa mẹ mới qua nhà anh mà? Sao đón sớm vậy?

- Em biết, nhưng mai vợ chồng em đi du lịch với cơ quan cả tuần mới về.

Anh Hai đón mẹ về nhà anh sớm vài hôm, tháng sau em bù lại cho.

- Thôi được rồi, để anh về bàn lại với bà xã rồi tính sau.

Nghe cuộc nói chuyện của cô con gái, bà Tư buông tiếng thở dài nã ruột. Bà đứng lên lững thững bước chậm ra sân. Bà Tư cầm cái chổi lên quét quanh sân nhà mà lòng ngổn ngang bao nỗi niềm. Bà Tư nhớ lại:

Chồng chết sớm để lại cho bà hai đứa con còn thơ dại. Lúc đó thằng Hai vừa mới chập chững biết đi những bước đầu tiên, con Út thì đang còn nằm trong nôi. Biết bao nhiêu khổ cực dồn hết đôi vai của bà, một sớm hai sương bà tảo tần lo cho hai đứa con khôn lớn. Con Út muốn se sua với bạn thỏ thẻ với bà “Mẹ ơi, con muốn mua áo mới”, thằng Hai “Mẹ ơi, cho con tiền mua chiếc xe đạp”. Bà vui vẻ “Uhm. Để đó mẹ lo”. Cứ thế thằng Hai con Út trưởng thành chỉ biết ăn và học trong vòng tay của mẹ đến khi ra trường và lập gia đình riêng. Cả hai đứa đều thành danh trong xã hội. Lúc hai đứa con còn nhỏ, tuy nghèo nhưng rộn rã tiếng cười. Bà Tư buông tiếng thở dài, bà tiếc nuối cái thời gian mẹ con đầm ấm đã qua...

Tiếng chuông gọi cửa làm bà Tư giật mình. Bà vội ra mở cửa, con dâu ào vào, thằng Hai theo sau. Con dâu lên tiếng.

- Cô Út có nhà không mẹ?

Bà vừa đóng cửa lại vừa trả lời

- Nó ở trên lầu đó. Cơm nước gì chưa mà bây qua đây.

Cô con dâu không trả lời, đi vội vào trong nhà. Cô Út nghe ồn ào dưới nhà liền chạy xuống. Chị dâu liền hỏi.

- Cô Út làm gì mà tôi gọi chày máy không chịu nghe

- Em ở trong phòng xếp mấy bộ đồ để mai đi.

Cô đi rồi mẹ tính sao?

Cô Út hơi khó chịu

Thì em có gọi cho anh Hai nhờ đón mẹ về bên anh chị vài hôm rồi mà.

Cô dâu gắt...!!!

Không được. Mai cuối tuần vợ chồng tui cũng có việc đi tỉnh phát quà từ thiện hai ngày mới về. Cô Út xem tính sao thì tính.

Cô Út lớn tiếng.

- Anh chị làm gì mà khó khăn vậy. Đi phát quà từ thiện thôi mà có cần phải gấp vậy không. Chị lúc nào việc nhỏ cũng làm lên cho nghiêm trọng. Chờ em về rồi hãy đi!

Cô con dâu cũng không vừa.

- Vậy sao cô không ở nhà đi để khi nào đến phiên mẹ qua tui rồi cô đi du lịch. Bà Tư sợ mấy đứa con nhìn thấy nên quay mặt đi nơi khác để lau vội giọt nước mắt đang trào ra vì kiềm lại không được. Chờ cho cục đặng nghẹn ở cổ trôi xuống. Bà Tư vui vẻ cười ha hả nói:

- Chuyện nhỏ mà sao tui bây ầm ĩ thế. Được rồi để đó mẹ lo.

Thằng Hai chen ngang

- Mẹ lo cách nào?

Bà Tư chậm rãi nói:

- Lâu quá mẹ không về quê, sẵn dịp vợ chồng con Út đi du lịch mười hôm, vợ chồng thằng Hai cũng bận. Luôn tiện này mẹ cũng muốn về quê ở chơi với dì Năm bây vài hôm.

Bà Tư nói xong, mấy đứa con đều nhất trí cái cách giải quyết của bà.

Con Út lên tiếng.

- Vậy thì mai anh Hai cho tài xế qua chở mẹ ra bến xe.

Bà Tư lại vui vẻ cười to để cho mấy đứa con yên tâm.

- Cứ để đó mẹ lo. Mai mẹ nhờ chú Ba xe ôm đầu ngõ chở mẹ ra bến xe được rồi.

Đêm hôm đó bà Tư suy nghĩ nhiều lắm. Tháng này ở nhà con Út thì tháng sau ở nhà thằng Hai. Bà Tư cảm thấy mình làm vương bận cho con cái, vì mình mà hai anh em cãi nhau về chuyện ăn ở của bà. Làm mẹ, bà không đành nhìn cảnh như vậy.

Tuần sau

- A- lô cô Út hả? Cô về chưa.

- Còn hai hôm nữa em mới về. Có gì không anh Hai.

- Hôm nay anh nóng ruột quá nên gọi cho dì Năm hỏi thăm mẹ, thì dì Năm nói không thấy mẹ về nhà dì Năm.

Thế là cô Út và anh Hai cãi nhau ầm ĩ. Người này đổ lỗi cho người kia.

Cô Út đành phải bỏ cuộc du lịch bay về cùng anh Hai đi tìm mẹ khắp nơi nhưng vô vọng.

Năm năm sau.

Tại một ngôi chùa ở ngoại ô cách xa thành phố, có một ngôi mộ lẻ loi ở sau chùa. Trên tấm bia có ghi phần mộ bà Nguyễn Thị Tư.

Pháp danh... Mất ngày... tháng... năm...

Không rõ nhân thân.

Mọi người trong làng kể lại. Cách đây 5 năm, có một bà cụ từ đâu đến xin ở trong ngôi chùa nhỏ này. Từ đó ngôi chùa trở nên sạch sẽ nhờ bàn tay chăm chỉ của bà cụ. Sớm tối bà cụ tụng kinh gõ mõ. Bà cụ hiền lành phúc hậu nên được mọi người dân làng yêu quý, họ đem đến cho cụ mớ rau, khoai củ và những cây nhà lá vườn. Cứ thế, bà cụ sống nhờ vào lòng yêu thương của dân làng. Mọi người ở đây ai cũng nhìn thấy được cụ bà có một nỗi niềm gì đó mà không tỏ cùng ai. Vì nét mặt của cụ luôn toát lên một nỗi buồn phảng phất cho đến tận lúc bà ra đi mãi mãi...

Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng

Con nuôi cha mẹ tỉnh thánh kể ngày

Đọc xong suy ngẫm! Báo hiếu cha mẹ.

QUAY ĐẦU

TRƯƠNG DUY

Khi hiểu rõ vô ngã thì gánh nặng của cuộc sống sẽ được bỏ xuống, sẽ an lạc với mọi sự. Không còn dính mắc vào tự ngã. Vào hạnh phúc thì sẽ có hạnh phúc thật sự. Hãy tập xả bỏ một cách tự nhiên, không cần tranh đấu gay go, chỉ đơn thuần xả bỏ, sự vật thế nào thì cứ để nó thế đó, không nắm giữ, không dính mắc, tự do giải thoát.

AJAHN CHAH

Từ mấy năm nay, Trần Luyến không có một chút khái niệm nào đến việc tu cầu giải thoát. Anh còn tỏ vẻ không hài lòng khi nghe ai đó nhắc đến điều này là chẳng khác! Anh ấy tự vạch ra cho mình một giới hạn cứng chắc như đinh đóng cột rằng “*Tôi chỉ muốn mình là một tín đồ bình thường thôi!*”. Lời phát biểu này được lặp đi lặp lại nhiều lần và lần nào ngôn ngữ ấy cũng được khoác lên mình một chiếc áo mỏng manh, hời hợt như thế. Hời hợt vì chưa nghĩ sâu về lời nói của mình, mỏng manh vì bề dày niềm tin của chàng như cánh chuồn chuồn kim, bé tí tẹo, chỉ cần một cơn gió nhẹ mơn man thổi ngược là đã đẩy lệch hướng bay vốn còn mập mờ vì chưa đủ thời gian và điều kiện để anh ấy tự thấp sáng lối đi! Nói rõ ra, với phát ngôn trên cho thấy anh chàng chưa được chạm chân đến bậc thêm đầu tiên của ngôi nhà Đạo, chứ nói chi việc mấp mé bước vào ngưỡng cửa của một tín đồ bình thường! Nói thế vì rõ ràng Luyến chưa vững vàng về việc xác định mục đích và tôn chỉ của nền Tân Pháp Kỳ Ba! Huynh đệ thân thiết ai cũng sợ rằng với nhận thức còn non yếu như thế thì khi gặp chương duyên, anh dễ bị tổn thương ý chí, rồi thôi chuyển hay sa ngã lắm!

Tiếc thật! Trước kia, với độ tuổi trung niên, sức sung mãn còn tràn đầy; bầm sinh vốn người cao to, phong độ; anh lại có tính hiền hòa, đĩnh đạc, siêng năng, chăm chỉ trong số lần tham gia công việc chung. Nhưng chỉ tùy hứng thôi! Đặc biệt, anh vẫn là người độc thân, kinh tế gia đình vững vàng nên không bị vướng bận gì khi được bố trí công việc tại Họ Đạo. Nghĩ là, con đường đi vào đạo nghiệp của anh ở phía trước vẫn còn thông thoáng và có đủ điều kiện để mở lối thênh thang; Mà, tiền đồ của Họ Đạo đang cần người đồng lòng chung vai gánh vác. Thế thì thuận lợi biết bao! Nhưng, đó chỉ là lý thuyết. Cái rào cản bằng bê tông cốt thép, cao vọt vọt đang ngăn bước chân anh bao giờ cũng là *“chỉ muốn làm một người tín đồ bình thường thôi”*! Hẳn nhiên, đó chỉ là cách nghĩ mọt mọt, dễ dãi của anh!

Dưới mắt của Luyện thì việc gì cũng đơn giản và dễ dãi cả, ngoại trừ chuyện lập gia đình!

Thế lực của anh có thể nói là còn tốt; tuy nhiên, tuổi anh đã gần xế chiều nên không đủ nhuệ khí và tự tin để đi tìm cho mình một nửa mảnh ghép còn lại đâu! Có lẽ vì thế nên anh ít nói và cũng chẳng muốn giao tiếp với ai. Cứ thế mà sống, mà lầm lũi với một cõi trời riêng! Vậy chứ, hễ có ai khuyên Luyện vào hàng ngũ chức việc để lập công thì anh cứ lắc đầu nguây nguây, kèm theo lời phản kháng mạnh mẽ, hùng hồn: *“Còn để tôi có thời gian đi tìm vợ nữa chứ!”*. Rồi bực dọc bỏ đi!

Tóc anh đã bắt đầu điểm vài sợi bạc, vậy mà mỗi khi Họ Đạo bố trí cho anh đảm nhiệm một cương vị nào đó, thì Luyện lại từ chối một cách thẳng thừng: *“Tôi còn phải đi xin việc làm để “kiếm cơm và dưỡng già”*. Rồi anh lảng lảng bước sang nơi khác! Mà anh đi đâu cơ chứ? Đi xin việc ư? Ai cũng bảo: Thời buổi này mà công ty nào còn nhận người đã quá tuổi sáng tạo và năng động? Hẳn nhiên rồi! Hầu hết nơi đâu cũng đề ra mục tiêu là: Tạo ra sản phẩm vượt trội nhằm đáp ứng cho nhu cầu cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường. Chỉ có thể là anh về làm việc nhà mà thôi! Ừ nhỉ, gia đình có nhiều ruộng vườn; bố mẹ anh thường than vãn: *“Chúng tôi đã già rồi nên làm quần quật suốt ngày vẫn không hết việc”*, sao lại phải đi xin việc? Nghe mà thấy lạ!

Lúc khác, trong khi đang đọc sách, tự dưng Luyện thấy những dòng chữ cứ nhảy nhẩy, dong đưa, nhật nhòa trên trang giấy. Anh vô cùng kinh ngạc rồi ngẫm nghĩ: Có phải nơi này bị thiếu ánh sáng chẳng?

Hay là có cơn gió nào đó mang chất cay cay, nồng nồng đi lạc vào đôi mắt? Anh vội vàng đi rửa mặt và tìm nơi sáng sủa hơn. Các hình thức đối trị đó cùng với các phương pháp ứng biến khác được đem ra áp dụng kịp thời nhưng cũng chỉ khắc phục tình huống một cách khiên cưỡng mà thôi! Những lúc ấy, anh chỉ đọc rõ chữ được một phần hay nhiều lắm nửa trang giấy là cùng. Rồi đầu lại vào đó. Thỉnh thoảng, cũng có người cảnh báo: Đó là triệu chứng cho thấy hào dương của anh đã bị hao hụt đấy, mau thọ Pháp tu châu kéo trễ! Anh liền lùng bùng trong miệng, không rõ tiếng lắm: *“Thời buổi bốn chám không đầy năng động này mà còn ngồi yên một chỗ hít thở được sao?”*.

Thế đấy! Có nhiều biểu hiện khác diễn ra đều na ná như thế. Lại còn nghiệt ngã hơn; đó là, trong gia đình cũng có nhiều người ủng hộ theo suy nghĩ của Luyện; họ nhận thức còn lệch lạc câu nói của cổ nhân, mà vội oang oang mượn cớ để bệnh: *“Dục tu Tiên đạo, tiên tu nhơn đạo, nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỹ”*. Họ bảo Luyện rằng: Người xưa đã dạy vậy, thì thôi, mình lo tu cái đạo làm người đi cho xong, chứ thời gian và công sức đâu mà nghĩ đến chuyện Phật Tiên? Họ còn chắc lưỡi và ta thán *“Ồi trời. Toàn chuyện viễn vông”*! Dĩ nhiên, với vốn am tường về tôn chỉ mục đích của nền Tân Pháp ở Luyện còn non nớt như thế! Và cũng chỉ ngần ấy chí hướng và lập trường nên anh nghiêng hẳn về phía có lực lượng áp đảo kia!

Đó. Tín đồ bình thường theo Luyện hiểu là như thế đó!

Hèn chi mà ngày xưa, Trần Huyền Trang đi thỉnh Kinh; khi về, Ngài đứng bên bờ sông Hằng khóc ròng mà bảo rằng: *“Ồi, Ngài Cổ Đàm tu thành Phật đã hơn nghìn năm rồi, mà sao nay ta còn đứng đây?”*

Hèn chi mà từ khi mới phân lập đất trời, các bậc Thần Tiên lần lượt thay nhau xuống thế mở Đạo độ đời, mà đến nay phải còn tồn đọng đến *“cửu thập nhị tào chi mê muội”*! Ôi, không lẽ, buổi Tam Kỳ này cũng chỉ có số người giác ngộ khiêm tốn như hai lần trước sao?

Không lẽ muôn kiếp nhân sinh đã phiền não đến thế, mà người trần còn mãi đắm say, bám đuổi theo ảo ảnh? Ôi, hình sắc không thật như ánh trăng soi đáy nước, như bóng mây vừa mới qua sông, vậy thì lấy gì làm chắc để nắm giữ, để dính mắc, để tựa nương?

Thế rồi, không ai thoát khỏi luật vô thường, ngoại trừ khi đã tu chứng đắc!

Thế rồi, những nàng tiên trong tâm tưởng của Luyến đã lần lượt ra đi. Trong số ấy, có người “học đòi”⁽¹⁾ theo phong cách thời a còng. Họ tự cho mình cái quyền “phá cách” lối sống thuần phong mỹ tục mà Thánh Ngôn, Thánh giáo đã nhủ khuyên. Họ bị bao vây, giam hãm bởi cảm xúc và đam mê của lối yêu vớ sống cuồng mà quên bằng câu: “Gái tiết hạnh giữ tròn danh giá...” như lời Kinh Sám Hối đã răn dạy; giống như con chữ a cô độc bị khuyên tròn bởi cái vòng luẩn quẩn, không nẻo thoát ly ở nơi ký hiệu mang tính thời đại ấy!

Thế rồi, Luyến lò dò đến một số công ty, xí nghiệp để xin việc. Có dăm ba vị trong ban quản trị hoặc là tổng giám đốc xoi mói nhìn một vài tia nắng xé chiều rơi lạc loài nhuộm màu thời gian trên mái tóc đã bắt đầu lưa thưa dần của chàng. Dĩ nhiên là họ đều cười mỉm rồi lắc đầu lia lịa!

Thế rồi, Luyến hí hửng bước ra thị trường đầy năng động kia; chàng bắt gặp ở đó nhiều lọc lừa, dối gian, gạt gẫm... nên tuổi già của Luyến khó mà sánh kịp! Tâm trí của chàng cứ ỳ ra đó chứ không còn đủ nhạy bén để đuổi kịp sự phát triển toàn diện, đổi mới ở quanh đây, chứ đừng nói chi đến nền văn minh vượt bậc của nhân loại! Cuộc chạy đua không cân sức đã làm chàng mệt mỏi do bị thất bại này đến thua kém khác! Có nhiều hôm, vì quá nhức đầu, chàng phải tìm nơi yên tĩnh, ngồi lặng lẽ hàng giờ để xả stress. May thay, bản năng sinh tồn muốn thế rồi làm thế, chứ chẳng có ai dám đụng đến mà bảo ban! Lâu rồi, những lần buông xả một cách tự nhiên ấy cũng hình thành thói quen. Luyến còn nghĩ đến việc phải tìm một ai đó để học tập cách ngồi tĩnh lặng có phương pháp và hiệu quả hơn kia! Diệu kỳ thay, lâu dần, lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát đã thấm thấu vào lòng chàng tự lúc nào: “*Thế gian cơn hỗn độn, hư thiệt đều chung lộn. Hồi hướng biết về đâu? Kia Cao Đài nhất bốn!*”.

Tôi về, Luyến thường nằm gác tay lên trán, ngẫm nghĩ đoạn đời đã đi qua. Ừ nhỉ, theo cách tính thông thường thì đã hơn hai phần đời người rồi chứ còn gì!

Mãi sau rồi, ta sẽ về đâu?

Cuối cùng thì, ta cũng đã về không đây thôi!

⁽¹⁾ Từ mượn trong Kinh Sám Hối.

Có hôm, mỗi một vì thất vọng nào nề, Luyến ngủ thiếp đi bao giờ chẳng hay. Trong mơ, chàng thấy mình bỗng nhẹ tênh như cơn gió bay lạc vào khu vườn thần tiên tràn ngập nắng hồng và thoai khí, nơi đây, đối với chàng, tất cả những lâu đài, hương hoa, sắc màu và đường đi lối lại... đều có một chút gì đó thân quen, gần gũi nhưng cũng thấy ngỡ ngàng, cô độc và lạ xa! Kỳ diệu thay! Thoắt cái, Luyến đã đến một nơi khác. Lúc này, chàng có cảm giác như bị lạc lỏng giữa đất trời vắng vẻ, mập mờ sương khói. Chàng mới vừa suy nghĩ đến việc không có một ai để hỏi thăm, thì liền thấy loáng thoáng có hai vị lão bối mặc đạo y màu trắng, râu tóc bạc phơ trông có vẻ quắc thước lắm bỗng đứng xuất hiện. Chàng chấp tay, cúi đầu thi lễ rồi hỏi:

- Thưa quý các ngài, tôi đang ở đâu và vì sao mà đến đây?

Một trong hai vị lão bối bình thản đáp:

- Ông gần như đã chết rồi và sắp đi theo nghiệp dẫn dắt!

Đột nhiên, chàng hoảng loạn gào lên:

- Chết rồi ư? Đang theo nghiệp dẫn ư? Tôi chưa kịp tu mà!

Luyến vùng vằng bỏ chạy ngược lại. Trong cơn hồi hải, cuống quýt, chàng bị rơi tòm xuống một dòng sông mang mang sóng cuộn, không biết đâu là bến bờ. Chàng gắng gượng mở to đôi mắt để nhìn cho rõ hơn, nhưng cũng chẳng thấy gì, ngoại trừ những cơn sóng dữ đang ập đến liên hồi. Sau một thời gian khá lâu vận dụng hết khả năng tự vệ, Luyến bị đuối sức nên uống nước, ho sặc sụa. Cơn ho thốc tháo ấy làm chàng tỉnh lại. Trong đêm thanh vắng, Luyến biết mình đã khóc; vì hai dòng nước mắt còn đầm đìa, đang lăn dài xuống đôi má đã bắt đầu xuất hiện nhàn nhạt một vài nếp nhăn. Có phải chàng khóc vì lo sợ về những gì đã diễn ra trong mơ? Hay khóc vì “*Biển trần khổ vơi vơi trời nước*” mà chàng vừa bị sa chân, ngụp lặn, đắm chìm?

Luyến dụi mắt, định hỏi tiếp:

- Thưa ngài vì chưa tu nên tôi sợ nghiệp dẫn lắm, bây giờ phải làm sao đây? Xin ngài “chỉ đường vạch lối con nguyên bước theo”!

Tự dưng Luyến thay đổi cách xưng hô một cách đột ngột, làm chính anh ta cũng thấy ngỡ ngàng! Khi chàng quay lại, định hỏi và chờ đợi câu trả lời thì cũng vừa lúc hai vị lão bối đã biến mất. Bây giờ; tâm trạng của Luyến vừa bối rối, vừa hoang mang, lo lắng. Trong lúc anh

tức tối, vò tai bứt tóc vì chưa hỏi được điều cần thiết thì nghe đâu từ sâu thẳm của tâm hồn, lời dạy của Đức Quan Thế Âm bỗng vang vọng, nghe thầy rất nghiêm nghị mà cũng vô vàn dịu ngọt như lời ca dao của mẹ ngày xưa đong đưa theo nhịp võng, vỗ về:

“... *Hỏi hướng biết về đâu?*

Kìa Cao Đài nhất bốn!... ”.

Mãi sau này, chàng mới cảm thọ rằng tuy đó là con ác mộng; không thật, nhưng lại là lời cảnh báo tràn đầy phước duyên. Nếu không thì đã hơn bốn tí rưỡi năm rồi chàng “còn mãi ra đi” và cũng chẳng bao giờ thêm quan tâm đến việc quay lại để tự hỏi “đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt”?

Luyện chà xát hai lòng bàn tay vào nhau rồi xoa mặt, Bây giờ, vàng thái dương từ phương đông như còn ngái ngủ đang bắt đầu chiếu hắt những tia nắng hồng lên vài ngọn cây cao ở gần nhà. Rồi hồi chuông báo đàn của Thánh Đường ngân vang, ngân vang..., dường như tiếp sức cho ánh bình minh đẩy lùi bóng tối chìm dần xuống đất hoặc còn lẫn trốn trong kẽ lá vòm cây.

Luyện vươn vai hít thở một hồi rồi chợt nghĩ: Ừ nhỉ, bao nhiêu năm rồi ngũ uẩn đã mặc định thành một vòng tròn bao quanh thức thần như màn đêm bao trùm cảnh vật. Bởi vậy, những ham muốn của chàng trước đây như vợ con, tiền tài, chỗ đứng trong xã hội... đã hóa thân vào tự ngã, khó mà chuyển biến được! Rất may, trước đây nó không là thuận duyên nên bây giờ không thành nghịch khảo! Cũng có thể đến một lúc nào đó, những thất bại đôi khi lại thành cơ may! Như chuyện Tái Ông mất ngựa, chẳng hạn.

Bây giờ thì vận may của Luyện đang âm thầm bước đến.

Ánh Thái dương cũng đang rực rỡ, rạng ngời.

Dù sao thì những ước muốn nhân gian không thành của Luyện cũng đã làm cho lối sống của chàng chậm lại một chút. Nhờ sự chậm lại một chút đó đã tạo sự tĩnh lặng cần thiết để chàng nghiệm sâu, biết rõ “*quay đầu là bờ*” mà Phật tông đã dạy. Và, cũng nhờ vậy nên Luyện hiểu được THUẦN CHƠN VÔ NGÃ là con đường của THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT!

Tự do giải thoát.



Cảm thu ...

Mai Hậu

*Nhẹ nhàng như chiếc lá rơi
Trở về nguồn cội thanh thoi với đời
Bao nhiêu mộng ước một thời
Chôn vào lòng đất không lời tiễn đưa
Chẳng còn lo nắng lo mưa
Chẳng còn đợi sớm chờ trưa mỗi ngày
Cuộc đời như một áng mây
Khi tan khi hợp khi bay khi dừng
Bên nhau cảm thấy vui mừng
Xa nhau cảm thấy rưng rưng lệ sâu
Dầu cho biển rộng sông sâu
Thì tình ta vẫn một màu không phai.*

Lại về Hội Thánh

(Kỷ niệm khóa Lễ sanh tại Hội Thánh tháng 4/Nhâm Dần)

Nguyễn Quốc Huân

*Tháng Tư Bữa tòa nắng trắng
Chùm hoa đỏ nở lung linh
Người về dâng lòng chí nguyện
Nghe hồi chuông Thánh gọi tên*

*Đưa được Thầy thương khấn tạ
Thầy cho con nhận rõ mình
Phép linh bưng trong khờ khạo
Soi đường sáng lẽ hằng sinh*

*Đà Nẵng ngày về tỉnh thức
Này anh này chị trung châu
Cúi xuống hôn đầu ngọn cỏ
Ngưỡng trông vầng nguyệt trên cao*

*Đà Nẵng đường xa mấy dặm
Chúng mình là những cánh chim
Tầm bay nối vòng dẫu bể
Trong tình yêu Đấng Trọn Lành*

*Từ trong mạch nguồn thường chuyển
Rồi mai một hẹn cùng nhau
Nẻo hạnh dẫn lòng vững bước
Tĩnh yên hòa một nội cầu.*

Nơi có tình thương là có Mẹ

Nguyễn Quốc Huân

*Cây lá đã và đất trời cũng đã
Châm chậm vào thu nguyệt chính viên
Ngày của Mẹ của tình thương, sự sống
Đôi bước đời con có lòng Mẹ từ huyền*

*Con có Mẹ thuở hoài thai trường tiến hóa
Kiếp quần sanh ơn dưỡng dục chứa chan
Qua muôn dặm luân hồi thân giả tạm
Mẹ trong con từ ái khí sanh quang*

*Ở đâu có tình thương là có Mẹ
Nơi ấu thơ đau khổ chịu cơ hàn
Nơi phận liễu bị dập vùi, bất hạnh
Mẹ vỗ về từng chăm chút, đỡ nâng*

*Con hư hèn cũng là con của Mẹ
Rút ruột sinh ra vô biệt, vô biên
Tình vô cực háo sanh từng hơi thở
Nghĩa Kim bàn giọt ngọc chuyển duyên thiên*

*Rằm Phật mẫu con kính cầu ơn cứu độ
Thân tâm này hành hóa đức nguyên sơ
Trong phiền não vàng trắng gieo ánh sáng
Soi đường con đi hạnh phước được quay bờ*

*Mẹ là con, các con là Mẹ
Dòng sinh sôi vô thủy đến vô chung
Trong mạt kiếp trầm luân trường khổ hải
Bàn tay thương Mẹ dịu dặt vượt đêm trường!*

Sông vẫn chảy

ĐỖ THỊ KẾT

*Có thể
người đưa đò không tài nào nhớ khách
Có thể
khách sang sông không nhớ nổi kẻ đưa đò
Giữa tấp nập bộn bề
Giữa bão lớn mưa to
Khi cuộn cuộn đục ngầu
Lúc trong veo dòng nước
Gió bụi
Thời gian
Sao biết được
Đó đây
Mặc khách
Phong trần ...
Có thể
Xa thật xa
Gần rất gần
Người đi đâu về đâu
Mất hay còn
Dòng sông vẫn chảy!*

Không đề 6

ĐỖ THỊ KẾT

Ta đang giữa chốn rộn ràng
Mà nghe sao
những ngổn ngang bời bời
Miên man nghĩa đạo ơn đời
Rủi - may
Họa - phúc
Ai ơi
Cuộc người
Ơn ai
Giọng nói
Tiếng cười
Trong ấm áp
những buồn vui thế trần
Ơn người
Ơn những băng khuâng
Những xuyên xao
Những bản thân
Biết sao !

Không đề 7

ĐỖ THỊ KẾT

Ngọt ngào
Giấc mộng
Vườn xưa
Mơn man gió nhẹ
hương đưa say nồng
Trời xanh
Mây trắng bênh bồng
Reo vui nắng hạ
Phượng hồng rực hoa
Lời ru
theo mãi cùng ta
Hoàng hôn
ngơ ngẩn
Chiều tà
xuyến xao
Cánh chuồn
bay lượn
ngiên chao
Vườn xưa
Giấc mộng
Lòng nao nao lòng

Không đề 8

ĐỖ THỊ KẾT

Mưa xối xả
tuôn tràn bao góc ngách
Góc ngách nào
cũng trứng ướm
trơ vơ
Gió chuyển mùa
Cây lá xác xơ
Đi đâu
Về đâu
Dòng người hối hả
Góc phố kia
Loài hoa rất lạ
Ướt mềm
Lan tỏa mùi hương
Ngọt hạt rồi
Chiều hạ
Vấn vương !

Thương mùa lá rụng

TRẦN DÃ SƠN

Lá rụng trở mình trên ngọn cỏ
Vô tình ngọn cỏ vọng thanh âm
Tôi thấy mùa Thu qua vời vợi
Sắc vàng hoa cúc cũng mênh mông

Lá rụng trở mình trên ngọn cỏ
Mùa Thu trở mình trên lá khô
Đã nghe hơi thở trong lòng đất
Rất khẽ khàng và rất nên thơ

Ừ thôi, bây giờ nhìn lá rụng
Thấy xót xa thay kiếp vô thường
Áo trắng ai về ngang lối nhỏ
Sao thấy lòng mình cũng nhớ thương

Nghìn năm tôi vẫn yêu trời đất
Yêu cả không gian rộng vô bờ
Yêu cả những người con áo trắng
Mùa trắng Thánh lễ gọi ước mơ.

2022.





Nhớ Tháp Linh

TRẦN DÃ SƠN

*Đã lâu lắm không về thăm Linh Tháp
Mộ Chân Nhân chắc năm tháng phai màu
Con ở đây nghe nổi niềm tan hợp
Oan người xưa con mãi đến ngàn sau*

*Gió không nói mà cũng buồn biết mấy
Cỏ không hờn sao lá nhạt màu xanh
Chiều Linh Tháp nắng vàng chân mộ chí
Nén tâm hương xin dâng lễ kính thành*

*Đã lâu lắm không về thăm Linh Tháp
Bệnh cầm chân không xóa được đức
Xác giả tạm đã đi vào gió cát
Hồn Thánh đồ còn muôn thuở anh linh*

*Mười tháng Bảy vọng lời kinh cầu nguyện
Nhớ tiền nhân hậu bối xót xa lòng
Con còn đây giữa cõi đời van biển
Cúi lạy Thầy cho con được tâm không.*

7, 2022.

Ba

VÕ THỊ TỔNG

Ngày xưa ấy, con nhiều thơ dại
Thầm trách ba, không trọn vẹn việc nhà
Vài ba ngày, ông lại đi cúng
Cứ bận khoản, hổng biết để làm chi?

Hai giờ sáng, dậy đi cạo mủ
Lo học hành, đĩa này rồi đĩa kia
Mà với con, vậy vẫn chưa đủ
Tâm hồn trẻ, tham lam quá chừng.

Má

Nhớ hồi đó, má vô Ban trị sự
Về chia sẻ chuyện này rồi chuyện kia
Con thơ dại xúi má nghỉ ngơi
Làm cho mệt chứ có được chi.

Con

Về Sài Gòn, gửi gắm con sinh hoạt
Từng ngày từng ngày gôm một chút
Gia Đình Hưng Đạo làm sáng lòng con
Con mới thấu, những ngày gian khó
Ba tranh thủ đi cúng cho kịp giờ
Má tranh thủ ngày công làm xã đạo.

Giờ đây

Con chỉ nguyện, ba má một lòng Đạo
Vững Đức Tin, theo Thầy dịu dặt
Để không phí một đời mưu sinh
Vì chúng con đã gần hết một đời
Con đường dài ba má đang bước
Là gương sáng để con tựa vào.



THÔNG TIN - ĐẠO SỰ

• TRẠI HÈ GDHĐ THÁI HÒA 2022

Ngày 25-26/06/2022 (Nhâm Dần) vừa qua, tại khuôn viên Thánh thất Thái Hòa đã tổ chức hai ngày Hội trại thường niên của GDHĐ Thái Hòa, với sự tham gia của các Trưởng hướng dẫn, Phở tế viên dự bị (Dương Đông 3, Dương Đông 4) và hơn 50 bạn đoàn sinh.

Chương trình hai ngày trại gồm các hoạt động: đêm lửa trại kỷ niệm 70 năm thành lập Thánh thất Thái Hòa, lễ ra mắt Phở tế viên dự bị, lễ ra mắt các ngành Thanh - Thiếu và lễ vào vườn Đồng, các trò chơi nhỏ, kỹ năng lều trại, thi giáo lý,...

Được sự quan tâm tận tình, chu đáo của Họ Đạo hai ngày trại diễn ra thành công viên mãn, cuộc trại cũng được Ban đại diện Hội Thánh Truyền Giáo tại Quảng Nam đã ghé thăm, GH Thượng Thuần Thanh đã gửi trao những tâm tư, tình cảm là lời động viên sâu sắc cho GDHĐ Thái Hòa hun đúc tinh thần Hưng Đạo ngày càng mạnh mẽ hơn.

Hội trại hè GDHĐ Thái Hòa đã diễn ra sôi động và thành tựu trong ơn lành của Thầy Mẹ. Đây cũng là dịp để đoàn sinh ôn lại các kiến thức sinh hoạt trẻ, chuẩn bị cho ngày hội trại Quảng Truyền 4 sắp được tổ chức tại Thánh đường Quảng Nam.

• TRẠI HÙNG NGUYÊN 2

Trại Hùng Nguyên diễn ra hai ngày 01 và 02/6/Nhâm Dần (29-30/6/2022), tại Thánh thất Kim Quang Minh Đài (làng Hội Vân, Cát Hiệp, huyện Phù Cát, Bình Định). Hội trại truyền thống của các GDHĐ Kim Quang Minh Đài, Trung Tâm, Ngọc Linh Đài (Bình Định) và GDHĐ Trung Định (Kontum) tổ chức nhân kỷ niệm 66 năm ngày thành lập Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài; 58 ngày thành lập Đoàn Thanh niên Hưng Đạo và Kỷ niệm ngày đăng Tiên của Đạo trưởng Bảo Thế Huỳnh Thanh. Ban Phụ trách GDHĐ có chuyến thăm và hỗ trợ tích cực cho hội trại.

Kỳ trại Hưng Nguyên 2 diễn ra trong tinh thần gặp gỡ giao lưu giữa đoàn sinh các GDHĐ trong khu vực Bình Định và Kontum thể hiện tinh thần gắn kết và vực lại sinh hoạt trẻ sau những tháng ngày dịch bệnh. Với số lượng hơn 70 trại sinh tham dự nhưng các em rất nhiệt tình hăng say qua các trò chơi thi đua cũng như giáo lý. Trong đêm lửa trại đầy sôi động, với các những tiết mục biểu diễn thể hiện tiềm năng ca hát của đoàn sinh trong khu vực.

Đặc biệt, vào sáng ngày mùng 02/6/Nhâm Dần, quý huynh trưởng trong Ban Phụ Trách cùng các trưởng, đoàn sinh tham dự trại Hưng Nguyên 2 tổ chức buổi lễ chào cờ và dâng hương tưởng niệm công đức của Anh lớn Bảo Thế Huỳnh Thanh, người mang nền tâm pháp Cao Đài về đến làng Hội Vân và truyền bá chánh pháp Đại Đạo khắp tỉnh Bình Định.

• TRẠI LIÊN VƯỜN - TIỀN SA 3

Chủ nhật ngày 19/06/2022, tại Khu du lịch Vườn Trúc (đồi Bồ Bồ, xã Điện Tiến, Điện Bàn, Quảng Nam) đã tổ chức ngày hội trại liên vườn Tiên Sa 3. Hội trại có sự tham gia của Ban hướng dẫn các GDHĐ, Tu tập sinh, các anh chị Ban bảo trợ, cựu Trưởng tham gia hỗ trợ và đặc biệt hơn 100 em đồng sinh của 6 GDHĐ tại Đà Nẵng: Trung Thành, Trung Đồng, Trung Sơn, Liên Hòa, Trung Hải, Trung Bửu.

Tiên Sa 3 là ngày hội trại truyền thống ngành đồng của các GDHĐ tại Đà Nẵng tạo điều kiện để các em đồng sinh tại Đà Nẵng gắn kết tình huynh đệ đồng đạo, qua đó giúp các em có cơ hội được vui chơi, học hỏi cũng như rèn luyện kỹ năng sinh hoạt cộng đoàn, cùng với đó là tạo cơ hội giao lưu sinh hoạt chung để tăng sự gắn kết tinh thần đồng đạo của các em.

• TRẠI THÂN HÒA 8

Ngày 9-10/07/2022, tại Khu du lịch sinh thái Suối Lương, các GDHĐ và Tu tập sinh Đà Nẵng tổ chức hội trại Thân Hòa 8. Tham gia trại có nhiều bảo huynh, cựu trưởng và hơn 200 bạn Thiếu - Thanh sinh.

Kỳ trại Thân Hòa 8 khơi lại tinh thần tiếp nối lửa phụng sự, phát huy truyền thống sinh hoạt tu học của Gia Đình Hưng Đạo. Đồng thời tạo điều kiện để đoàn sinh các GDHĐ và TTS tại Đà Nẵng gắn kết tình huynh đệ đồng đạo và đánh giá quá trình sinh hoạt thời gian qua. Hội trại diễn ra sôi nổi trong tinh thần thân hòa, học hỏi và trao dồi đức hạnh.

• CÁC GDHĐ TẠI QUẢNG NGÃI ĐI DÃ NGOẠI

Ngày 03/07/2022, các GDHĐ Sông Vệ, Vệ Long Trung, Trung Thiện và CSĐ Đức Thắng tại Quảng Ngãi đã tổ chức chương trình dã ngoại tại Khu du lịch Hamya (xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa). Ngày dã ngoại thu hút hơn 150 đoàn sinh thanh - thiếu - đồng và các trưởng hướng dẫn, các thành viên hỗ trợ. Cuộc họp mặt sinh hoạt ngoài trời nhằm khơi dậy tinh thần hăng say sinh hoạt tu học cho giới trẻ. Chương trình dã ngoại có nhiều hoạt động thi đua rất phong phú và hào hứng.

Ngoài các mục vui chơi, thi tìm hiểu giáo lý của các đồng sinh, ngành thanh - thiếu có thi kéo co, nhảy bao bố, đập bong bóng... đặc biệt là chương trình “rung chuông vàng” thi giỏi giáo lý. Chương trình thi đua giúp đoàn sinh gắn bó thân hòa, vui tươi hòa vào đời sống thiên nhiên.

• KỶ NIỆM 20 NĂM GDHĐ TRUNG HIỀN

Đêm 17/07/2022, (19/6/Nhâm Dần) GDHĐ Trung Hiền tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập. Khách mời có chức sắc Họ đạo, trưởng đại diện GDHĐ Trung Minh, Từ Vân và Tu tập sinh; các thế hệ trưởng hướng dẫn, cựu đoàn sinh cùng với Vườn đồng Tân Bình, Thiếu đoàn Tây Sơn, Thanh đoàn Hữu Chí.

Đêm kỷ niệm ấm cúng, thân tình, đoàn sinh và khách mời chụp hình viết thư gửi tương lai, dự phần vào nghi thức thắp nến, lắng nghe “Câu chuyện 20 năm” như lời tâm tình. Trong sự kiện đặc biệt này, GDHĐ Trung Hiền phát hành nội san “Kết Nối” giới thiệu những dòng hoài niệm, ghi nhận những bài học, cảm nghiệm... của các thành viên “người trong cuộc”, phản ánh những sự kiện qua hai thập kỷ sinh hoạt tu học sống đạo của giới trẻ Trung Hiền. Suy niệm về hành trình phát triển, cảm xúc còn lắng đọng:

*Hai mươi năm nhớ Trung Hiền
Tuổi thanh xuân thọ ý Thiên truyền thừa.
Vòng nay nối kết vòng xưa,
Môi thơm kinh sám, môi thưa giọt đời.
Ta về kỷ niệm đầy vơi, ...
Hai mươi năm - chan chứa lời thương yêu.*

• TRẠI QUẢNG TRUYỀN 4

Ngày 30 - 31/07/2022 (02 - 03/7/Nhâm Dần) Ban Đại diện Hội Thánh tại Quảng Nam đã tổ chức trại Quảng Truyền 4 tại khuôn viên Thánh đường Quảng Nam (138 Phan Bội Châu, TP. Tam Kỳ) qui tụ hơn 300 trại sinh ngành thanh và thiếu GĐHĐ thuộc các Thánh thất tại Quảng Nam.

Quảng Truyền 4 là hội trại nhằm phát huy truyền thống tu học sống đạo và rèn luyện kỹ năng sinh hoạt cộng đồng của giới trẻ Cao Đài tại xứ Quảng. Hội trại năm nay có nhiều chương trình thi đua hấp dẫn theo các chủ đề hội thi giáo lý, sinh hoạt tâm linh, kỹ thuật lều trại, văn nghệ lửa trại, trò chơi, nghi thức đội hình đội ngũ... Sau thời gian dài các chương trình sinh hoạt trẻ bị thu hẹp do dịch bệnh covid 19, nay trại Quảng Truyền 4 thắp lên ngọn lửa truyền sinh cho các thành viên GĐHĐ khơi dậy sức sống tươi vui học đạo và tinh thần phụng sự.

• CÁC GĐHĐ TẠI KHU VỰC TÂY NGUYÊN TRẠI ĐỒNG TÂM 3



Trại Đồng Tâm 3-2022 do 3 GDHĐ tại Daklak: Trung Hòa, Trung Phước An, Trung Điền tổ chức vào ngày 30-31/07/2022 tại KDL Ánh Dương, Buôn Đôn. Tham dự trại có hơn 100 thành viên từ các ngành Thanh, Thiếu của 3 GDHĐ được chia thành 6 tiểu trại. Với chủ đề Hòa ái, Ban quản trại đã truyền đạt thông điệp này qua chương trình Rung chuông vàng, lửa trại và trò chơi lớn nhằm giúp các trại sinh gắn kết với nhau hơn. Quý chức sắc, chức việc của 3 họ đạo đã đến dự lễ khai mạc, thăm và động viên toàn trại. Về phía Ban Phụ Trách, HTr Cao Hoài Nhân, phó ban thứ 3 và HTr Võ Thị Kim Tiền đã đến thăm và có lời động viên trại.

Trại Đồng Tâm là trại truyền thống của các GDHĐ Tây Nguyên được tổ chức 2 năm 1 lần. Sau 2 năm đại dịch không tổ chức được, tin tưởng Trại Đồng Tâm 3 sẽ mang lại nguồn động lực mạnh mẽ để các GDHĐ tại Tây Nguyên tổ chức sinh hoạt tu học trở lại đạt nhiều kết quả tốt đẹp.

• TRẠI TRẠI HÒA HIỆP 1 - ĐÀ LẠT

Ngày 13-14/8/2022. trại Hòa Hiệp lần đầu tiên được tổ chức tại khu du lịch Happy Star, Đà Lạt. Trại Hòa Hiệp là kỳ trại hè dành cho các em thiếu sinh và thanh sinh các Gia Đình Hưng Đạo thuộc tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng. Tham dự gồm có các Gia Đình Hưng Đạo Trung Hiệp, Trung Chính, Trung Châu, Trung Thuận, Trung Liên Châu, Trung Dương với số lượng 111 trại sinh, 19 trưởng, 26 người hỗ trợ. Các huynh trưởng trong Ban Phụ trách đã đến thăm và hỗ trợ cho Ban Quản trại về công tác tổ chức cũng như chuyên môn.

Chủ đề trại là Giỏi trau đạo đức, dựa vào chủ đề 5 năm của Ban Phụ trách là Giỏi trau đạo đức và năm 2022 là Đức Nhân. Kỳ trại là cơ hội để các trưởng trau dồi các kỹ năng về đời sống trại, phối hợp làm việc, nâng cao kiến thức quản trị và cảm đoàn. Các hoạt động trại đã thật sự đem lại sự vui tươi, bổ ích cho các em trại sinh trong dịp hè, trước khi bước vào năm học mới.

• **ĐỢT TU HẠ CHÍ** diễn ra từ mùng 3/6 đến 11/6/ Nhâm Dần tại Trung Tông Thánh Tịnh nhằm trưởng dưỡng đức tin, trau dồi đức hạnh và chung lòng cầu nguyện Ôn Trên, cùng nhau tiến tu trên con đường

phụng sự nhân sanh. Tham dự đợt tu có 32 tịnh viên gồm các chức sắc, chức việc các cơ quan Hội Thánh, chức sắc đại diện Hội Thánh, Tịnh chủ Tịnh thất, nữ tu dòng tu Bảo Thọ và nhân viên giúp việc Ban Điều Hành. Tại Hội trường Anh Lớn GS Thượng Liêm Thanh kêu gọi anh em vững lòng tin con đường Trung Đạo mà Thầy đã đặt để cho Hội Thánh Truyền Giáo, cũng như di ngôn của Đạo Trưởng Phối sư để lại cho tịnh viên. Dậy thời ngày 11/6/ Nhâm Dần Anh Lớn GS Thượng Thứ Thanh dâng sớ bế mạc tại Bửu điện Trung Hưng Bửu Tòa.

● **KHÓA TU TẬP NAM NỮ THÀNH NHÂN QUẢNG NAM** được Ban Đại diện HT tổ chức vào 2 ngày 13 - 14/8/2022 với hơn 100 khóa sinh.

Được sự quan tâm, công tác chuẩn bị rất chu đáo từ Đạo huynh Giáo hữu Thượng Thuần Thanh cùng quý Chức sắc trong Ban đại diện tại Quảng Nam. Ban Phụ trách Gia Đình Hưng Đạo đến tham gia giảng huấn trong khóa học. Cứ mỗi 2 năm, Ban Đại diện lại tổ chức khóa tu tập Thành nhân như vậy cho tất cả các em đủ tuổi về tham dự khóa tu học. Sau khóa học các bạn về lại Hộ đạo mình và được Đạo huynh Đầu Hộ đạo làm chủ lễ và được tổ chức tại Thánh thất.

Khóa tu tập nam nữ Thành nhân là một trong những khóa tu tập truyền thống của 21 Hộ đạo tại Quảng Nam

● **NGÀY 14/8/2022 Tập thể Tu Tập sinh tại TP. HCM** giúp ích hệ tại Thánh Thất Trung Liên Châu. Đây là năm thứ 10 tập thể tư vấn và khám chữa bệnh miễn phí cho bốn đạo và các em thanh thiếu đồng sinh. Đoàn tham dự năm nay có 20 quý Y bác sĩ, được sĩ cùng các bạn sinh viên trường ĐH Y Dược TP. HCM với các hoạt động tư vấn và khám sức khỏe, gồm có các tổ điều phối, ghi danh, nhãn khoa, nha khoa, nhi khoa, nội tổng quát cho gần 120 bốn đạo tại địa phương. Để thực hiện được hoạt động này, tập thể Tu Tập Sinh nhận được rất nhiều sự hỗ trợ nhiệt tâm của quý Hộ Đạo, quý Mạnh Thường Quân và quý thiện tâm. Đại diện BPT, Huỳnh trưởng - trưởng Tiểu ban Tu Tập Sinh ghé thăm và tham gia cùng đoàn. Anh chị em trong đoàn nhiệt thành tham gia, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình với tinh thần gắn

kết và sẻ chia cùng đồng đạo. Cuối buổi Đạo huynh Đầu họ đạo phát biểu cảm ơn đoàn đã đồng hành và hỗ trợ quý bốn đạo nơi đây cũng như gửi tặng quà cho tất cả thành viên tham dự.

Ban Đại diện Hội thánh tại Quảng Nam kết tập sử liệu “Lược sử Đạo Cao Đài tại Quảng Nam”. Trưởng Ban là Giáo Hữu Thượng Thuần Thanh, chức sắc Đại diện Hội Thánh tại Quảng Nam cùng với các thành viên, thời gian kết tập kéo dài từ tháng 5/Nhâm Dần - 2022 và dự kiến đến tháng 6/Ất Dậu - 2025 hoàn thành, đây là công trình quan trọng nhằm góp vào pho sử đạo của Hội Thánh, nhằm hướng đến kỷ niệm 90 năm khai đạo Cao Đài tại Quảng Nam (1935-2025), 55 năm ngày khánh thành Thánh đường Quảng Nam (1970-2025), và 100 năm Khai minh đại đạo (1926-2026). Bên cạnh đó, công trình viết nên những bài học kinh nghiệm, những tấm gương sống đạo tỏa sáng đức từ bi, trí tuệ, dũng cảm kiên trinh, đề tu học lập công hành đạo kế thừa xây dựng đạo nghiệp trong hiện tại và tương lai.



DANH SÁCH CÔNG QUẢ AN TÔNG SỐNG ĐẠO KỲ 3/2022 NHÂM DẦN

Nhà Hưu Lão	500,000	HT Nguyễn Thị Mai	50,000
Lễ sanh Phan Hương Chi	500,000	Họ Đạo Quảng Hòa	200,000
Họ Đạo Hội An	4,300,000	Đỗ Thị Ngọc Sang	200,000
Xã Đạo Vĩnh Điện	300,000	Họ Đạo Trung Bảo	1,400,000
LSHP Trần Thị Hoa hồi hướng		LS Đinh Thị Khanh (La Ngà)	200,000
hương linh Mẫu thân Tạ Thị Thứ	500,000	Nguyễn Thị Tâm (La Ngà)	100,000
TS Trần Thị Loan HH hương linh		Nguyễn Thị Đông (La Ngà)	50,000
Mẫu thân Tạ Thị Thứ	500,000	Nguyễn Thị Như Thủy (P. Cẩm)	100,000
DT Nguyễn Thị Tuyết Hương	400,000	Nguyễn Thị Kim Trang (P. Cẩm)	50,000
Nguyễn Thị Hồng	300,000	Phạm Thị Bé (P. Cẩm)	50,000
CTS Nguyễn Văn Thời	200,000	Lê Thị Hòe (P. Cẩm)	50,000
PTS Nguyễn Thị Mai	300,000	GĐ Nguyễn Thanh Đức (P. Cẩm)	100,000
PTS Trần Thị Thu Ly	200,000	LS Thái Trung Thanh (P. Cẩm)	50,000
TT Lê Thị Phụng	100,000	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (P. Cẩm)	300,000
Nguyễn Thị Châu	200,000	Nguyễn Thị Dũng (P. Cẩm)	100,000
CTS Nguyễn Thị Nhân	100,000	LS Thượng Anh Thanh (P. Chánh)	100,000
TS Nguyễn Thị Trang	200,000	Nguyễn Đình Bảo (P. Chánh)	50,000
Nguyễn Thị Lý	200,000		
CTS Phạm Ngọc Dũng	100,000		
PTS Nguyễn Quang Phong	200,000		
TS Lê Ngọc Hòa	100,000		
Trần Phạm Diệu Linh	100,000		
TS Trần Diệt	100,000		
CTS Phan Thị Sáu	100,000		
LSHP Thiều Thị Hoa	50,000		

LS Thái Linh Thanh (P. Hưng)	50,000	Phan Minh Đức	500,000
Nguyễn Thị Trân (P. Hưng)	50,000	Mai Hậu	1,000,000
Họ Đạo Trung Dương 2,000,000		Trương Đình Chiến	500,000
Họ Đạo Trung Đồng 10,400,000		Trần Đình Lý hồi hướng Giác	
LSHP Tạ Thị Thơ hồi hướng		linh song thân Trần Văn Hòa và	
Hương Linh Tạ Xuân Đường và		Lê Thị Hảo	5,000,000
Lê Thị Nhân	10,000,000	Trương Đỗ Hoàng Nhi	200,000
LSHP Lê Thị Khán	200,000	Phan Thị Tấn	500,000
LS Lê Hương Hoa	200,000	Nguyễn Thị Kim Chi hồi hướng	
Họ Đạo Trung Hiền 5,300,000		GL song thân LS Ngô Trân và	
Văn Thị Hiệp	500,000	TT Nguyễn Thị Hồng	500,000
Gia đình hồi hướng giác linh		Lê Mai Đan Phiên	1,000,000
Nguyễn Thị Bách	350,000	Lê Hồ Phương Linh	200,000
Lễ Sanh Trần Hương Tám	200,000	Họ Đạo Trung Phước An 500,000	
Nguyễn Thị Anh	250,000	Nguyễn Thị Bích Thùy	500,000
Trần Lê Trâm Anh	4,000,000	Họ Đạo Từ Vân (Sg) 1,200,000	
Họ Đạo Trung Hiệp 9,700,000		Đặng Ngọc Hưởng	1,000,000
Họ Đạo Trung Hiệp	8,000,000	Trần Thị Tú	200,000
Nguyễn Thị Yên	200,000	Các đơn vị khác 13,700,000	
Nguyễn Trung Tín	1,000,000	Hội Thánh Cao Thượng Bửu Tòa	
Phạm Nhất Sương	500,000	(Bạc Liêu)	2,000,000
Họ Đạo Trung Hội (Gia Lai) 500,000		Đ/T Hồ Chánh Thiện (Hoa Kỳ)	3,000,000
Mai Thị Kim Quyên, Mai Văn Tinh	500,000	GĐ Đ/h Đạt Tường	5,000,000
Họ đạo Trung Minh 10,900,000		GL Cao Hữu Huỳnh (Đại Lộc)	2,000,000
Phan Minh Phúc	500,000	GL Phan Thanh Long	1,000,000
Trương Đỗ Hồng Nha	500,000	Trương Vĩnh Trâm Anh	500,000
Phan Hồng Hạnh	500,000	Nguyễn Văn Hiếu	100,000
		Võ Văn Hồng Phước	100,000

LIÊN LẠC VỚI SỐNG ĐẠO:

Email: **songdao@gmail.com**

Quý Họ Đạo và chư đạo tâm công quả ấn tống chuyển khoản về LÊ HỒ PHƯƠNG LINH, số tài khoản 100077429, Ngân Hàng Thương Mại Á Châu (ACB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

ĐT Phương Linh: 0904 780 384

Danh sách công quả ấn tống xin gửi: NGUYỄN THỊ ANH, ĐT: 0918 705 268. Email: **anhcn7@gmail.com**

Bài vở gửi nơi khác không gửi Sống Đạo.

Quý bạn cần đọc Sống Đạo qua email vui lòng thông báo địa chỉ cho Sống Đạo: **songdao@gmail.com**.

Đặt và nhận, tăng hay giảm số lượng Sống Đạo, liên hệ NGUYỄN THÀNH MẶN.

ĐT: 0908 152 988

• Tu Từ Từ

Hòa và hùà

Ngọc Anh

Xuyên suốt nhiều bài Thánh giáo dạy đạo, Ôn trên luôn nhắc nhở chúng ta hai chữ: đó là Tịnh đối với bản thân, Hòa đối với đồng đạo.

Hòa là sự thực hiện nhíp nhàng, ăn khớp giữa các cơ quan, bộ phận cũng như giữa các thành phần trong gia đình, tổ chức và cộng đoàn, các thành viên luôn thuận thảo với nhau, không chia rẽ.

Đức Quảng Hiệp Đạo Nhơn Phan Chu Trinh đã dạy trong đàn 1-5 Nhâm Dần, 1962:

*“Hòa là chẳng chia hai vận khí,
Hòa là không đổ kỵ thua hơn,
Hòa mình đại thể chánh chơn,
Hòa an thế hạ giải cơn khổ đời”.*

Hòa giúp cho cơ thể an lành, lớn mạnh, tổ chức và cộng đồng phát triển tốt đẹp.

“Đạo quý là tại hòa. Các em nghĩ thử mà coi, tạo Thiên lập Địa cũng bởi âm dương hòa hiệp sanh hóa muôn loài, cũng bởi một chữ hòa, đến đổi như thân của người có tạng có phủ. Tạng phủ ấy nếu chẳng hòa thì con người chẳng hề sống bao giờ. Kịp đến tâm hồn bất hòa thì thất tình lục dục đều phát khởi tranh ngôi với thần lương tâm, nếu kém lực, thì con người ấy duy có sinh hoạt trong vòng vật dục chớ chẳng hề biết Thiên lý là gì?”

(Quan Âm Như Lai, TNHT, đàn 17- 3- Quý Dậu, 1933).

Hòa phải đặt trên sự sáng suốt vì lợi ích và sự sống còn chung của cộng đồng dân tộc, nhân loại hoặc tôn giáo. Hòa không phải là về hùà với nhau theo kiểu bè nhóm, phe phái trăn áp người không cùng quan điểm mà phải biết lắng nghe, tôn trọng quan điểm đối lập. Đừng thấy người khác làm rồi cứ nhắm mắt làm theo, như kiểu bầy đàn thì hậu quả đôi khi vô cùng tai hại. Thầy dạy: *“Có hòa hiệp mới biết thương”.*

Có chuyện kể: Một người cưỡi ngựa đi ngang qua làng, chú chó đang ngủ đầu làng thức giấc sủa to, ngựa giật mình phóng nhanh, người cưỡi ngựa hoảng hồn hét lên “Chó dại! Chó dại” Mọi người hùà nhau rượt đuổi đập chết con chó. Chú chó chết oan!

Trong một Thánh thất, muốn đạo sự được hanh thông tốt đẹp thì hòa nhau là điều cần thiết. Có hòa mới có sự hiệp sức cùng nhau chung lo mọi việc. Hòa nhưng không hùà!

*“Đừng xích mích làm phiền Hội Thánh,
Chớ nhỏ nhen hóa tánh ma tà;
Thĩ chung bát sát chữ hòa,
Chữ hòa tạo được Bửu Tòa ngày sau”.*

(DTKM, TTTH, đàn 15-9 ĐĐ 30).

SỐNG ĐẠO ĐÔNG NHÂM DẦN 2022-4

- Kỷ Niệm Đầu Sư Ngọc Quế Thanh và Chức Sắc Cửu Trùng Đài (14/10).

- Ngày Khai Đạo/Hạ Nguơn (15/10).

- Kỷ Niệm Bảo Nguơn Chơn Tiên Trần Nguyên Chí.

- Kỷ Niệm Đức Jesus Christ (25/12/DL).

- Kỷ Niệm Giám Đản Thiên Quân Lê Trí Hiễn (06/12).

- Kỷ Niệm Chức Sắc Hiệp Thiên Đài (08/12) & Bảo Pháp Thanh Long Lương Vĩnh Thuật.

- Danh nhân văn hóa:

+ Nguyễn Bình Khiêm (11/DL).

+ Trương Vĩnh Ký (06/12/DL).

+ Phật Hoàng Trần Nhân Tông (16/12/DL).

+ Phan Bội Châu (26/12/DL)

Hạn gửi bài 15/9/Nhâm Dần.

Thành thật cảm ơn.

Sống Đạo.

ISBN 978-604-61-8853-7



SÁCH ẤN TỔNG